

Số 172

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Bốn mùa
hoa súng

Tr. 36

Nơi pháp luật
hầu như bất lực

Tr. 3

Cầu an
đầu năm

Tr. 20

THƯƠNG HIỆU CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

MỸ NGHỆ TRÀM HƯƠNG

 **TRƯỜNG KHA**

Trần
2012
Quyển

越
南
沉
香

Kính chúc

Chùa Tam Thiên Đức Tổng - H

ương Quy Phật Tử

Một năm mới thắm tươi thịnh vượng lạc

Phật sự viên thành

長
柯



Nhang trầm hương



tượng trầm hương



Quạt trầm hương



tinh dầu trầm hương

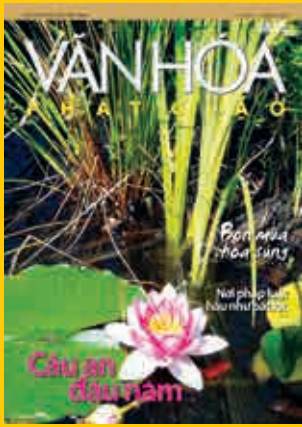
TRƯỜNG KHA Co., LTD - 168 Nguyễn Chí Thanh P.3 Q.10 Tp.HCM

* Tel: 08. 62 99 75 65 - 0913.78 79 82 - 0939.779.888 * Hotline: 0908.664.789

* Website: www.truongkha.vn * Email: truongkha_vn@yahoo.com * Fax: 08. 626 55 496

*Chuyên sản xuất và cung cấp sỉ - lẻ các sản phẩm được làm từ trầm hương nguyên chất:
trầm, tượng trầm, nhang trầm, bột trầm, tinh dầu trầm, chuỗi trầm, quạt trầm, gỏi
trầm, trà trầm, xà phòng - nước hoa trầm hương...*





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Nơi pháp luật hầu như bắt lặc (Nguyễn Thế Đăng)	3
Sương mai	6
Vị trí của nữ giới trong giáo dục Phật giáo (Thích Giác Toàn)	7
Thẩm mỹ Barbie (Lê Hải Đăng)	10
Bóng chữ hiện trước đèn (Nguyễn Cẩn)	12
Huỳnh Kim Bửu và Tiếng hạc bay trên dòng sông Côn (Trương Văn Dân)	14
Tìm hiểu về Tôn giả Tịch Thiên (Phạm Chánh Cẩn)	17
Cầu an đầu năm (Thanh Quyển)	20
Về sự cho phép của gia đình để được xuất gia thời Tăng đoàn Nguyên thủy (Pandita, Lương Danh Sơn dịch)	23
Ăn chay (Hoàng Tá Thích)	27
Sự lựa chọn của lão nông (Phạm Xuân Phụng)	29
Vài câu chuyện ở An Phú Đông (Thị Giới)	31
Lu nước trước nhà, nét đẹp tình người ở Nam Bộ (Trần Phong Điền)	35
Bốn mùa hoa súng (Hoàng Xuân Vinh)	36
Primum non nocere (Nguyễn Hữu Đức)	38
Ăn xin và hát rong (Hồ Anh Tú)	40
Đời sống giản dị (Vicki Covington, Hồ Liễu dịch)	42
Thử nghĩ mấy điều cần thiết về văn hóa đọc (Mang Viên Long)	44
Từ bói toán đến dự đoán khoa học cho tương lai (Trần Văn Chánh)	46
Thơ	50
Lối về rộng mở (Nguyễn Trọng Hoạt)	52
Đường lên chùa (Quách Giao)	55
Lời cảm ơn cuộc sống	58

Bìa 1: Hoa súng ven đầm. Ảnh: photonum.wordpress.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Đầu năm Quý Ty, trở lại làm việc sau những ngày nghỉ Tết khá dài, theo thông lệ, tòa soạn Văn Hóa Phật Giáo cũng thiết trí một bàn thờ vừa đủ trang trọng, bày hương hoa vật thực chay tịnh để toàn thể nhân viên cùng hướng tâm đến mười phương chư Phật xin được gia hộ cho một năm hoạt động mới có nhiều may mắn. Khi dâng hương, từng nhân viên của Tòa soạn cũng dâng lời cầu nguyện lên các bậc giải thoát khắp mười phương, tất cả mọi người đều chỉ nêu một ước vọng duy nhất là mong sao tạp chí Văn Hóa Phật Giáo tiếp tục tồn tại và phát triển trong bối cảnh kinh tế khó khăn của đất nước. Tuy nhân viên tòa soạn VHPG không có bao nhiêu người, tất cả đều đồng tâm nhất trí lo cho sự tồn tại và phát triển của tờ báo, thể hiện sự đoàn kết của một tập thể có mong muốn được đóng góp vào việc xây dựng một xã hội hiền thiện, đúng như tôn chỉ của tờ báo.

Sau đó, toàn thể nhân viên đã ngồi lại với nhau trong một buổi tiệc trà thân mật đầu năm để kỷ niệm ngày tạp chí VHPG tròn tám tuổi. Tám năm qua, với 171 số báo đã phát hành, VHPG đã thực sự trưởng thành. Từ những lời dự đoán là VHPG không thể tồn tại trong vòng vài tháng kể từ khi ra mắt vào mùa xuân năm 2005, đến nay VHPG đang vững vàng bước vào năm hoạt động thứ chín. Được như vậy là nhờ VHPG đã phần nào thể hiện được những bản khoán chung của quý vị độc giả, đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ các độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu. Mặc dù những đóng góp của tờ báo đối với công cuộc hoằng truyền Chánh pháp của Đức Phật cũng như việc góp phần bảo vệ và phát huy văn hóa dân tộc còn rất khiêm tốn, có thể nói sự hiện diện của tạp chí VHPG cũng mang lại một làn gió mát thoang thoang giữa những bức bối của cuộc sống. Trong hoàn cảnh khó khăn về tài chánh, chúng tôi không thể có một buổi kỷ niệm tám năm ngày ra mắt của tờ báo một cách trang trọng hơn. Chúng tôi hy vọng rằng, với sự gia hộ của mười phương Tam bảo, với sự ủng hộ nhiệt tình của quý vị độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu, cùng với nỗ lực và tinh thần đoàn kết của toàn thể nhân viên tòa soạn, VHPG sẽ có điều kiện để hai năm tới tổ chức một lễ kỷ niệm thực sự có ý nghĩa cho ngày tờ báo tròn mười năm tuổi. Khi ấy, chúng tôi sẽ có điều kiện gặp gỡ tất cả những vị độc giả thân thiết, những vị cộng tác viên, các bậc ân nhân và mọi thân hữu, để cùng ôn lại chặng đường đã qua và hoạch định những hoạt động phát triển mạnh mẽ hơn của tạp chí.

Trong sự phấn khởi của những ngày đầu năm, chân thành kính chúc tất cả quý vị được hưởng nhiều hồng ân của Tam bảo. Xin thành tâm cầu nguyện mười phương chư Phật gia hộ cho đất nước thái bình và thịnh vượng, toàn thể thế giới thanh bình và an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Nơi pháp luật hầu như bất lực

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1 Một vấn đề chưa thể giải quyết

Cuối năm 2012, một kẻ sát nhân mới 20 tuổi, bắn chết mẹ mình rồi đến một trường tiểu học bang Connecticut bắn chết 20 em nhỏ và 6 người lớn ở trường. Chỉ vài hôm sau, một vụ bắn giết khác. Trước đó vài năm là những vụ bắn giết ở trường học của Mỹ.

Sau vụ việc, Hiệp hội súng đạn Mỹ kêu gọi trang bị súng cho tất cả các trường học để ngăn chặn thảm kịch trên tái diễn. Báo *New York Times* tức giận thốt lên: “Đó là lời phát biểu gian dối, ảo tưởng, gần như loạn trí”.

Không những người dân Mỹ mà cả thế giới ai cũng kinh sợ, đau xót. Riêng Chính phủ Mỹ, kể từ ít ra là thời Clinton, đã muốn bãi bỏ hoặc ít nhất giới hạn luật cho tự do giữ súng. Hơn 300 triệu người Mỹ thì gần 300 triệu khẩu súng. Thế nhưng những nhà làm và bán súng không chấp nhận vì quyền lợi của họ với đủ lý do hợp lý, hợp pháp và cả hợp hiến nữa. Người dân thích chơi súng cũng phản đối. Dĩ nhiên có các dân biểu Quốc hội hỗ trợ để có thể bác bỏ một dự luật cấm súng.

Thế nên chúng ta đặt tiểu đề “một vấn đề chưa thể giải quyết”. Rất khó giải quyết vì ngày nào tham tiền và quyền lợi, tham vọng chính trị bất chấp lương tri... thì pháp luật không thể giải quyết vì pháp luật bị điều khiển và bóp méo bởi những xúc tình tham sân si của con người.

Với một quốc gia như nước Mỹ, văn minh nhất, khoa học kỹ thuật nhất, các đại học nhất, xã hội giàu có và được tổ chức tinh vi nhất... nhưng cũng không thắng nổi những tham lam vô lý của một số người cũng dựa vào luật pháp và hiến pháp, dựa vào chế độ tự do bầu cử để bác bỏ điều mà ai cũng thấy là phải làm.

Đó chỉ là một vấn đề rắc rối, một vấn nạn của nước Mỹ. Chắc chắn ở những nước mà xã hội kém phát triển

thì có nhiều vấn nạn hơn nữa. Nhìn rộng ra, một nghị quyết hợp lý của Liên Hiệp Quốc bị một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an bác bỏ vì quyền lợi riêng của nước mình, hay ngân sách quân sự mỗi năm mỗi tăng, chiến tranh, khủng bố, phá hoại môi trường, hố ngăn cách giàu nghèo... là những vấn nạn hầu như chưa được giải quyết, mặc dầu chúng ta tự cho là văn minh nhất, tiến bộ nhất từ khi có lịch sử loài người.

Phải chăng có những vấn nạn mà sự phối hợp nhiều kiến thức, nhiều ngành học, nhiều phương pháp tổ chức xã hội, nhiều luật lệ tinh vi, cũng đành bất lực? Phải chăng pháp luật, điều xã hội nào cũng cần có và là sự biểu lộ của lương tri con người về công bình, cũng chẳng có ý nghĩa gì mấy trước sự tham sân si không hợp lý của con người? Phải chăng mọi vấn nạn của xã hội, và nói rộng ra, của thế giới không nằm trong xã hội và thế giới, mà nằm chính ngay trong con người?

Đây là một vấn đề khổ tâm chưa giải quyết được, mặc dù sự văn minh, tiến bộ trong tất cả mọi lãnh vực xã hội là không thể chối cãi. Một vấn đề khổ tâm gây đau khổ, một căn bệnh xã hội, nói theo Phật giáo là một vấn đề nằm trong chân lý thứ nhất về sự khổ (Khổ đế).

Khi cuộc đời chịu thua, dù được trang bị bằng những thành tựu cao nhất của nhân loại, chúng ta hãy đi tìm một giải pháp theo Phật giáo.

2 Nguyên nhân của vấn nạn

Những vấn nạn trên có thể được giải quyết tận gốc nếu chúng ta nhìn ra những nguyên nhân tạo ra các cái khổ này.

Chúng ta thấy pháp luật, công lý thì không sai. Chẳng hạn Công ước về lãnh hải của Liên Hiệp Quốc

có thể chưa hoàn chỉnh nhưng không sai. Những ước vọng ngàn đời của nhân loại về công bình, bình đẳng, văn minh – nghĩa là sự tiến bộ của con người về vật chất và tinh thần – thì không sai.

Cái sai nằm ở lòng tham lam bất hợp lý. Tham chưa được hay không được thì tức giận. Tức giận thì giành giật bằng bất cứ giá nào, thậm chí đến đánh nhau. Rồi cái si mê tự cho mình là đúng, mình có quyền sống, mình có quyền hạnh phúc bất chấp quyền sống và quyền hạnh phúc của người khác.

Những cái tham, sân, si, kiêu căng, đố kỵ, nghi ngờ, hiểu chiến... khiến những tương quan với người khác bị hư hỏng, làm hư hỏng người khác đồng thời làm hư hỏng chính tính người của chúng ta. Làm hỏng tính người của chúng ta vì tính người của chúng ta là hướng đến công bình, bình đẳng, sáng suốt, tử bi... hướng đến Chân Thiện Mỹ trong tất cả mọi mặt của mình cũng như của xã hội.

Tham lam vô lý, tức giận, hiểu chiến, cố chấp si mê... là những cái Phật giáo gọi là những phiền não. Chính những phiền não này làm hại chúng ta trước hết, sau đó làm hại đến người khác. Chúng là những kẻ thù đích thực ở ngay trong ta mà chúng ta phải điều phục, phải chiến thắng nếu muốn không bị chúng làm hại, nếu muốn sống một đời hạnh phúc. Những phiền não ấy là những nguyên nhân của mọi vấn nạn, từ con người cho đến xã hội. Phật giáo nhận diện chúng là những nguyên nhân được tích tập trong tối tăm mê mờ rồi tạo ra khổ đau, vấn nạn. Đó là chân lý về sự tích tập khổ đau, Tập đế.

Giải tán, chiến thắng những nguyên nhân của khổ đau do mình tự tạo thay vì chiến thắng người khác hay thiên nhiên, đó là hạnh phúc:

*Dầu ngoài bãi chiến trường
Thắng hàng vạn quân địch
Tự thắng mình tốt hơn
Thật chiến thắng tối thượng.*

(Kinh Pháp Cú, phẩm Ngàn)

*Chiến thắng sinh thù oán
Thất bại chịu khổ đau
Hạnh phúc, sống tịnh lạc
Bỏ sau mọi thắng bại.*

(Phẩm Hạnh phúc)

3 *Cá nhân và xã hội hạnh phúc*

Nếu chúng ta từ bỏ được những nguyên nhân gây ra vấn nạn khổ đau (bằng tử bi, trí huệ, nguyện vọng cao cả...) thì chúng ta được hạnh phúc và xã hội hạnh phúc, vì những nguyên nhân gây ra khổ đau đã diệt dứt. Điều này Phật giáo gọi là Diệt đế, chân lý về sự diệt dứt.

Chúng ta đều muốn sống trong một xã hội hòa bình, an toàn; người thường không có ai mang dao, súng. Rộng ra, một thế giới hòa bình, an toàn, màu xanh của những cánh đồng lúa, những nông trại trái cây nhiều hơn bom

đạn, trái đất mãi mãi xanh tươi hơn là khói lửa của chiến tranh. Giải trừ vũ khí, giải trừ quân bị cho cá nhân và quốc gia không đợi đến thế kỷ 20 với hai cuộc đại chiến và rất nhiều cuộc chiến khác mới được kêu gọi. Từ thời Đức Phật, Ngài đã nói đến xã hội không còn bạo lực, không còn vũ khí, không còn “gậy gộc” không chỉ ở ngoài đời mà còn ở trong tâm thức. Một tâm thức không có sự xấu ác của bạo lực, thì tâm thức ấy hẳn phải hạnh phúc.

*Ai cũng sợ gậy gộc
Tất cả đều sợ chết
Lấy ta suy ra người
Chớ giết, chớ bảo giết.
Ai cũng sợ gậy gộc
Ai cũng quý mạng sống
Lấy ta suy ra người
Chớ giết, chớ bảo giết.*

(Phẩm Gậy gộc, 129, 130)

*Dầu ăn mặc sang trọng
Nhưng an tịnh, nhiếp phục
Sống vững vàng, thanh tịnh
Không dùng gậy với ai
Ấy là người cao quý
Là Sa-môn, Ty-kheo.*

(Phẩm Gậy gộc, 134)

Một xã hội cho đến một thế giới không có gậy gộc, không có bạo lực, từ trong tâm cho đến ngoài, là một xã hội và một thế giới hòa bình và hạnh phúc mà đạo Phật luôn luôn dẫn dắt mọi người thực hiện, vượt khỏi những nghiệp của thân phận làm người là giết hại, trộm cướp, tà dâm nói dối và say sưa mê mờ.

4 *Phương pháp giải quyết vấn nạn*

Những phương pháp, những con đường thực hành để đưa đến sự tận diệt những phiền não, những thứ xấu ác trong lòng người, điều mà pháp luật, xã hội, chính trị, kinh tế, giáo dục... không thể làm một cách triệt để, thì có rất nhiều. Ở đây chỉ nói đến năm giới, những đức tính căn bản để làm người. Năm giới ấy đặt trên nền tảng định luật nhân quả.

Chúng ta thấy phương pháp của đạo Phật, thuốc chữa bệnh của đạo Phật dù là một món chính, nhưng bao giờ cũng có nhiều món khác hỗ trợ để tiến bước đồng bộ với nhau. Chẳng hạn, không thể có giới nếu không có định (sức mạnh vững chắc của tâm khiến không lay động, không bỏ cuộc, thối lui) và huệ (tâm sáng tỏ để thấy đúng sai, phải trái, điều cần làm và điều không nên làm).

Áp dụng vào vấn nạn này, năm giới dựa trên định luật nhân quả là: Trước hết, cấm giữ và mua bán súng đạn, chất nổ, rượu mạnh, các chất kích thích gây mất tự chủ, hình ảnh bạo lực hoặc khiêu dâm... Đó là giới của mọi người cư sĩ. Không có những thứ kích thích phạm tội và phương tiện để tạo ra sự xấu ác là đã khó làm việc xấu ác rồi.

Nhưng hơn thế nữa, phải trừ diệt sự xấu ác trong tâm thức thì mới hết gốc bệnh. Có nhiều phương pháp, nhưng ở đây chúng ta chỉ nói đến năm giới đặt nền trên định luật nhân quả.

Chúng ta giữ giới, không làm điều xấu ác bởi vì gây nhân xấu ác sẽ chịu hưởng quả xấu ác.

*Người ngu làm sai trái
Không ý thức điều ác
Do hành động của mình
Bị giày xéo, thiếu đức.
Dùng gây hại (người) không gây
Làm ác (với) người không ác
Sớm phải chịu một loại
Trong mười khổ sau đây.
Hoặc thọ khổ khốc liệt
Thân thể bị thương tích
Hoặc mắc phải bệnh nặng
Hay loạn tâm mất trí.
Hoặc tai họa từ vua
Hay bị vu trọng tội
Ly tán với thân quyến
Hay tài sản tan hoang.
Hoặc nhà cửa chốn ở
Bị nạn lửa thiêu rụi
Khi thân thể hoại diệt
Người ngu sanh khổ cảnh.*

(Phẩm Gây gộc, 136 đến 140)

Chọn lựa nhân quả là chọn lựa cuộc đời của mình. Không chọn nhân xấu, không làm ra nhân xấu, tức là đã từ bỏ được cảnh khổ. Khi lâm vào cảnh khổ, phần đông người không biết nhân quả sẽ làm cho người chung quanh khổ sở. Đời hành hạ tôi thì tôi hành hạ lại người khác.

Người không tin nhân quả, làm biếng suy nghĩ về những hành động của mình, “vô tư”, mê tín thì khi một tai họa xảy ra lại đổ lỗi, chạy chọt gian lận lung tung. Mê tín về sự vô tội của mình thì nói, “xui rủi vậy thôi”. Mê tín về một ông Trời thì cho là trời thiên vị người khác, cho họ hạnh phúc, còn riêng mình bất hạnh. Mê tín về khoa học kỹ thuật thì cho rằng mình áp dụng khoa học kỹ thuật chưa đầy đủ (xe hơi tối tân nhất chưa hẳn là thoát được tai nạn). Một cái gì mất mát, tiêu tan, lại lo kiếm tiền gấp để có lại được ngay, đôi khi cách kiếm tiền lại tiếp tục gây ra nhân xấu ác.

Thế nên, muốn cải tạo số phận thì phải cải tạo nhân quả. Giúp đỡ thực sự người nào không chỉ là giúp đỡ để khắc phục hậu quả xấu trước mắt, mà còn giúp đỡ không tạo ra những nguyên nhân xấu để khỏi tiếp tục chịu những kết quả xấu ấy. Hơn nữa còn phải giúp đỡ họ làm ra những nguyên nhân tốt để trung hòa với những hành động xấu trước kia và để hưởng được những kết quả tốt trong tương lai.

Tóm lại, sống theo nhân quả chỉ là: muốn tránh khổ đau thì đừng tạo ra nhân của khổ đau. Muốn được

hạnh phúc thì hãy tạo ra nhân của hạnh phúc. Mọi người đều tự do và bình đẳng sáng tạo cuộc đời mình trước định luật nhân quả.

Năm giới căn bản là: không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu say. Thấy giản dị như vậy nhưng giữ được đến mức vi tế trong toàn bộ con người mình, trong toàn bộ thân ngữ tâm của mình là chuyện không dễ. Bởi vì tâm thanh tịnh đến đâu thì giữ giới được đến đó. Thế nên, Hòa thượng Thánh Nghiêm viết trong *Giới luật học cương yếu* (Tuệ Đăng phiên dịch, 2000): “Đại sư Hoàng Nhất là một vị cao tăng thời cận đại nổi tiếng về học luật và giữ luật. Nhưng ngài tự nghiệm ngài chẳng những không đủ tư cách của Tỳ-kheo, cũng không đủ tư cách của Sa-di, thậm chí còn chẳng đủ tư cách cư sĩ của năm giới đầy đủ. Chúng ta thử nghĩ: Một vị cao tăng giữ luật nghiêm cẩn mà còn không dám tự cho mình là người thanh tịnh đầy đủ năm giới, thì bọn chúng ta có ai dám nói mình là người hành trì năm giới thanh tịnh chăng?”


Giữ được năm giới đến đâu thì thân tâm thanh tịnh và an lạc đến đó. Giữ được năm giới thì có ngay hạnh phúc. Hạnh phúc trước mắt và hàng ngày. Ngược lại, hành động trái với năm giới là bắt đầu bước vào bất hạnh.

Người ta còn có hạnh phúc nhiều hơn khi chẳng những giữ năm giới (các xấu ác chớ làm) mà còn tích cực làm những điều ngược lại với sự xấu ác (các điều thiện nên làm). Tức là thay vì giết hại thì bảo bọc, nuôi dưỡng, che chở cho mạng sống chúng sanh; thay vì trộm cướp thì cho đi, trao tặng; thay vì tà dâm thì tiết chế và chuyển hóa năng lực tình dục thành những năng lực sáng tạo khác; thay vì vọng ngữ thì nỗ lực đạt được chân lý để nói lên lời của chân lý; thay vì uống rượu say sưa thì chánh niệm tỉnh giác. Nếu như giữ năm giới chú trọng đến hạnh phúc của mình thì tích cực làm năm điều ngược lại chú trọng đến hạnh phúc của người khác hơn, và do đó hạnh phúc được mở rộng hơn.

Như thế, chính là y vào định luật nhân quả mà chúng ta tạo ra nghiệp tốt, thiện, thay vì tạo ra nghiệp xấu, ác. Làm một điều thiện thì hạnh phúc nơi một điều thiện. Làm ba điều thiện thì hạnh phúc nơi ba điều thiện. Và điều thiện càng lớn rộng, càng sâu xa, thì hạnh phúc càng lớn rộng và sâu xa.

Và dần dần chúng ta tiếp cận được hạnh phúc tối thượng, bất biến. Đi vào hạnh phúc tối thượng, bất biến chỉ bằng không làm năm việc xấu ác và làm năm điều thiện lành trong thân ngữ tâm. Hạnh phúc ấy ở ngay trong thế gian này, trong cuộc đời này. Tâm không còn một điều xấu ác vi tế nào, tâm im lặng vì không còn phiền não để đáp trả lại cuộc đời bằng những cái xấu ác, thì tâm ấy là Niết-bàn:

*Nếu tự mình im lặng
Như một cái mỏ bể
Người đã đến Niết-bàn
Người không còn giận oán. ■*



Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh được tăng trưởng.

(Tăng Chi bộ - Phẩm Một pháp)

Vị trí của nữ giới trong giáo dục Phật giáo

THÍCH GIÁC TOÀN

Ngày nay, tuy giáo lý của Đức Phật đã được phổ biến rộng khắp, nhưng thỉnh thoảng vẫn có những ý kiến cho rằng Phật giáo hạ thấp giá trị của người phụ nữ. Sự thật không phải như vậy và hiện nay trong giáo dục Phật giáo, phụ nữ có vị trí rất quan trọng và có những đóng góp giáo dục rất to lớn.

Phật giáo với giáo lý Khổ, Không, Vô ngã được xem là một tôn giáo vô cùng đặc biệt so với các tôn giáo khác. Nhưng chính giáo lý này lại có thể giải thích, giải quyết các sự vật, hiện tượng. Vô ngã thì vô chấp và vô phân biệt, không chấp trước và không phân biệt có người có ta, của người của ta, tức là bình đẳng.

Trong ý nghĩa rất ráo, bình đẳng chính là nguyên lý “*Tất cả là một, một là tất cả*” (Kinh Hoa Nghiêm). Trong ý nghĩa xã hội, mọi người đều như nhau, đều đáng được tôn trọng, được yêu thương, bất kể bạn thù, sang hèn, giai cấp, nam nữ...

Khổ là thực trạng của cuộc đời. Đạo Phật là đạo giải thoát. Giải thoát là giải thoát cho mọi chúng sinh, không phân biệt đối với chúng sinh nào, và dĩ nhiên, không phân biệt nam nữ. Trong kinh *Phật tự thuyết*, Udana 55, phẩm Trường lão Sona, Đức Phật dạy rằng các dòng sông có tên khác nhau, nơi xuất phát khác nhau, lớn nhỏ khác nhau, nhưng khi chảy ra biển thì được gọi là biển lớn. Những người đi theo Phật, tu tập giáo pháp của Ngài thì đều được gọi là Thích tử chứ không hề có sự phân biệt nào. Ngài dạy, “*Nước biển chỉ có một vị mặn; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, giáo pháp của Như Lai chỉ có một vị là vị giải thoát*” (Kinh Phật tự thuyết, đã dẫn).

Sự khác biệt không phải là giới tính, sự khác biệt duy nhất là nghiệp mà mỗi người đã tạo ra trong quá khứ. Phật dạy, “*Bần tiện không vì sanh. Phạm-chí không vì sanh. Do nghiệp thành bần tiện. Do nghiệp thành Phạm-chí.*” (Kinh Tập, Sutta Nipata, 142).

Vào thời Đức Phật, hai vấn đề xã hội nghiêm trọng nhất là sự phân biệt nam nữ khiến người nữ phải chịu nhiều bất công, khổ đau; và sự phân biệt giai cấp: Bà-la-môn, Sát-đế-ly, Phệ-xá, và Thủ-đà-la. Như trên đã nói, Đức Phật đã phê bác sự phân biệt này. Tuy vậy, có người vẫn thắc mắc về việc lúc đầu Đức Phật không đồng ý

cho lập Ni đoàn, về việc chế Bát kinh pháp buộc chư Ni suốt đời phải kính trọng Tăng, về việc Ngài bảo nếu có Ni đoàn thì Chánh pháp bị mất đi 500 năm tồn tại...

Ta cần nhớ rằng vào thời ấy, người phụ nữ bị khinh khi, không có giáo đoàn nào chấp nhận phụ nữ. Họ không được học hành, trình độ trí tuệ, văn hóa thấp kém do hàng ngàn năm phải sống như nô lệ. Những tuyên bố của Đức Phật chỉ có tính cách răn dạy và cần được hiểu theo nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ... Đức Đạt-lai-lạt-ma có giải thích lý do của vài chỗ tỏ ra có vẻ như vài tác phẩm Phật giáo chê bai phụ nữ: “*Ví dụ, trong Bảo Tràng của ngài Long Thọ và trong Nhập Bồ-tát hạnh của ngài Tịch Thiên, những thứ có thể gây tội lỗi trong thân thể phụ nữ được bàn đến; tuy nhiên, các tác phẩm này không phải được viết nhằm phân biệt phụ nữ là thấp kém hơn. Thực ra, đồng đạo những lời phát nguyện tu tập của nam giới; do đó, những giải thích thuộc thiên quán về những thực thể gây tội lỗi của thân thể người phụ nữ là chủ yếu nhằm giúp nam giới thắng vượt sự ham muốn đối với thân thể nữ giới*” (The Dalai Lama at Harvard, Snow Lion Publications, 1988).

Khi Đức Phật cho phép thành lập Ni đoàn do Ngài Ma-ha-ba-xà-ba-đề (Mahaprajapati) đứng đầu, chư Ni được dạy dỗ và rất nhiều vị Ni đạt thánh quả. Trong *Trường lão Ni kệ*, ta tìm thấy 73 trường hợp chứng đắc A-la-hán của chư Tỳ-kheo-ni, và hiển nhiên còn rất nhiều vị Ni đắc A-la-hán chưa được kể hết. Đó là các nữ Tôn giả như Maha Pajapati Gotama (còn gọi là Kiều-đàm-di, Gotami), Khema, Uppalavana, Kisagotami, Sona, Bhadda Kundalakesa, Patacara, Dhammadina, Sumana, Ubiri, Subba, Siha...

Các nữ đệ tử chứng đắc của Đức Phật là những vị trí tuệ cao vời, có thần thông, đã là những nhà thuyết giảng tài ba. *Kinh Hoa Nghiêm* có nhắc chuyện Thiện Tài đồng tử cầu đạo đã xin thọ giáo với Tỳ-kheo-ni Sư Tử Tấn Thân và nhiều vị khác, kể cả những vị Ưu-bà-di. Hoàng hậu Malliaka (Mạt-ly) giảng cho vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) về ái, ái sinh khổ (Kinh Ái sinh, Trung A-hàm; Kinh Piyajatika, Trung bộ); nữ Tôn giả Khema giảng cho vua Pasenadi về ý nghĩa tuyệt đối, bất khả tư nghì, về Như Lai (Kinh Tương ưng bộ IV)... Tương ưng bộ kinh, chương V, Tương ưng Tỳ-kheo-ni kể từng trường hợp



của mười vị Tỳ-kheo-ni đã chiến thắng Ác ma đến dụ dỗ, hãm dọa; điều này cũng chứng tỏ bản lĩnh trong tu tập của chư Tỳ-kheo-ni thời Đức Phật.

Sự khác biệt nam nữ chỉ là giả tạo, chỉ lấy tướng trạng mà phân biệt. Trong kinh Duy-ma-cật, phẩm 7, ta thấy có kể chuyện một thiên nữ đệ tử của Phật có thần thông, có trí tuệ, đã đối đáp với Tôn giả Xá-lợi-phất về sự vô phân biệt trong Phật pháp, về giả tướng; và để giải đáp cho câu hỏi của Tôn giả Xá-lợi-phất vì sao chuyển sang thân nam giới, vị thiên nữ đã trả lời, *“Mười hai năm nay con cố tìm tướng nữ thân mà không thấy thì chuyển thân là chuyển cái gì?”* Kinh Pháp Hoa, phẩm Đề-bà-đạt-đa kể chuyện Long Nữ được Bồ-tát Văn-thù hóa đạo liền thành Phật ngay đó.

Trong kinh Tương Ưng bộ, phẩm Tăng trưởng, kinh Tăng trưởng Nữ nhân, Đức Phật đã ca ngợi, khích lệ các nữ đệ tử của Ngài như sau: *“Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới hạnh, tăng trưởng về nghe nhiều, tăng trưởng về thí xả, tăng trưởng về trí tuệ; này các Tỳ-kheo, được tăng trưởng với năm sự tăng trưởng này, một nữ thánh đệ tử được tăng trưởng trong thánh tăng trưởng, nắm giữ được những lời dạy (căn bản, tinh vi), nắm giữ được những điểm tốt đẹp nhất về thân”*.

Đức Phật còn xác nhận sự chứng đạt của nhiều Tỳ-kheo-ni hay nữ cư sĩ. Ví dụ, trong kinh Đại bát-niết-bàn (Trường bộ), Ngài dạy: *“Này A-nan, Tỳ-kheo-ni Nan-đã*

đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, sanh thiên giới và từ đó nhập Niết-bàn, không trở lại đời này nữa.” Và: *“Này A-nan, nữ cư sĩ Sujata diệt trừ ba kiết sử, chứng dự lưu, nhất định không còn đọa ác đạo, đạt đến chánh giác”*.

Ngay cả người phụ nữ mà những người được gọi là có đạo đức thời ấy thường tránh xa như kỹ nữ Ambapali, Đức Phật cũng thuận theo thỉnh cầu đến thọ trai và giảng Pháp tại nhà nàng, trong khi đó Ngài từ chối thỉnh cầu của đám thanh niên Licchavi quý phái. Về sau, nữ Tôn giả Ambapali tu theo Phật pháp và chứng quả A-la-hán. (xem kinh Đại-bát Niết-bàn vừa dẫn).

Dù trong thời Ngài, người phụ nữ qua nhiều ngàn năm bị đối xử bất công, trí tuệ chậm lụt, Đức Phật vẫn nhìn thấy khả năng tiến bộ trong tu tập mà phát huy Phật tánh vốn có trong mỗi chúng sanh, khả năng giải thoát, thành Phật của họ không thua kém gì nam giới nên đã chấp nhận phụ nữ vào Tăng đoàn. Khi vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) tỏ vẻ buồn vì hoàng hậu Mạt-ly (Malika) vừa sinh con gái chứ không phải con trai như mong muốn, Đức Phật đã dạy: *“Này Nhân chủ, ở đời có nhiều thiếu nữ có thể tốt hơn con trai; họ có trí tuệ, giới đức; họ khiến nhạc mẫu thán phục, họ sinh con trai là anh hùng, là quốc chủ”* (Tương Ưng bộ, Tương ưng Kosala, phẩm 1, Người con gái).

Những trích dẫn trên từ kinh điển cũng đủ chứng tỏ Phật giáo là một tôn giáo cổ xưa, là tôn giáo đầu tiên

công nhận bình đẳng giới, bình vực quyền lợi người phụ nữ. Lịch sử tu tập và hoằng hóa của các nữ đệ tử Phật đã chứng tỏ trí tuệ, đạo đức, khả năng tinh tấn, chứng đắc của phụ nữ không thua sút nam giới. Và dĩ nhiên vị trí, vai trò, chức năng xã hội của người phụ nữ cũng xứng đáng ngang hàng với nam giới.

Trang web *Tripod* có đăng tải hình ảnh và tóm tắt các hoạt động của 31 vị Tỳ-kheo-ni thuộc Kim cương thừa nổi tiếng. Đó là những nhà tu chân chính, học giả, tiến sĩ, nhà giáo dục, nữ giảng sư (Female teachers in Buddhism) đã hoạt động tại nhiều nước trên thế giới. Báo chí (ngày 29/7/2010) đăng tin một đề nghị gần như được mọi người chấp nhận về danh sách 20 vị nữ giảng sư lớn đang còn sống và hoạt động tại Hoa Kỳ. Trang web *Buddhanet.net* đăng tin và danh sách 7 phụ nữ nổi bật của Phật giáo là các học giả, giảng sư, các nhà giáo dục, sáng lập viên các tổ chức Phật giáo và một tu viện đang hoạt động tại Thái Lan được tôn vinh nhân ngày Phụ nữ Quốc tế 8/3/2002.

Khó có thể kể hết các tổ chức, các trang web, các tu viện mà việc hoằng pháp, giáo dục Phật giáo nổi tiếng trên thế giới của Ni giới, xin chỉ nêu một vài danh xưng: Women active in Buddhism, Network of Buddhist Women in Europe, Sakyadhita, Tibetan Nuns' Project, Ayya Khema International Buddhist Mandir, Therevada Budd, Therevada Buddhist Writings by Women, Aranya, SkyDancer, Chinese Bhikunis in the Ch'an Tradition, Zen Women, UU Sangha...

Có lẽ Tỳ-kheo-ni Ayya Khema (1923-1997) là vị Ni trưởng nổi tiếng nhất trên thế giới trong thế kỷ XX. Ngài sinh tại Berlin (Đức quốc) trong gia đình Do Thái, là nhà nghiên cứu Phật học, nhà giáo dục, sáng lập nhiều tổ chức Phật giáo, đặc biệt là Tổ chức Nữ Phật tử Toàn cầu Sakyadhita (Sakyadhita, World-wide Buddhist Women) trong quá trình hoạt động của Ngài khắp các châu lục. Ngài đã viết 25 cuốn sách và đã được dịch ra cả chục ngôn ngữ.

Tại Việt Nam, sử sách ghi rằng từ đầu thế kỷ I đã có các vị Ni là các công chúa Bát Nàn, Thiều Hoa, Vĩnh Huy, Phương Dung... Các Ni sư nổi tiếng đời Lý là Diệu Nhân, đời Trần là Từ Quán... Chư vị là những thiền gia, giáo dục đông đảo Ni chúng.

Trong thế kỷ XX, nhiều vị Ni trưởng được xem là những nhà giáo dục đóng góp lớn lao cho công cuộc hoằng pháp, phát triển mạng mạch Phật giáo trên đất nước ta, đã sáng lập hoặc đứng đầu nhiều Ni trường (một số Ni trường do chư Hòa thượng sáng lập rồi giao lại). Có thể kể một số Tỳ-kheo-ni nổi tiếng về đạo hạnh, hoằng pháp, giáo dục trong thời gian này như Ni trưởng Diệu Trường. Ở Hà Nội có các Ni trưởng nổi tiếng như: Sơn Môn Am, Hàng Than, Viên Minh, Bồ Đề, Vân Hồ... với các Ni sư Đàm Kiều, Đàm Chất, Đàm Thuận, Đàm Thu, Đàm Soạn... Tại Huế, không ai là không biết hồng danh của chư Ni trưởng như Sư bà Diệu Không,

người dạy dỗ đông đảo chư Ni thành những vị có vai vế trong ngành giáo dục, ủng hộ, giúp đỡ các trường Phật học, các tổ chức Phật giáo, Học viện Phật giáo, vị giảng sư, nhà nghiên cứu, dịch thuật kinh điển; Sư bà Thể Quán được xem là người sáng lập trường sư phạm mẫu giáo đầu tiên tại Huế; Sư bà Diệu Tấn giảng dạy Phật học cho Ni chúng và cho học sinh ở Trường Bồ Đề, Sư bà Viên Minh, Thể Thanh... tận tụy với việc đào tạo chư Ni... Tại TP.HCM, các Ni sư Hải Triều Âm, Diệu Tịnh, Huyền Cơ... đã không mệt mỏi giáo dục chư Ni, thành lập các Ni trường. Đặc biệt Ni trưởng Như Thanh còn mở trường dạy miễn phí cho trẻ em nghèo, mở các trung tâm giáo lý cho chư Ni, thành lập Ban Quản lý Ni bộ Nam Việt, lại là nhà thơ, nghiên cứu, dịch thuật kinh điển nổi tiếng với 20 tác phẩm đã xuất bản. Công lao đóng góp của chư Ni qua việc lập chùa, mở trường, giảng pháp tại các tỉnh thành trên toàn quốc từ xưa đến nay thật khó kể xiết.

Những sự kiện kể trên cho thấy khả năng đóng góp của nữ giới cho giáo dục Phật giáo là rất lớn. Hình ảnh người phụ nữ gợi liên tưởng đến hình ảnh người mẹ do sự dịu dàng, nhu hòa, tỉ mỉ, cẩn thận, rất cần thiết cho việc giảng dạy. Các nghiên cứu khoa học đều cho thấy phụ nữ không hề thua kém nam giới về trí tuệ, đó là chưa kể khả năng nhạy bén trong công việc, trong giao tế có thể nữ giới còn cao hơn nam giới.

Luật Phật không nói đến trường hợp Ni dạy Tăng, cư sĩ dạy Tăng Ni. Ngày nay, Giáo hội ta cũng như các hội đoàn Phật giáo khác tại nhiều nước trên thế giới, chấp nhận cho Tăng Ni theo học ở các trường học với chương trình ngoại điển thì sự việc chư vị chịu sự dạy dỗ của các vị thầy cô là cư sĩ Phật tử hoặc không theo tôn giáo nào hoặc theo các tôn giáo khác là chuyện thường tình. Đến khi nền giáo dục Phật giáo nước ta phát triển mạnh mẽ hơn, việc mở trường học dạy theo chương trình nhà nước thì tình trạng cư sĩ dạy tu sĩ, Ni dạy Tăng sẽ khó tránh được. Để tránh sự nghèo nàn trong giáo dục Phật giáo thì những trường hợp như thế thiết tưởng có thể châm chước bằng cách tạo ra một nghi thức nào đó. Ví dụ, trước khi một vị Ni đứng lớp dạy cho chư Tăng hay một cư sĩ dạy cho Tăng Ni, cần có một vị Tăng có thân phận cao tuyên bố trước lớp để tài giảng dạy và có mấy lời giao cho người sắp dạy và báo cho học viên biết rằng mình ủy nhiệm việc dạy (thay mình) giảng bài. Cũng cần nhớ là Đức Phật từng dạy Ngài A-nan rằng về sau có thể bỏ đi những điều luật nhỏ nhặt.

Cũng là quá chậm khi mãi đến vài năm gần đây Giáo hội ta mới thành lập phân ban đặc trách Ni giới. Cũng là quá chậm khi số thành viên Hội đồng Trị sự và các Ban Trị sự tỉnh thành, Ban Đại diện quận huyện gồm quá ít chư Ni và cư sĩ Phật tử, thậm chí có nơi không có nữ Phật tử. Điều này làm chậm sự phát triển của Giáo hội và hạn chế sự phát triển của giáo dục Phật giáo tại Việt Nam. ■

Thẩm mỹ Barbie

LÊ HẢI ĐĂNG

Cách đây gần chục năm, sau khi bộ phim “*Những cô gái chân dài*” của đạo diễn Vũ Ngọc Đăng được trình chiếu, cái thành ngữ “những cô gái chân dài” nhanh chóng được phổ biến khắp các đô thị nước ta. Tiếp theo, “những cô gái chân dài” không chỉ dừng lại ở màn ảnh, mà còn len lỏi vào đời sống, đi từ điện ảnh tới sân bóng, các tuyển thủ bóng chuyền nữ cũng từng được mệnh danh là “*Những cô gái chân dài*”. Và “*Những cô gái chân dài*” dần dần trở thành “*danh từ thời thượng*” xuất hiện thường xuyên trên báo chí, ngôn ngữ đại chúng... như một sự thể hiện thái độ mang tính thời thượng.

Gần đây, chuyện “*chân dài*” bỗng dưng không còn mang tính thời thượng nữa. Không phải chân dài đã hết thời, mà thực chất, nó đã đi từ màn bạc, sân bóng vào đời thường. Thẩm mỹ chân dài đã trở thành *top idol* của giới trẻ Việt Nam đương đại. Không còn nghi ngờ gì về thị hiếu chân dài, loại người thon, mỏng... đến ngay cả các vị chân tu ép xác, khổ hạnh nhiều năm cũng phải kiêng nể, nghiêng mình trước nhiều thiếu nữ thời nay. Vậy, thẩm mỹ mỏng, dài, thanh... liệu có phải là biểu hiện của sự phản kháng về cái đẹp cổ điển từng ngự trị trong thế giới phụ nữ? Theo đó, cái đẹp của người phụ nữ chính là vẻ đẹp nữ tính, nguyên thủy, thiên chức làm mẹ... với hình thể đầy đặn, phong mãn, ngực nở hông nở...?

Vào thời kỳ cổ đại Hy Lạp cùng quãng thời gian miền trường tiếp nối bởi các xu hướng thẩm mỹ

khác nhau gắn liền với hình tượng phái đẹp, vượt lên trên hết vẫn khó thoát khỏi vẻ đẹp thể hiện giới tính, thiên chức (sinh sản) và nhục dục (gợi cảm)... Thị hiếu thẩm mỹ dù có một mối đến đâu để thay hình, đổi dạng, thậm chí đổi lột liên tục cho thỏa nhu cầu về thị giác thì hình ảnh phái đẹp trước tiên và sau cùng vẫn xác lập trên cơ sở của giới tính, kể cả vẻ đẹp của tượng thờ, như Quan Âm Bồ-tát, Đức Mẹ... cũng không thoát khỏi xu hướng (thể tục) này. Duy có búp bê Barbie, thứ đồ chơi con nít đã đi giữa đường biên mong manh của giới tính và phi giới tính. Búp bê Barbie đặc biệt ở chỗ vừa có hình dáng thiếu nữ trưởng thành (ở nửa trên) và vô tính ở nửa dưới. Có lẽ, nhờ đặc điểm đó mà Barbie dễ dàng thâm nhập vào thế giới trẻ thơ với bản tính hồn nhiên, ngây dại, thoát tục...



Thời Tống từng ca ngợi vẻ đẹp gầy, ốm, sau thời Đường đầy đặn, phong mãn và được dự báo cho giai đoạn suy tàn của văn hóa! Sự mệt mỏi về thị hiếu thẩm mỹ thường dẫn đến những thay đổi về kiểu dáng, đường nét... Tuy nhiên, đằng sau sự thay đổi nhộn nhạo về thời trang, thay đổi thẩm mỹ hình thể ít nhiều ổn định hoặc diễn ra khá chậm chạp. Vì, để tạo được một thân hình ổn định đòi hỏi người trong cuộc phải trải qua khoảng thời gian nhất định để tuân theo quy luật tự nhiên, không gượng ép hoặc tập luyện, ăn kiêng

cưỡng chế... Nói chung, thân hình con người hình thành theo quá trình và được định hướng bởi thị hiếu thẩm mỹ hay chuẩn giá trị nhất định. Thân hình mỏng mảnh, chân dài, chắc hẳn không chỉ hình thành từ sự mệt mỏi về mặt thẩm mỹ, mà được định hướng bởi chuẩn giá trị mang tính phổ quát trong thời hiện đại.

Người phụ nữ có vẻ đẹp vượt trội trước tiên thể hiện ở giới tính. Thiếu giới tính, nữ giới không còn được coi là phái đẹp. Vì, phái đẹp luôn đặt trong sự đối sánh với phái mày râu, phái nam... Giới tính không chỉ thể hiện qua hình thể của người phụ nữ mà còn định dạng qua cái nhìn của người khác giới. Sự tương tác giữa hai phái, mà thực chất là hai giới này làm cho nội hàm của cái đẹp về phái đẹp hình thành. Ngược lại, nếu không có phái đẹp, giới nữ, phái mày râu hay đàn ông đích thực, bản chất *Man*... chẳng còn nội hàm lẫn giá trị. Từ thực tế đó dẫn tới việc định hình thuộc tính, giá trị thẩm mỹ chung cho các phái; trong đó có cả trẻ nhỏ.

Theo tổng kết của Công ty Fremantle, số lượng búp bê Barbie tiêu thụ trên thị trường toàn cầu hiện vượt xa số dân trên thế giới. Như vậy, cứ mỗi đứa trẻ ở những quốc gia có sự xuất hiện sản phẩm trên có thể sở hữu từ một tới nhiều búp bê Barbie. Búp bê Barbie không chỉ xuất hiện dưới dạng đồ chơi, mà còn đi kèm với những hình dán, logo, ảnh in... gắn trên nhiều đồ dùng của trẻ, từ hộp bút, nón, cặp sách cho tới áo, quần, tập... Đối với hình nộm, việc dùng Barbie vào trong trò chơi đã có nhiều thay đổi so với truyền thống. Nếu chúng ta để ý quan sát, trẻ nhỏ ngày nay đã chuyển đổi cách thức chơi từ loại hình truyền thống theo xu hướng hành vi sang thời trang. Đối với búp bê truyền thống thường tập trung vào loại con nít, bụ bẫm, búp bê mẹ, để cao thuộc tính mẹ, mẫu tính, trẻ tập thành những hành vi như chăm sóc, dạy dỗ, theo hai vai mẹ - con nhằm thông qua (hành vi) hoạt động chơi để truyền thụ kỹ năng (sống). Còn đối với búp bê Barbie, trẻ có thiên hướng thay đổi quần áo, váy, giày, kiểu tóc... hướng đến thuộc tính thẩm mỹ. Từ xu hướng thẩm mỹ tiến thêm một bước sẽ đến với thời trang, thời thượng... Búp bê Barbie đối với trẻ nhỏ giống như công chúa, đài các (hơn cả hoa hậu!). Song, Barbie gây dựng hình ảnh khởi đầu từ việc định dạng thị hiếu thẩm mỹ ở con trẻ, nên đi được vào chiều sâu vô thức. Từ đó, nó dễ dàng tiến xa, vững vàng hơn trên con đường định dạng, định hướng thẩm mỹ ở con trẻ, đặc biệt sau khi trở thành thiếu nữ.

Chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy, xu hướng thời trang thay đổi theo mùa, thậm chí một cá nhân có thể thay đổi nhiều kiểu dáng thời trang một cách nhanh chóng; nhưng với thẩm mỹ về hình thể, sự thay đổi phải được định hình, định dạng lâu dài trong quá trình và ở đó, nếu không có sự can thiệp mang tính cưỡng chế như ăn kiêng, sinh sản... thì bệnh tật sẽ ngự trị lâu dài và không thể đảm bảo cơ chế tự bảo vệ cái đẹp theo quan niệm thẩm mỹ đã định hình từ trước. Thuộc tính

thẩm mỹ hình thành từ khi còn tấm bé sẵn sàng ăn sâu vào tiềm thức trẻ nhỏ cho tới lúc trưởng thành. Đồ chơi không chỉ tác động đến trẻ theo chiều chức năng, công năng, mà còn hướng tới thỏa mãn nhu cầu giải trí, tham gia dẫn vào xã hội với tư cách thành viên cộng đồng; quan trọng hơn, chúng còn định hình thị hiếu thẩm mỹ. Đồ chơi cũng giống như công cụ giáo dục, ở đó, bản ngã tưởng chừng như không hoặc chưa tuân theo hệ ý thức cưỡng chế đã bị ràng buộc bởi thuộc tính khoái cảm có thiên hướng định hình lâu dài. Khoái cảm trong thuộc tính thẩm mỹ hình thành từ quá trình, đôi khi tưởng chừng như vô thức, nhưng phát tác âm thầm vào những giai đoạn cá tính của trẻ định hình, trưởng thành, có đủ điều kiện phát huy, thậm chí sẽ bùng phát.

Nói tóm lại, hình ảnh, hình tượng búp bê Barbie trăm phần trăm thực tế không phải thuộc về người Á Đông này sẽ còn chi phối thẩm mỹ tuổi trẻ Việt Nam lâu dài trong tương lai. Việc cưỡng chế bản thân bằng chế độ ăn uống, tập luyện, cùng với kỹ nghệ, công nghệ thẩm mỹ ép xác nhằm tạo dáng cho ra thân hình na ná Barbie đang là hiện thực và tương lai của thẩm mỹ giới trẻ. Thân hình thiếu nữ chân dài, tóc vàng, mắt xanh, hấp dẫn, đài các... của búp bê Barbie đã ăn sâu vào tiềm thức trẻ nhỏ Á Đông có thể là từ khoảng nửa thế kỷ nay. Nhiều năm gần đây, hình ảnh Barbie đã thay đổi từ màu da, màu tóc cho tới trang phục để thâm nhập vào nhiều nền văn hóa khác nhau mà thực chất là thị trường đa văn hóa, nhưng hình mẫu nguyên ủy của nó, rốt cuộc vẫn là người châu Âu. Chừng ấy thôi đủ cho thiếu nữ chúng ta điên đảo trong việc định dạng thân hình vốn không có căn nguyên từ tố chất truyền thống. Không sao, thẩm mỹ thay đổi theo thời gian, chỉ ít một cái gì na ná cho người ta cảm thấy mình đẹp hơn so với những gì khác biệt, xa lạ dù không đích thực. Thực tế, hình hài dư cân, béo phì... vốn cũng chẳng phải của dân tộc ta! Nên, không có chuyện biện hộ cho trào lưu ép xác xuất phát từ sự phản ứng hay phản kháng lại trào lưu không lành mạnh về mặt hình thể. Nó chỉ là sự thể hiện, triển khai hệ thẩm mỹ định dạng, định hướng ngay từ thời còn bé, ngày thơ đến khi lớn lên trở thành thiếu nữ. Bởi thế, ta không lạ gì khi thấy trào lưu nhuộm tóc đã đi từ tảo bạo đến tự nhiên nhi nhiên, tuy nhiên, nhuộm tóc mới chỉ giống Barbie có chút xíu, cái mạnh bạo hơn nằm trên hành vi đi kèm với việc định hướng tạo dáng thoát khỏi xu hướng tôn sùng vẻ đẹp giới tính và thiên chức làm mẹ của phái nữ. Và thực sự nếu khoa học tiến bộ tới mức có thể thỏa mãn mọi ước mong của con người, trong tương lai, rất có thể, công nghệ nhuộm mắt đen thành mắt xanh sẽ ra đời nhằm thỏa mãn nốt nhu cầu hóa thân một cách trọn vẹn vào thân hình Baby của muôn vàn thiếu nữ Việt Nam.

Đối với những người phụ nữ Phật tử Việt Nam, làm đẹp cũng là một nhu cầu. Tuy nhiên, nếu biết dừng lại ở mức truyền thống có thể chấp nhận được, ở mức giữ gìn được truyền thống trước sự tấn công mạnh mẽ của những ý đồ xâm lăng văn hóa thì vẫn là điều đáng trân trọng. ■

Bóng chữ hiện trước đèn

NGUYỄN CĂN

Lời tòa soạn: Nguyễn Căn là một trong những cây bút chủ lực của Văn Hóa Phật Giáo, vừa gửi tặng tòa soạn tập tản văn Bóng Chữ Trước Đèn mới xuất bản. Tâm đắc với tập sách, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với quý độc giả và đăng trọn lời tựa của tác giả.



Người xưa thấp đèn đọc sách, cày ải trên cánh đồng ngôn ngữ, tìm hạt mầm trí tuệ, mở ra chân trời minh triết bao la. Đi một đời không hết. Đọc một đời không hiểu rõ trang sách lòng mình. Nói như Jean Paul Satre: “Cuộc đời tôi khởi đầu cũng như sẽ lụi tàn đi trong mở sách này”. Nhưng không ai chết trên trang sách mà có lẽ chết vì những suy tư triết lý trong đó hay sau đó, khi người ta dấn vật với suy nghiệm về thân phận, về tự do, về hạnh phúc, về ý nghĩa cuộc sống về... mọi thứ có thể khiến ta thao thức.

Văn chương cũng không là ngoại lệ khi người làm thơ trần trở với những tư duy về cõi người, đời mình, về tâm linh siêu hình “nấu nung” mộng mị...

Tại sao phải đọc? Không chỉ tìm kiến thức mà còn tìm ý nghĩa của cuộc hiện sinh. Mà còn vì đọc cũng là sáng tạo. Sáng tạo cái thế giới của riêng mình qua ngôn từ kẻ khác. Hay nói như cố triết gia Phạm Công Thiện khi ông nói về đọc và nhất là đọc thơ:

“Đọc Thơ cũng giống như đọc kinh. Phải thọ, trì, đọc, tụng. Đọc không phải để hiểu mà để biết. Biết cái thâm mật của một giây phút thoáng qua nhanh chóng hơn

ánh sáng và biết cái thâm mật của tam thiên đại thiên thế giới, của vô số hằng hà tít tít thiên hà trong lòng ta và ngoài kia không gian phiêu dật. Mà lòng ta là tất cả không gian phiêu dật... Tất cả Thi Ca Á Đông đều là Hôi Quang, Phản Quang, Phản Chiếu Quang, Tương Phản Quang, Tương Chiếu Quang, Tương Phản Quang Chiếu, Viên Dung Phản Chiếu Quang... Tất cả Thi Ca Tây phương đều là Đăng Quang...”

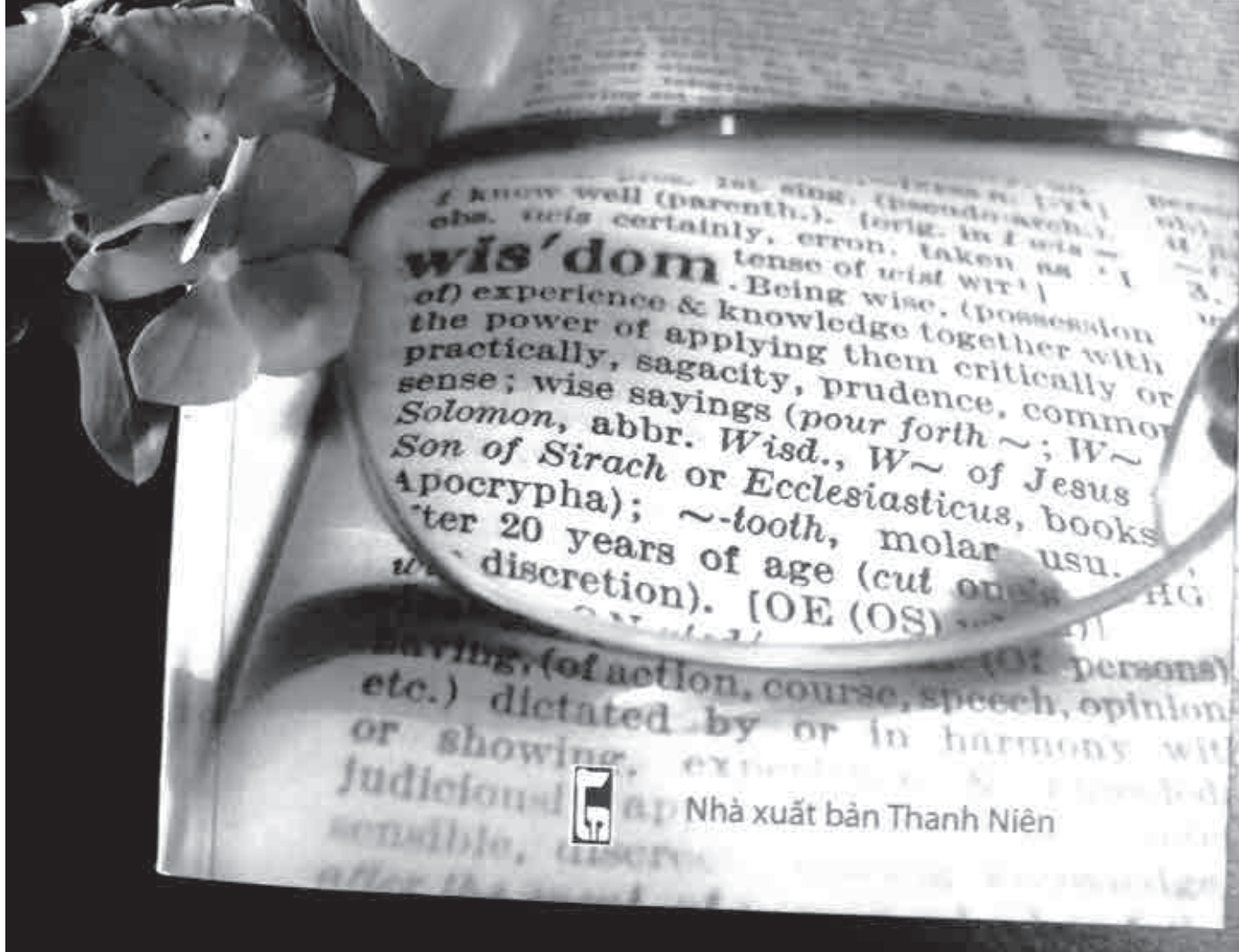
Đọc còn để thấy phía sau “bóng chữ” những hồi quang phản chiếu lòng mình. Nikos Kazantzakis từng viết: “Trọn tâm hồn tôi là tiếng hét và tác phẩm tôi là lời chú giải cho tiếng hét đó”. Điều đó thể hiện qua nhân vật Alexis Zorba, kẻ chịu chơi, không cần lý luận mà dấn thân hành động, bước lên mọi thúc phọc, triển phược của đời sống. Không bàn về sự chua hay tính axit của một múi chanh mà anh ta cắn ngay vào nó, cảm nhận trọn vẹn, trực tiếp. Ta nhớ đến công án “Uống trà đi” của các thiền sư. Chúng ta hãy thử “cắn” vào, nhai và nhâm nhi ngôn ngữ của Bùi Giáng, của Kim Dung, của Salinger, Tomas Tranströmer, để thấy phản quang, hồi quang và đăng quang sau ngôn ngữ của họ là gì...

Cái bóng chữ mà những triết gia, thi sĩ, văn nhân công trên lưng, mang nặng trong lòng, làm đầy đọa cả cuộc đời từ Tô Đông Pha đến Pasternak, Soljenitsyne, Salman Rushdie hay đến cả Trần Dần, Phùng Quán gần đây. Có ai khóc cho bao phương trời viễn mộng tan hoang, cho những chân trời hoang lạnh không có người bay... Phải chăng:

*“Đời xiêu đổ nguồn xưa anh trở lại
Giữa hư vô em giữ nhé chừng này”*

(Bùi Giáng)

Giữ gì? Chút lòng “trinh bạch” là suối nguồn cho tư tưởng, cho thi ca trào tuôn như thi sĩ họ Hàn từng nói “Người thơ luôn đi giữa nguồn trong trẻo”. Nguồn ấy



tiếp sức thi ca “bay suốt một đời chưa thấu” dù có phải mất bao năm lưu đày trên chính quê hương mình vì “Đã mang lấy nghiệp vào thân... (Nguyễn Du), và chịu phận “Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy” bởi “Văn chương vô mệnh lụy phần dư” (Nguyễn Du - Độc tiểu thanh ký). Đến một hôm nhìn lại:

“Hỏi tên rằng biển xanh dâu
Thưa rằng ấy mộng ban đầu đã xa”...
(Bùi Giáng)

Thế đấy, chúng ta khởi hành từ tuổi thơ, tập đánh vần ê a từng con chữ, rất khó nhọc, đến độ:

“Thưa thầy con chẳng thuộc bài
Vì con còn mãi đông dài phố trưa”
(Nguyễn Cẩn)

Đến khi tưởng đã vỡ ra, tưởng đã biết nhiều, tưởng đã nắm bắt chiều sâu ngôn ngữ, chiều rộng tâm hồn, rồi bâng hoàng thấy “hồi quang” “phản quang”, đâm ra hoang mang, hoài nghi những gì mình đã đọc đã viết. Có thật thế không? Làm sao hiểu cái không gian ba chiều thăm thẳm trong lòng người thơ với những tâm tình vật vờ:

“... Nợ cũ khối xương rồng hoa trả đỏ

Hương thắp gọi ba lần không đáp lửa
Hồn có nhà hay bát mộ đi xanh”
(Lê Đạt)

Ta hiểu đúng không?
Nhất là khi:

“Không gian thôi đã ba chiều khép
Mở một chiều riêng để thấy nhau”
(Vũ Hoàng Chương)

Chiều riêng ấy nằm phía sau con chữ, “ý tại ngôn ngoại”, phải nhìn bằng “tâm”, bằng quán chiếu, giao cảm, bằng trực giác hơn là suy niệm.

Tập văn này gồm những bài viết tản mạn, lúc trà dư, hay đúng hơn, lúc lùi ra sau, từ bỏ công việc lu bu sự vụ hàng ngày, tự vất sang bên những lo âu hệ lụy đời thường để thư giãn một cách cực nhọc nhất có thể để đi trọn con đường “nghiệp dĩ” cứu mang nặng nợ văn chương.

Hãy đọc và cùng cảm nhận ánh sáng từ những lời chú giải cho tiếng thét của Nikos Kazantzakis hay lắng nghe “một tiếng kêu vang lạnh ngắt trời” (Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư) (Thiền sư Không Lộ).

Và hãy khoan dung chậm chước, nếu không muốn ân cần góp ý, cho những sai sót vốn luôn đồng hành thấp thoáng lai rai khi chúng ta còn dùng đến ngôn từ và tập văn này không là ngoại lệ. ■



Huỳnh Kim Bửu và Tiếng hạc bay trên dòng sông Côn

TRƯƠNG VĂN DÂN

LTS: Huỳnh Kim Bửu là cộng tác viên thường xuyên của Văn Hóa Phật Giáo từ nhiều năm qua. Ông vừa qua đời tại Quy Nhơn ngày 15-02-2013. Tưởng niệm ông, chúng tôi xin đăng bài viết dưới đây của nhà văn Trương Văn Dân viết về các tập tản văn đã xuất bản của ông.

G iữa khu vườn thơ văn bề bộn, hoa và lá đua chen, hai quyển sách của Huỳnh Kim Bửu xuất hiện với một phong cách đặc thù, một giọng nói riêng đã vẽ lên một tâm cảnh rất khác.

Thoạt nhìn, tôi chú ý ngay đến tựa của hai tập sách: *"Nơi con sông Côn chảy qua"* và *"Trong như tiếng hạc bay qua"* - cả hai đều có một chữ *qua* - Có thể đó chỉ là một tình cờ, có lẽ không phải là dụng công của tác giả, nhưng tôi thấy thật thú vị vì hai chữ *qua* đó đều nói về quá khứ, về một thời đã mất...

Thật thế, hẳn nha đọc khi còn ở Milano (Ý), những trang viết của Huỳnh Kim Bửu đã đưa tôi quay về hồi ức, lội ngược thời gian...

... Gần bốn mươi năm sống ở nước ngoài, khi bước vào những trang sách của ông tôi như bất ngờ trở lại quê mình. Tôi như vừa nhìn thấy một bụi chuối sau vườn, chợt bắt gặp một ánh trăng soi trên đỉnh tháp hay có khi nghe tiếng gà gáy sáng... rồi có lúc lại tưởng như mình đang dạo bước giữa không gian thoáng thoảng hương sen, thần trí mơ hồ, không biết từ đâu vừa vẳng lên một tiếng chuông chùa.

Chuông dội lại trong lòng, không lớn lắm, nhưng ngấm sâu và đánh thức những kỷ niệm tuổi thơ. Như ngọn đèn mờ bỗng dưng lóe sáng. Những áp lực của cuộc sống trôi Tây dường như không còn nữa. Những bon chen, phù phiếm bay đi đâu hết. Trong tôi chỉ còn nghe một thứ rung cảm kỳ bí. Tình quê.

Lật tiếp những trang sách, tôi thấy nhiều những đoạn văn hay, những chi tiết thật thú vị bất ngờ về cuộc sống của một thời quá vãng ngay trên chính quê hương mình mà tôi còn chưa biết... Những cô gái mài vỏ ốc cần xà cừ, bôi một thứ phẩm xanh để ngừa nước ăn da nên ra đường phải giấu hai tay trong nếp áo. Hay ông lão kỳ lạ, câu cá chỉ vì phải ăn để sống, chứ bữa nào dùng không hết thì ông lại đem ra bến để trả cá về với sông. Huỳnh Kim Bửu cảm nhận thời tiết qua phẩm vật mùa màng, dựa vào cây trái và hoa lá để minh chứng là Bình Định quê ông cũng có đầy đủ bốn mùa chứ không phải chỉ hai mùa mưa nắng. Mùa xuân: chuối, bưởi cam; hoa mai, hồng, vạn thọ. Mùa hè: xoài, mít; hoa phượng, sen đầm; Mùa thu: mận, nhãn lồng; hoa cúc. Rồi mùa đông: lại quay về với chuối; còn các thứ hoa thì vàng úa, tàn tạ, chỉ còn hoa giấy phất phơ trong cảnh gió mưa...

Nhấn nha dạo chơi theo từng trang sách tôi không khỏi có cảm giác như đang ngồi bên chiếc võng nghe ông đong đưa kể chuyện, rồi khi buông xuống, chợt thần thờ vì cảnh và người trong chuyện đã vơi vợi xa, không còn nữa. Lòng vơi vợi buồn vì những chuyện đổi thay hình như không theo lẽ tự nhiên, kiêu lãn sóng sau thay lãn sóng trước... mà cảnh cũ mất đi vì những áp đặt của con người. Thời buổi "toàn cầu", lòng tham cũng theo đó được toàn cầu hóa, ai nấy sục sùi chạy đua làm giàu bằng mọi giá, kỹ thuật được vận dụng tối đa, tài nguyên được khai thác tận lực... Cảnh quan tươi đẹp của đất nước, của các vùng quê thanh bình ngày càng bị xé nát, thay vào đó là sự hỗn độn, khô cứng đến vô hồn, cuộc sống trở nên vật vờ và giả tạo.

Giọng kể của ông đều đều, như không quan tâm đến việc đổi mới câu chữ. Ông viết như trải lòng, tâm tình với người đọc trong một đối thoại thầm lặng mà không kém phần sôi nổi.

Giọng điệu ấy thật khác với rùng rùng chữ nghĩa, chạy theo bút pháp này, trường phái kia, từng làm tôi hoa mắt trước nhiều quyển sách "lạ", tin theo những lời giới thiệu có cánh, những bài phê bình ngoại giao, phe nhóm rồi mua về, đọc đi đọc lại mà không biết tác giả muốn nói gì. Ở đây, trong hai quyển sách của Huỳnh Kim Bửu, tôi gặp lại những áng văn bình dị, không cầu kỳ hay xun xoe chữ nghĩa... nhưng những câu chữ như có mang chút ánh sáng lấp lánh, soi chiếu những miền ký ức, gợi nhớ những kỷ niệm tưởng đã quên lâu và chìm khuất sau lớp bụi dày của thời gian.

Rõ ràng cách tân gì thì cách tân, văn học không thể chỉ chạy theo bút pháp mới lạ, nhưng nghèo ý tưởng, duy lý đến khô cứng, rời bỏ cảm xúc, thiếu đi nỗi lòng của con người khi nhìn thế sự đổi thay.

Thực ra trước đây tôi cũng đã từng đọc những bài viết riêng lẻ của ông, thế nhưng giờ đọc lại một mạch trong toàn tập, cái nhìn tổng thể càng tô đậm trong tôi một cảm giác man mác buồn, man mác nhớ về một thời quá vãng, không chỉ là tâm lý hoài cổ, mà còn là nỗi băn khoăn về những giá trị của một thời cần phải được lưu giữ nay đã không còn. Đọc tạp văn mà cảm giác như mình đang đọc cổ thi, đang thả bước lang thang, dạo quanh khu thành quách hoang phế của những trường thành Bình Định, nơi đã từng là vùng đất thiêng của hai vương triều³.

Ngôn ngữ của Huỳnh Kim Bửu giản dị, trong sáng, dùng nhiều từ địa phương mộc mạc, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, pha trộn với nhiều từ ngữ và hình ảnh cổ điển của Đường thi khiến văn ông vừa gần gũi dễ đọc vừa có chút chiêm nghiệm, chất triết lý nhân sinh nhẹ nhàng khiến ta phải suy nghĩ. Điều này cũng không lạ, nếu biết ông đã qua tuổi thất thập. Những *vãng dương, nhật nguyệt, bóng hạc, tà dương, hưng phế...* trở đi trở lại nhiều lần... tạo không khí hoài cổ của người có tuổi thường ngoài lại đằng sau hơn là nhìn về phía trước.

Hãy nhìn qua mắt ông: *"Không còn những ngọn khói lam chiều tỏa lên từ những mái tranh, không còn những ngả ba sông mênh mông bát ngát với những đò chiều tấp nập vì dòng sông mỗi ngày mỗi cạn..." (Kỷ niệm chiều).* Hay cảm theo ông giữa lúc hai màu vàng đen của bầu trời sắp hòa nhập, trộn lẫn vào nhau khi chiều muộn:

"Chiều sẫm tối, có chàng trai trẻ bách bộ trên đường phố, hồn trí bàng khuàng với cảnh trời chiều, bỗng nghe một làn hương sực nức từ đâu đưa lại: mùi dạ hương sớm tỏa..."(Chiều).

Câu chữ giản dị nhưng không kém phần bóng bẩy. Bằng những con chữ đơn giản nhưng ông diễn tả được những điều tinh tế có sức lay động lòng người.

Trong hai quyển sách có không ít những đoạn làm người đọc lâng lâng: *"Người đứng trên cầu Phụ Ngọc nhìn ra xung quanh thấy mặt trời đang lặn trên ngả ba sông; những hôm có ráng chiều màu nước sông Côn nhuộm màu ráng đỏ, rồi cái màu ráng đỏ cùng sông mà trôi đi biển biệt..."*

"Mỗi sáng sớm, chủ nhà thức dậy, đun ấm nước rồi ra trước hiên lại, hái vài hoa hồng tuồng vi nở trong đêm. Cho trà búp Đài Loan, cho hoa vào bình, rót nước sôi vào hãm giây lát là có được một bình trà ngon hảo hạng. Bưng kỷ trà tỏa hương đặt trên chõng, ngồi ngó ra sân còn đặc sương mai, uống trà với tâm thế người chào đón buổi bình minh"(Chõng tre).

Thế nhưng những trang văn của ông không chỉ có cái nhìn hoài cổ. Có lúc ông cũng dí dỏm, đang nói về chuyện "nhập tâm mắt" rồi bỗng ví von, khen con gái có cái "duyên mặn mà". Cái vị mặn của mắt tương hòa với nét đẹp mặn mà của cô gái quê chân chất, hiền hòa, sống rất thực, trọn đời hy sinh vì chồng con, gắn đời mình vào cuộc hôn nhân bền bỉ, thách đố thời gian. Ông quan sát tinh tế đến từng chân tơ kẽ tóc về những điều thường hằng hiện ra trước mắt mà với ta không lưu giữ chút gì trong trí nhớ. Hãy nghe ông tả cô gái bán bánh mì trên đường Tăng Bạt Hổ, Qui Nhơn: *"Tay cô con gái thon búp măng, đeo nhẫn, cầm con dao Thái Lan thái chả, thái thịt thái rau, rồi cũng bần tay ấy rạch ổ bánh mì, kẹp thịt chả, kẹp dưa leo, cộng hành ngò xanh, lát ớt cay màu đỏ tươi, xịt nước tương vào ổ bánh, rồi đặt ổ bánh vào tờ giấy, cuộn lại, trao bằng hai tay hai mắt cho người khách đang vui vẻ đợi. Tất cả các động tác của cô bán hàng đều rất thành thạo, rất lịch sự, nhip nhàng, khiến tôi nghĩ đến điều: cô ta đang làm theo một điệu nhạc rất du dương trong lòng mình"(Ổ bánh mì nóng giòn).*

Chao ôi! Phải có một tấm lòng yêu thương cuộc sống và con người biết bao mới khiến ông có thể trải lên giấy những trang văn đẹp đẽ và thiết tha đến thế về con người, về những công việc hết sức bình thường.

Trên những trang sách của Huỳnh Kim Bửu người ta còn bắt gặp mùi và vị quê hương. Kinh nghiệm khứu giác thật mạnh khiến người đọc có cảm giác như đang

cùng ông cắn chiếc bánh, rồi hồi ức và tình cảm được gợi lại giúp ta “đi tìm thời gian đánh mất” như Marcel Proust “nhìn thấy” bầu trời thơ ấu của mình. Ta gặp đủ thứ, từ vị thiền trà trong sương sớm, vị mắm cua đồng đến mùi bùn đất, mùi mồ hôi của những bác nông phu, mùi hăng hăng rơm rạ đến mùi khói đốt đồng, mùi gió biển quanh năm tanh tanh mặn mặn.

Người lưu giữ và qua từng ấy thời gian có thể dễ dàng truyền lại một cách tươi nguyên những mùi vị đó chắc hẳn phải là người có cảm xúc dạt dào và mang trong lòng một tình yêu quê hương nồng thắm.

Có lẽ vì thế mà sau khi đọc *Nơi con sông Côn chảy qua*, một bạn văn của tôi đã không đắn đo gọi Huỳnh Kim Bửu là một Sơn Nam của Bình Định?

Cũng như bạn, đọc Huỳnh Kim Bửu, tôi có cảm giác là tình yêu quê hương Bình Định của ông, vác trên vai 70 năm qua, như một phần xương thịt của chính mình. Những vùng đất, những con người, tập tục, những màu sắc và mùi vị của những đồ vật sắp sửa biến đi... ông cảm lạnh nhìn, cảm lạnh nghe rồi đêm đêm, cảm lạnh chong đèn viết lên tiếng kêu luyến tiếc cho chính mình nghe. Tiếng kêu ấy bây giờ vọng lại, từ trang giấy chuyển tải đến chúng ta, đi tìm người đồng cảm.

Tôi tin có rất nhiều người đồng cảm với ông dù họ ở đâu trên thế giới này, miễn họ là người Việt. Và tôi hẳn nhiên là một trong số ấy.

Người ta nói và đã nói rất nhiều về một thời vang bóng, nhắc đến những cuộc phé hưng qua thời gian, qua bao năm chiến tranh và giờ đây đau buồn nhìn thấy nền văn hóa đang tụt dốc. Thế nhưng đọc tản văn của Huỳnh Kim Bửu, tôi vẫn cảm thấy có cái gì khác, sâu thẳm hơn, tê tái hơn, ngậm ngùi hơn những gì tôi đã thường nghe, thường đọc. Có lẽ sự mộc mạc, ngôn ngữ không chút gì cầu kỳ, bí hiểm và đượm mối nhân tình ấy đã làm mới cảm xúc trong lòng chẳng?

Theo dòng sông Côn, những trang viết lặng lẽ của Huỳnh Kim Bửu đưa người đọc trở về chốn yên bình của một thời. *“Mấy mươi năm rồi, tôi còn nhớ như in hình bóng lão Thận ngồi câu quệt ở gần bến sông... Bữa nào cá nhiều, ăn không hết, chiếu xẩm ông đem ra bến sông thả xuống gọi là “phóng sanh”, để rồi sáng hôm sau lại ra bến sông câu lại từng con một trong cảnh chim trời cá nước. Tôi nhớ ông như nhớ một con người kỳ lạ, có lòng từ tâm, còn chuyện đi câu chẳng qua là vì miếng ăn của ông bị thiếu...”* (Những con sông quê ơi!).

Một bạn văn khác của tôi, khi đọc hai tập tản văn và bút ký ấy, đã nhận định Huỳnh Kim Bửu là một nhà văn chuyên về Bình Định học... Rất đúng; vì qua những trang văn, ông đã lưu giữ cái hồn cốt tinh túy của tập tục, đời sống, con người và thiên nhiên của vùng đất quê mình. Nhưng tôi thấy một danh xưng như thế vô hình chung đã “khoanh vùng” văn hóa và không nói lên được tính khái quát về những trang viết của ông. Đúng là ông viết về Bình Định nhưng những hình ảnh

mà ông vẽ lên, ghi lại... người đọc không khó khăn nhìn thấy rải rác trên khắp mọi miền đất nước.

Vì vậy, tôi thích gọi Huỳnh Kim Bửu là nhà văn Việt Nam, không chỉ viết riêng cho Bình Định; dù cả đời mình Huỳnh Kim Bửu ít có dịp đi xa, “nhích” đến những vùng đất lạ. Cả đời mình hầu như ông chỉ quanh quẩn *“Nơi con sông Côn chảy qua”*, hoàn cảnh cá nhân buộc ông phải thủy chung sống chết với vùng đất ấy; mà vùng đất ấy cũng chính là đất thiêng, đất của nghĩa khí Tây Sơn “áo vải cờ đào”... Ông yêu người dân *“thàng hậu”* quê ông tha thiết, tình yêu đó tan chảy vào máu thịt đến độ khả kiến mà bất kỳ ai, là con dân “Xứ Nẫu” hay không, đọc ông viết về những gì đã qua hơn nửa thế kỷ cũng đều dễ dàng nhận thấy phong cách và lòng yêu đó.

Để tài trong hai tập sách của Huỳnh Kim Bửu thật đa dạng và phong phú. Tôi không biết là để chất chiu nhạt nhạnh từng hình ảnh, từng chi tiết và kỷ niệm để tập hợp lại rồi “bắt nó nằm lại” trên những trang giấy... ông đã làm việc cẩn mẫn bao nhiêu năm nhưng tôi tin chắc là ông đã chẳng hoài công. Ông đã níu giữ được một thời. Bằng những rung động chân thành, cảm nhận sâu sắc và chặt lọc chi tiết, gọt dũa qua ngôn ngữ nghệ thuật theo cách của mình, ông đã để lại những trang văn gợi cảm, có sức lan tỏa và tạo những dư ba trong tâm hồn người đọc.

Xã hội hôm nay có quá nhiều sản phẩm, kể cả văn chương, để người tiêu dùng ăn ngấu nghiến, ăn vô tội vạ và rồi nhanh chóng vứt bỏ như xóa “một file” trong bộ nhớ. Những kẻ háo danh chỉ muốn làm điều lập dị, cố gây đình đám... để mau nổi tiếng, mấy ai bỏ thời gian để viết những điều chẳng mấy “thời thượng” này. Vì thế tôi nghĩ sự xuất hiện của những quyển sách quý, giúp ta lưu giữ những kỷ niệm và giá trị truyền thống, rất đáng nghiêng mình kính trọng.

Vì không ai hình dung được một xã hội sắp đến sẽ quái gở ra sao nếu chỉ toàn những người làm kinh tế lừa đảo, chộp giật, mách mung hay những người cầm bút viết lên những trang văn vô cảm, nhạt nhẽo, không hề quan tâm đến người đọc. Hay chỉ quan tâm đến những tin lộ hàng, khoe thân xác... để kích động lòng tham muốn thấp hèn. Khởi dậy bản năng xấu nhất. Để đánh thức phần CON, bóp chết phần người...

Nếu văn chương là tiếng nói của cảm xúc, là bày tỏ thái độ trước những vấn đề trong cuộc sống, là sự giải bày nội tâm để tìm kiếm những đồng cảm tri âm của người đọc... thì tôi nghĩ là Huỳnh Kim Bửu đã thành công trong cuộc tìm kiếm đó. ■

Chú thích:

1. Nhà Xuất bản Trẻ - 2009.
2. Nhà Xuất bản Hội Nhà Văn - 2011.
3. Thế kỷ X là thành Đồ Bàn, kinh đô Chiêm Thành, sau đổi tên là thành Hoàng Đế, đế kinh của vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, triều Tây Sơn.

Tìm hiểu về Tôn giả Tịch Thiên

PHẠM CHÍNH CẦN

Ngài Tịch Thiên (*Shantideva*) là một trong những vị luận sư lỗi lạc nhất của thời kỳ sau trong quá trình phát triển tông phái Đại thừa, tác giả của bộ luận quan trọng là *Nhập Bồ-tát hạnh*. Trong Đại tập Lý giải Chính yếu (*Mahavyutpatti*), tên ngài được xếp chung trong một danh sách có những vị luận sư lỗi lạc tiền bối như Long Thọ (*Nagarjuna*), Thắng Thiên (*Aryadeva*), Nguyệt Xứng (*Candrakirti*), Thanh Biện (*Bhavaviveka*) và Phật-đà-bạt-la (*Buddhabhadra*). Tuy nhiên, niên đại chính xác về cuộc đời ngài hầu như không được biết. Một số bằng chứng lịch sử cho thấy hẳn là ngài đã xuất hiện trong nhân gian vào khoảng giữa nửa sau thế kỷ thứ sáu và nửa đầu thế kỷ thứ bảy Tây lịch; theo một tư liệu thì ngài sinh vào khoảng năm 685 và mất vào năm 763, thời kỳ mà Đại thừa Phật giáo đã trở thành tinh thần và nguồn gợi hứng chính yếu cho mọi hoạt động văn hóa của Phật giáo Ấn Độ.

Những mô tả sớm nhất về cuộc đời ngài được tìm thấy ở ba nguồn: Lịch sử Phật giáo Ấn Độ (*History of Buddhism in India*) của Taranatha¹, mà người ta tin rằng đã được viết vào năm 1608; Lịch sử Phật giáo tại Ấn Độ và Tây Tạng (*History of Buddhism in India and Tibet*) của Bồ-đốn (*Bu-ston*)² được viết trong khoảng từ 1322 đến 1333; và một bản mô tả được tìm thấy trong một bản viết tay bằng ngôn ngữ Sanskrit có niên đại khoảng thế kỷ 14 đã được Haraprasad Sastri³ cho xuất bản vào năm 1913. Căn cứ vào các niên đại được nêu thì tài liệu của Bồ-đốn là tài liệu có mặt sớm nhất liên quan đến tiểu sử của ngài Tịch Thiên. Tuy nhiên, theo Jan Willem de Jong⁴ thì văn bản bằng tiếng Sanskrit do Sastri xuất bản có nhiều điểm tương đồng với phần đầu của một bản luận giải tác phẩm *Nhập bồ-đề hành luận* (*Bodhicaryavatara*) có tựa là *Visesadyotani* thuộc Luận tạng của Phật giáo Tây Tạng. Vibhucicandra⁵, vị tác giả nổi tiếng của tập luận này, được cho rằng đã sống trong khoảng từ cuối thế kỷ 12 hay đầu thế kỷ 13. Như vậy, nếu quan điểm của de Jong là chính xác thì văn bản bằng Tạng ngữ của Vibhucicandra và bản viết tay được Sastri ấn hành dẫn chiếu cùng một văn bản gốc, cho nên nội dung thánh sử tìm thấy trong bản văn do Sastri ấn hành chính là mô tả sớm nhất mà chúng ta có về cuộc đời của ngài Tịch Thiên.



Căn cứ vào bản thánh sử này, Tịch Thiên là thái tử con của một vị vua tên là Manjuvarman cai trị vương quốc Saurashtra, nay thuộc Gujarat, một bang ở Tây Ấn Độ nằm trên bờ biển Ả Rập (Arabian Sea). Đêm trước buổi lễ quán đảnh để được truyền ngôi, ngài Tịch Thiên đã bị mẹ mình (người mà theo Taranatha thì chính là Đa-la Bồ-tát) rưới nước nóng lên đầu, cảnh báo rằng ngài sẽ phải chịu đựng nhiều đau khổ hơn thế nếu tiếp nhận ngôi vị quốc vương. Thuyết phục con từ bỏ ngôi vua bằng cách



ấy, mẹ ngài đã cứu ngài ra khỏi những ác hạnh của cuộc sống thế tục. Bà còn khuyên con mình nên tới Bhamgala để nhận được phúc lành từ bậc ẩn sĩ Manjuvajra (*Văn-thù Kim Cang*), và ngay trong đêm đó chàng thanh niên Shantideva lập tức nhảy lên lưng một con ngựa xanh để đi tìm vị thầy được mẹ mình mách bảo. Sau nhiều ngày tìm kiếm không ăn không uống, một hôm Tịch Thiên gặp một thiếu nữ chặn con ngựa mà ngài đang cỡi lại, bảo ngài xuống ngựa rồi dâng thực phẩm và nước uống cho ngài; sau đó lại hướng dẫn để ngài đến gặp được vị thầy Văn-thù Kim Cang mà ngài đang tìm kiếm. Tịch Thiên được ở lại với thầy và học tập tại đó suốt mười hai năm cho đến khi ngài có được khả năng nhìn thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Sau khi ngài thành tựu đạo nghiệp, vị thầy sai ngài đến Madhyadesa. Tại đây Tịch Thiên lấy tên là Acalasena và vào phục vụ cho nhà vua. Ngài luôn luôn đeo bên mình một thanh kiếm gỗ giấu trong một cái vỏ, thanh kiếm được coi là tượng trưng cho trí tuệ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vị thần hộ vệ ngài. Khi đã trở thành

một vị đại thần tin cẩn, Acalasena bị những kẻ đồng liêu ghen tỵ và tìm cách gạt ngài ra khỏi triều đình. Họ nói với nhà vua xứ đó, "*Vị đại quan Acalasena này phục vụ đại vương bằng một thanh kiếm gỗ. Làm sao ông ta có thể diệt kẻ thù khi có chiến tranh? Ngài cần phải kiểm tra thanh gươm đó*". Tâm nghi bị khuấy động, nhà vua liền ra lệnh kiểm tra vũ khí của tất cả các vị cận thần; nhưng khi đến lượt Acalasena phải giao thanh gươm của mình ra để được kiểm tra, ngài từ chối và nói, "*Đại vương không thể nhìn thấy thanh gươm của thần*". Tất nhiên nhà vua liền quyết đòi kiểm tra.

Cuối cùng Acalasena chiều theo ý của nhà vua nhưng với điều kiện nhà vua phải dùng tay che một mắt của mình lại. Khi nhà vua nhìn thấy thanh kiếm, ánh sáng rực rỡ phát ra từ thanh kiếm đã làm rớt tròng mắt của con mắt không được che của ông ta. Nhà vua không chỉ ngạc nhiên, nhưng vì tò mò, còn tỏ ra hài lòng về sự biểu diễn thần lực đó. Theo mô tả của Bồ-đốn, nhà vua có ấn tượng quá mạnh về một tài năng như thế đến nỗi ông nài nỉ Acalasena ở lại nhưng Acalasena lập tức rời khỏi vương quốc rồi đến gia nhập Học viện Phật giáo Nalanda. Ở đây, cái tên Shantideva có nghĩa là Tịch Thiên bắt đầu gắn với tôn giả vì ngài luôn luôn ở trong một trạng thái tịch lặng cao độ. Tôn giả Tịch Thiên nghiên cứu kinh điển và tu tập thiền định miên mật trong mọi hành động, và vì ngài không làm một việc gì khác ngoài học tập và thiền định, chư Tăng tại Học viện Nalanda đặt cho ngài một biệt danh nữa là *Bhusuku*. Bhu lấy từ động từ *bhukta* có nghĩa là *ăn*, su lấy từ động từ *susta* có nghĩa là *ngủ* và ku lấy từ động từ *kuchiwa* có nghĩa là *đi dạo*; hàm ý Santideva chẳng làm gì khác ngoài việc ăn, ngủ và... bước vào nhà vệ sinh! Sau một thời gian, có một số vị tu sĩ tại Nalanda muốn kiểm tra kiến thức của Tịch Thiên. Họ quyết định là sẽ trắc nghiệm ngài trong thời gian tụng đọc kinh điển hàng năm của cộng đồng Tăng sĩ tại đây. Theo mô tả của bản văn bằng Tạng ngữ, trong một cố gắng làm nhục Tịch Thiên, một tòa sư tử đã được dựng sẵn tại nơi mà Tịch Thiên sẽ giảng thuyết, rất cao đến nỗi rõ ràng một người bình thường khó có thể leo lên được. Nhưng Tôn giả Tịch Thiên dễ dàng khởi thân lên ngai vững chãi trên tòa sư tử rồi hỏi các vị tu sĩ lúc ấy đã tụ tập đầy đủ, "*Tôi đã biên soạn ba bộ luận, đó là Sutrasamuccaya (Tập kinh luận hay Đại thừa thật yếu nghĩa luận), Siksacamuccaya (Tập học luận hay Đại thừa tập Bồ-tát học luận), và Bodhicaryavatara (Nhập Bồ-tát hạnh hay Nhập Bồ-đề hành luận). Nhưng các ngài muốn tôi trình bày những gì đã được các nhà tiên tri nói tới (ý nói những gì đã cũ) hay những điều theo như những gì họ vừa mới nói (ý nói những gì mới mẻ hơn)?*". Ngạc nhiên, hội chúng yêu cầu ngài trình bày những gì mới mẻ. Tịch Thiên bắt đầu trình bày về Nhập Bồ-đề hành luận. Khi ngài tụng đến đoạn kệ được coi là thể hiện tinh yếu của tư tưởng Trung Quán, "*Khi cái có, cái không / Không còn khởi trong tâm / Thì đâu còn cái gì / Có thể khởi lên nữa / Và tâm thật thanh tịnh*" thì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi

xuất hiện giữa không trung ngay trên đầu Tịch Thiên, rồi vị Bồ-tát cùng bậc luận sư vừa được phát hiện từ từ biến mất khỏi tầm nhìn của mọi người. Theo mô tả của Bồ-đốn thì mặc dù vậy, tiếng đọc tụng của Tôn giả Tịch Thiên tiếp tục vang vọng. Không còn trông thấy ngài, chúng Tăng hối hận quay trở lại liêu của ngài và phát hiện ba bộ luận trong liêu. Chu Tăng đã phổ biến các bộ luận của ngài cho thế gian như một sự chuộc lỗi đối với việc thử thách ngài.

Chi tiết và sự chính xác về mặt thứ tự thời gian có chút ít khác biệt giữa ba phiên bản của thiên huyền thoại này, nhưng cả ba phiên bản đều thống nhất về những điểm chính: rằng Shantideva là một vị thái tử đã từ bỏ ngôi báu, rằng ngài đến thụ giáo ở vị ẩn sĩ Văn-thù Kim Cang đến khi nhìn thấy được sự xuất hiện của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, rằng ngài có phục vụ một thời gian trong triều đình của một vị vua, và rằng ngài đã bị coi như một tu sĩ tầm thường cho đến khi xảy ra cuộc thử thách đầy ấn tượng để chứng minh tài năng của ngài qua việc tụng đọc tác phẩm *Nhập Bồ-đề hành luận*. Ngoài việc cho mọi người biết rằng Shantideva là một vị tu sĩ ở miền Nam Ấn, theo Đại thừa và ít nhất đã có một thời gian sống tại tu viện Nalanda, những truyền thuyết không hé lộ gì nhiều về lịch sử của ngài.

Có một phiên bản khác về tiểu sử của Tịch Thiên được ghi nhận trong tác phẩm *Drops of Nectar* (Những giọt cam lồ), cũng là một bản luận giải tác phẩm *Nhập Bồ-đề hành luận* do một vị đại sư Tây Tạng là Khenpo Kunpal⁶ (1872-1943) viết, dựa trên những lời dạy của vị thầy của mình là ngài Patrul Rinpoche⁷ (1808-1887). Theo bản văn này thì phụ thân của Santideva là vua Kalyanavarnam và khi mới ra đời vào khoảng năm 685 thì Santideva có tên là Shantivarnam. Khi còn trẻ, ngài đã có những hành động của một vị Bồ-tát và rất tin tưởng vào giáo pháp Đại thừa vốn thịnh hành ở Nam Ấn vào lúc ấy. Ngài luôn giữ thái độ kính trọng đối với những bậc thầy và học tập hết sức chuyên cần. Ngài giúp đỡ nhiều vị đại thần của vua cha. Ngài có lòng từ đối với những người nghèo khổ, những kẻ bệnh hoạn và những người chậm lụt, luôn tìm cách giúp đỡ và bảo vệ họ. Ngài cũng đã trở thành một bậc thông tuệ về nhiều ngành nghệ thuật và khoa học. Cũng trong thời còn trẻ, ngài đã gặp được một vị hành giả du phương giảng cho ngài về *Tikshna Manjushri Sadhana*, một loại nghi quỹ để đạt tới trí tuệ như của ngài Văn-thù; thông qua việc thực hành nghi quỹ này, ngài đã thiết lập được một sự nối kết chặt chẽ với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và đạt tới một trạng thái nhận thức sâu sắc về giáo pháp.

Khi nhà vua là phụ thân của Tôn giả Shantideva qua đời, các đại thần trong triều muốn tôn ngài lên làm vua, đã chuẩn bị một cái ngai thật lớn và sửa soạn mọi chi tiết cho một cuộc lễ đăng quang. Đêm trước lễ đăng quang, Shantideva nằm mơ thấy chính Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ngồi trên chiếc ngai đó mà nói với ngài rằng, "Này con, đây là chỗ ngồi của ta và ta là thầy của con.

Làm sao mà cả ta và con có thể ngồi trên cùng một chỗ được?' Shantideva diễn giải ý nghĩa của giấc mơ đó là Bồ-tát Văn-thù không muốn mình làm vua. Hôm sau, Shantideva rời bỏ quốc độ, tìm đến tu viện Nalanda rồi xin xuất gia dưới sự bảo trợ của vị thủ tọa lúc ấy là ngài Jayadeva. Cái tên Shantideva của ngài có từ lúc ấy.

Sinh hoạt của ngài tại Nalanda và cuộc thử thách của chu Tăng dẫn đến việc ngài biến mất cùng Bồ-tát Văn-thù sau khi ngài đọc tụng tác phẩm *Nhập Bồ-đề hành luận* cũng giống như được mô tả ở các phiên bản cũ. Chi tiết khác là ngài Tịch Thiên chỉ đọc tới bài kệ thứ 34 của chương thứ chín trong tập *Nhập Bồ-đề hành luận* thì ngài đã biến mất cùng Đức Văn-thù-sư-lợi. Các học giả ở Nalanda với trí nhớ tuyệt vời của họ đã cố gắng nhớ lại toàn bộ lời tụng đọc của Shantideva rồi viết ra; nhưng khi so sánh những bản ghi chép của nhau, các ngài thấy có hai quan điểm khác biệt. Một nhóm cho rằng tập luận có chín chương với bảy trăm bài kệ. Nhóm khác cho rằng tập luận có tất cả mười chương với một ngàn bài kệ. Thêm nữa, không ai biết gì về nội dung của hai tập luận khác mà ngài Shantideva có để cập. Các học giả ở Nalanda đã quyết định tìm kiếm Shantideva; và sau một thời gian, cuối cùng họ thấy ngài có mặt tại ngôi tháp Shridakshina ở miền Nam. Họ mời Shantideva trở lại giảng dạy ở Nalanda nhưng ngài từ chối. Tuy nhiên, ngài đã giải quyết những ý kiến khác biệt về tác phẩm *Nhập Bồ-đề hành luận*, khẳng định tập luận có mười chương với một ngàn bài kệ. Ngài cũng chỉ cho họ chỗ ngài giấu hai bản luận còn lại.

Nói chung, như trong hầu hết các bản thánh sử về cuộc đời những bậc thánh tăng Phật giáo, về truyền thuyết liên quan đến Shantideva người ta có thể thấy những chủ đề xuyên suốt mang tính đặc trưng được lặp đi lặp lại; chẳng hạn, việc Shantideva bị coi thường trước khi phải tiết lộ thân phận trong một hoàn cảnh đầy kịch tính; việc Shantideva từ bỏ ngôi vị vua chúa để tìm giải thoát, việc có một người phụ nữ giúp Shantideva từ bỏ con đường khổ hạnh bằng cách dâng nước và thực phẩm. Tìm hiểu các tác phẩm của Tịch Thiên, người ta thấy ngài rất sùng mộ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vị Bồ-tát tượng trưng cho trí tuệ. Đặc tính của những tác phẩm được coi là của Tịch Thiên cho thấy ngài vừa là một học giả uyên bác quen thuộc với một phần quan trọng của những tác phẩm kinh điển hình thành tư tưởng Đại thừa vừa là một nhà thơ hùng biện và mãnh cảm, xứng đáng là vị đã soạn thảo những công trình có giá trị lâu dài trong nền văn học Phật giáo. ■

Tài liệu tham khảo:

Moral Theory in Santideva's *Sikhsamuccaya* (Lý thuyết Đạo đức trong Tập học luận của Tôn giả Tịch Thiên), Barbra R. Clayton, Oxford Centre for Buddhist Studies, Routledge Publisher, 2006.

A Biography of Shantideva, Rigpa Shedra (<http://www.rigpawiki.org>).



Cầu an đầu năm

Để mở đầu cho một năm mới, người Việt có phong tục thực thi một vài động thái tâm linh nào đó gọi là cầu an đầu năm với lòng mong mỗi bước sang năm mới mọi sự đều được tốt đẹp. Thông thường, người ta tìm đến các nơi chốn được xem là thiêng liêng như đình, chùa, đền, miếu để thể hiện đức tin hoặc tiến hành các nghi thức tôn giáo nhằm cầu mong an lành cho một năm mới. Đây là phong tục hay, thể hiện ước vọng muôn thuở của con người trong việc cải thiện các giá trị của cuộc sống, cả vật chất lẫn tinh thần. Năm qua hạn hán kéo dài, mùa màng thất bát, cầu mong bước sang năm mới mưa thuận gió hòa, lúa chín đầy đồng. Năm qua việc nước chuyện nhà không mấy suôn sẻ, phải lo nghĩ nhiều, cầu mong sang năm mới mọi việc đều được hanh thông, bớt ưu bớt sầu... Chẳng biết chư vị thần linh có thấu cho nỗi lòng của chúng sinh hay không, nhưng Đức Phật thì nghe rất rõ, thậm chí còn chỉ bày cách thức để cho mọi người thực hiện có hiệu quả ước mong chính đáng của mình nữa. Ngài nói rõ như vậy:

"Này các Tỷ-kheo, phần lớn các loài hữu tình có mong muốn như thế này, có ước vọng như thế này, có nguyện vọng như thế này: "Ôi, mong rằng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tiêu diệt! Mong rằng các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng!". Này các Tỷ-kheo, dẫu cho các loài hữu tình ấy có mong muốn như vậy, có ước vọng như vậy, có nguyện vọng như vậy, nhưng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Người có biết vì nguyên nhân gì không?"¹.

Phật hiểu rõ tâm lý thường tình của chúng sinh, đó là mong muốn được lợi ích an lạc, thoát ly mọi bất hạnh khổ đau. Phật cũng biết rất rõ lý do vì sao chúng sinh không thực hiện được ước muốn của mình, dù cho có tha thiết dốc lòng mong cầu. Theo lời Phật, sở dĩ chúng sinh không đạt được điều mong ước của mình ấy là bởi tâm không sáng suốt, lòng không ngay thẳng, hành động không chính đáng². Mong muốn điều tốt lành đến với mình mà suy nghĩ, nói năng và hành động



THANH QUYẾN

Ảnh: Tông Giải

theo điều ngược lại thì chỉ có hại cho mình và có hại cho người, chứ không bao giờ có được kết quả như mong muốn. Chẳng hạn, mong rằng lòng mình luôn luôn được thanh thân an lạc mà cứ sống với tâm ý đầy tham, sân, si thể hiện qua các hành vi xấu ác, bất thiện như sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, tà kiến thì dầu cho có khẩn vái hàng trăm lần, có dâng cúng nhiều tiền của cho thần thánh đi nữa, tâm cũng sẽ không an, lòng sẽ không thanh thân. Trái lại, nếu tâm không có tham, sân, si, không suy nghĩ, nói năng và hành động trái với lương tâm thì tự nhiên lòng sẽ thanh thân, cuộc sống trở nên yên ổn, không rơi vào phiền muộn khổ đau, dầu cho có khởi tâm mong cầu hay không. Kinh *Pháp cú* nhắc nhở:

*Chúng sanh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.*

*Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc³.*

Như vậy, Phật không bác bỏ tâm lý mong cầu sự bình an của chúng sinh nhưng xác nhận vấn đề bình an không hoàn toàn tùy thuộc vào lòng mong cầu mà nằm ở hành động đúng đắn của con người hay nói cách khác là người ta phải sống như thế nào. Theo lời Phật thì không ai có thể mang lại sự bình an cho người khác, trừ phi chính mỗi người phải tự nỗ lực kiến tạo an lạc cho mình bằng một nếp sống trong sáng, chơn chánh và hiền thiện⁴. Phật hiểu thấu mọi nỗi lòng của chúng sinh, nhưng Phật cũng không thể làm gì khác cho sự bình an của chúng sinh, ngoài việc chỉ bày một con đường, một phương pháp để cho mọi người thực hiện⁵. Có một vị thôn trưởng đến thưa hỏi Đức Phật:

"Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ, nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mệnh chung, họ nhắc bóng và mang vị ấy ra ngoài, kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào Thiên giới. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?"

"Vậy, này Thôn trưởng, ở đây, Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn hãy trả lời.

Này Thôn trưởng, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quân chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: 'Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên Thiên thú, thiên giới, cõi đời này!'. Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của đại quân chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?"

"Thưa không, bạch Thế Tôn".

"Ví như, này Thôn trưởng, có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quân chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: 'Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, tảng đá lớn!'. Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quân chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trôi lên, hay nổi lên, hay trôi dạt vào bờ không?"

"Thưa không, bạch Thế Tôn".

"Cũng vậy, này Thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói

hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: 'Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!'. Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ở đây, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân hận, có chánh kiến. Rồi một quần chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: 'Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!'. Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của quần chúng đồng đảo ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không?'

"Thưa không, bạch Thế Tôn".

"Ví như, này Thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đây, ghè ấy trở thành từng miếng vụn, hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước. Còn sữa đông hay dầu thì nổi lên trên. Rồi một quần chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: 'Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!'. Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đồng đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp của quần chúng đồng đảo ấy mà bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay chìm xuống tận đáy không?'

"Thưa không, bạch Thế Tôn".

"Cũng vậy, này Thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đồng đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: 'Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ ác thú, đọa xứ, địa ngục!'. Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này".

Nhìn chung, Đức Phật không chủ trương việc khẩn vái cầu nguyện nhưng quan tâm khuyên dạy mọi người thực hiện một nếp sống chơn chánh hiền thiện - thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện - để thiết lập và thực nghiệm một đời sống hạnh phúc an lạc, hạnh phúc hiện tại và an lạc tương lai. Phật chứng nghiệm đầy đủ định luật nhân quả nghiệp báo thiện ác nên chủ trương cải thiện phẩm chất cuộc sống

bằng biện pháp chơn chánh thiết thực: quyết tâm từ bỏ điều ác, nỗ lực làm các việc lành. Phật nhấn mạnh thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, vì theo tuệ giác của Phật thì chỉ có nếp sống hiền thiện xuất phát từ tâm trong sáng thanh tịnh, được thể hiện qua các hành vi chơn chánh hiền thiện của thân, miệng, ý mới thực sự giúp cho con người đạt được ước mong hạnh phúc an lạc, cả đời này và đời sau.

Vào những ngày đầu xuân, những người con Phật thường thực hiện các khóa lễ cầu an đầu năm, một mặt tỏ rõ tâm kính tín đối với Tam bảo và mặt khác thể hiện lòng biết ơn đối với muôn vàn ân đức giữa cuộc đời. Họ khởi tâm trong sáng thanh tịnh cầu mong cho Phật pháp trường tồn, đất nước thái bình, hết thảy mọi người, mọi chúng sinh đều được hạnh phúc an lạc. Họ khởi tâm mong ước điều tốt lành nhân dịp đầu năm mới để tự nhắc nhở mình và cũng để khuyến khích nhau nỗ lực kiến tạo hạnh phúc an lạc cho mình, cho người và cho quê hương xứ sở bằng những việc làm chơn chánh hiền thiện, bằng những lời nói chơn chánh hiền thiện và bằng những ý nghĩ chơn chánh hiền thiện. Đây chính là ý nghĩa cầu an trong đạo Phật, tức là khởi tâm mong ước điều tốt lành để tự nhắc nhở và sách tấn mình luôn luôn sống tốt, sống thiện, sống hạnh phúc an lạc, lợi mình, lợi người, đúng như bậc Đạo sư đã chỉ dạy:

"Thánh đệ tử tự mình từ bỏ sát sanh và khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho và khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục và khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo và khuyến khích người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi và khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi; tự mình từ bỏ nói lời thô ác và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời thô ác; tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm; tự mình không tham và khuyến khích người khác không tham; tự mình không có sân tâm và khuyến khích người khác không có sân tâm; tự mình có chánh kiến và khuyến khích người khác có chánh kiến. Thành tựu hai mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới"¹⁶. ■

Chú thích:

1. Đại kinh Pháp hành, Trung Bộ.
2. Đại kinh Pháp hành, Trung Bộ.
3. Kinh Pháp cú, kệ số 131-132.
4. Kinh Pháp cú, kệ số 165 xác nhận: "Tự mình, điều ác làm; Tự mình làm nhiệm ô; Tự mình, ác không làm; Tự mình làm thanh tịnh; Tịnh, không tịnh, tự mình; Không ai thanh tịnh ai".
5. Kinh Pháp cú, kệ số 276 ghi rõ: "Người hãy nhiệt tình làm, Như Lai chỉ thuyết dạy".
6. Kinh Hai mươi pháp, Tăng Chi Bộ.



VỀ SỰ CHO PHÉP CỦA GIA ĐÌNH ĐỂ ĐƯỢC XUẤT GIA

PANDITA
LƯƠNG DANH SƠN dịch

Sau khi đạt đến Chánh Đẳng Giác, Đức Phật bắt đầu tiếp nhận đệ tử gia nhập Tăng đoàn của Ngài dựa trên quyết tâm của người đệ tử ấy, miễn sao người ấy có thể tận tâm sống cuộc sống của một Tỳ-kheo để theo đuổi con đường giải thoát mà Đức Phật đã chứng ngộ. Sự tình đã diễn ra như thế cho đến khi chính phụ thân của Đức Phật, vua Suddhodhana, yêu cầu rằng, *“trong tương lai không một đứa trẻ nào được chấp nhận vào Tăng đoàn mà trước đó không có sự ưng thuận của cha mẹ chúng”*. Đức Phật đã chấp thuận yêu cầu đó của vua cha và lập ra một quy định tương ứng trong Luật (Tỳ-ni) nghiêm cấm việc tiếp nhận vào Tăng đoàn những đứa trẻ chưa có sự ưng thuận của cha mẹ chúng.

Quy định này đã đi ngược lại chính những hành động mà Đức Phật vẫn thực hiện cho đến lúc bấy giờ.

Một học giả nghiên cứu về Phật giáo là R.F. Gombrich¹ ghi nhận rằng, *“Chấp nhận yêu cầu ấy, về thực tế, Đức Phật đã tự sửa chữa để những gì Ngài đã làm cho cha mình và những gì Ngài vừa lập lại với chính đứa con của mình sẽ không bao giờ còn gây tổn thương cho bất kỳ một bậc cha mẹ nào”*. Như vậy, theo Gombrich, không như những quy định khác của Luật (Tỳ-ni) vốn được nêu ra để điều chỉnh một hành vi thiếu trí tuệ của các đệ tử, người có lỗi ở đây chính là Đức Phật.

Tuy nhiên, tôi không đồng ý với quan điểm của Gombrich. Nếu Đức Phật tự sửa chữa lỗi lầm, chúng ta sẽ lấy làm ngạc nhiên vì tại sao Ngài không bao giờ đòi hỏi một người đàn ông đã có gia đình muốn xuất gia phải có sự đồng ý của người vợ của mình bên cạnh việc có được sự đồng ý của cha mẹ; vì, trong khi người con xuất gia có thể làm đau lòng những bậc cha mẹ không



đồng tình, một người chồng xuất gia có thể hủy hoại cuộc đời của một người vợ, đặc biệt là trong trường hợp người vợ còn đang sống trong gia đình chồng, hầu như chẳng có tài sản và quyền lực gì. Và điều đó lại càng có vẻ kỳ cục vì chính Đức Phật đòi hỏi một người phụ nữ đã có gia đình muốn xuất gia phải được sự đồng ý của cả cha mẹ lẫn của người chồng. Phải chăng điều đó có nghĩa là Đức Phật có một khuynh hướng chống lại việc phụ nữ gia nhập giáo đoàn? Và trường hợp những đứa trẻ trở thành mồ côi khi cả cha mẹ chúng đều gia nhập giáo đoàn thì thế nào? Ở đây, tôi muốn đưa ra một lời giải thích khác.

Trước hết, tôi phải chỉ ra rằng đức vua Suddhodhana có lẽ không phải là người đầu tiên yêu cầu Đức Phật đặt ra những ràng buộc để ngăn chặn dòng người xin vào giáo đoàn của Ngài. Theo Luật (Tỳ-ni), sau khi chúng ngộ đạo vô thượng và trước lúc gặp lại vua cha, Đức Phật đã dẫn một ngàn *vị tu khổ hạnh nay đã trở thành Tỳ-kheo* đến Rajagaha (thành Vương xá), và trong thời gian tạm cư ở đó, Ngài đã chấp nhận cho gia nhập giáo đoàn của Ngài hai trăm năm mươi người mới trong đó có cả hai ngài Sariputta (Xá-lợi-phất) và Moggallana (Mục-kiền-liên), nguyên là những đệ tử của giáo phái Sanjaya. Không những thế, lại còn có nhiều thanh niên trẻ tuổi tìm đến xin thực hành phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Đức Phật. Thế là công chúng bắt đầu chỉ trích Ngài, tuyên bố rằng nhà tu khổ hạnh Gotama đang tích cực hoạt động để khiến cho dân chúng trở thành không có con nối dõi, tạo ra những người đàn bà góa và phá vỡ đời sống gia đình. Khi trông thấy những Tỳ-kheo, người dân ở Rajagaha chế giễu họ bằng lời kệ như sau: "*Quả là nhà tu khổ hạnh vĩ đại đã tới cổ thành Giribbaja² của xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ giáo đoàn của Sanjaya, giờ đây ông ấy sẽ dẫn người nào theo nữa?*"³.

Lý do nào dẫn đến phản ứng của công chúng như vậy? Vì dân chúng xứ Magadha cảm thấy bị đe dọa. Vì sao họ cảm thấy thế? Vì họ phản đối việc xuất gia của chồng hay con của họ. Thế thì tại sao họ đã không trực tiếp khiếu nại với Đức Phật và yêu cầu Ngài có một

hành động nào về tình trạng ấy? Có lẽ là họ cũng đã lên tiếng và có lẽ Đức Phật đã từ chối giải quyết giúp họ. Mặc dù không có một nguồn văn bản Pali nào ghi nhận một yêu cầu liên quan cũng như lời từ chối của Đức Phật, tôi cho rằng đó là cách giải thích có vẻ hợp lý hơn cả cho việc vì sao dân chúng ở Rajagaha phải sử dụng tới việc tấn công công khai vào Đức Phật và các đệ tử của Ngài.

Mặc dù chúng ta không thể biết một cách chắc chắn rằng, trong lúc đang ở lại Rajagaha, Đức Phật có thực sự bác bỏ những yêu cầu cá nhân để trả lại những người trẻ cho gia đình của họ hoặc không chấp nhận vào Tăng đoàn của Ngài những ai xuất gia mà không có sự ưng thuận của cha mẹ hay không, chắc chắn Ngài đã không nhân nhượng khi Ngài phải đối mặt với những sự phản ứng của công chúng. Thực tế, Ngài đã dạy các đệ tử một bài kệ dùng để trả lời trước sự kết tội của công chúng như sau, *“Đúng vậy, các bậc Đại hùng, các Đấng Như Lai dẫn dắt bằng Chánh pháp. Những người nhận thức được chư Phật là người dẫn dắt bằng Chánh pháp thì có gì phải ghen tỵ với chư Phật?”*³.

Vậy tại sao Đức Phật đã động lòng trước yêu cầu của vua cha? Tôi cho rằng vì Ngài biết rằng Ngài không thể tiếp tục làm ngơ trước một yêu cầu như vậy, vì sẽ trở nên quá nguy hiểm cho Ngài cũng như giáo đoàn của Ngài nếu như Ngài tiếp tục hành xử như trước. Đức vua Suddhodhana có vẻ là một người có quyền lực trong dòng Thích-ca; nếu nhà vua không ngăn trở Đức Phật và các đệ tử, hẳn là chỉ vì Đức Phật là con của nhà vua chứ không phải vì nhà vua không có đủ quyền lực. Nếu một vị vua khác hay một người khác có quyền lực mất con vì con tham gia giáo đoàn của Đức Phật không có sự ưng thuận của họ, họ có thể trở thành kẻ thù nguy hiểm và nghiệt ngã hơn đối với Đức Phật và giáo đoàn của Ngài. Chính là để bảo vệ giáo đoàn trước những nguy hiểm như vậy mà Đức Phật đã phải từ bỏ chính sách tuyển mộ trước đó và khiến việc có được sự ưng thuận của cha mẹ là một điều kiện bắt buộc đối với những ứng viên gia nhập giáo đoàn.

Cũng chính vì lý do đó mà Ngài đã khiến cho việc có sự ưng thuận của người chồng là điều kiện bắt buộc đối với những người phụ nữ có mong muốn gia nhập Ni giới. Nếu không có điều kiện này, cái hoạt cảnh một vị quận chúa xuất gia mà không có sự ưng thuận của người chồng và vì thế khiến người chồng của vị quận chúa ấy, có thể là một hoàng tử hay một vương thân, trở thành một kẻ thù nghiệt ngã của Tăng đoàn hoàn toàn là một thực tế có khả năng xảy ra.

Và không thể nào khuếch đại những mối nguy hiểm chực chờ các vị Tỳ-kheo dám vượt qua những quyền lực khi mà:

“Thế rồi vua Senyia Bimbisara xứ Magadha hỏi các vị đại thân phụ trách về xét xử: ‘Này các ông, nếu có một kẻ khiến cho người hầu cận của nhà vua xuất gia mà không

được sự ưng thuận của nhà vua thì kẻ đó làm phát sinh điều gì cho chính mình?’”

“Tâu Đại vương, đầu của một vị giáo thọ nên được cắt rời khỏi cổ, lưỡi của kẻ đưa ra lời thuyết pháp nên được cắt lìa, một chân và một tay của một thành viên trong nhóm nên được chặt bỏ...”

*“Bấy giờ vua Senyia Bimbisara thưa với Thế Tôn: ‘Bạch Thế Tôn, có những vị vua thiếu niềm tin, không có sự tin tưởng, những vị đó có thể làm hại các Tỳ-kheo kể cả bằng những hình phạt tàn khốc nhất. Bạch Thế Tôn, sẽ là tốt hơn nếu các vị trưởng lão đừng làm cho những kẻ hầu cận của nhà vua xuất gia’”*⁴.

Theo những giải thích dẫn trên, các vị trưởng lão chấp nhận những người làm việc cho hoàng gia được phép xuất gia chỉ nên chấp nhận điều đó căn cứ vào đề nghị của nhà vua. Nếu chỉ với những người hầu cận của hoàng gia mà các vị trưởng lão đã có thể phải đối mặt với những hình phạt khắc nghiệt như thế, thì chúng ta có thể tưởng tượng thế nào về những hình thức khủng bố rùng rợn sẽ chờ đợi một vị trưởng lão khi vị ấy cả gan chấp nhận vào Tăng đoàn một vị hoàng tử, một vị công chúa hay một vị hoàng hậu mà không có được sự ưng thuận của một nhà vua có liên quan. Đức Phật có thể vẫn được an toàn vì Ngài là bậc Chánh Đẳng Giác, được tôn trọng, nhưng các đệ tử của Ngài chắc chắn không thể có được cái may mắn ấy. Nhu cầu bảo vệ những tín đồ trung kiên của mình có thể là lý do chính xác khiến Đức Phật phải nêu nguyên tắc có được sự ưng thuận của người chồng đối với người muốn tham gia Ni giới và có được sự ưng thuận của cha mẹ hoặc của cả cha mẹ lẫn của người chồng đối với những người sẽ trở thành Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni.

Hơn nữa, cũng với cùng những nhận thức đó có thể giải thích vì sao Đức Phật không bao giờ quan tâm đến việc có được sự ưng thuận của người vợ khi Ngài chấp nhận cho người chồng xuất gia. Điều đơn giản là vì Ngài biết rõ những người vợ của những ứng viên Tỳ-kheo của Ngài trong thời ấy, thường là sống bên gia đình chồng, khó mà có được địa vị có thể gây hại cho Tăng đoàn. Trong thời ấy, ngay cả một vị quận chúa mất chồng vì chồng gia nhập Tăng đoàn mà không có sự đồng ý của mình, người ấy cũng chẳng có quyền lực gì để chống lại Tăng đoàn, trừ khi người ấy có được sự ủng hộ của gia đình chồng, là những người mà nhiều phần là bà ta phải sống chung. Và nếu gia đình chồng của bà ta đã đồng ý để chồng của bà ta xuất gia, thì quả là có quá ít cơ hội để họ giúp đỡ bà ta chống lại Tăng đoàn.

Có nhận định rằng “Hiển nhiên tiếng nói của người vợ chẳng bao giờ được lắng nghe”. Tuy nhiên, như được thấy từ những gì đã diễn ra ở Rajagaha đã được trình bày ở trên, những người vợ đã có khả năng làm cho lời phàn nàn của họ đến tai Tăng đoàn; có điều là như chúng ta đã thấy, Đức Phật không quan tâm đến tiếng

nói của họ. Tuy nhiên, tôi cho rằng chúng ta không nên thấy đó là một sự thiên vị chống lại phụ nữ. Nếu như xã hội bấy giờ theo chế độ mẫu hệ, tôi tin rằng Đức Phật sẽ không ngần ngại thực hiện điều ngược lại: Ngài sẽ đòi hỏi người đàn ông có gia đình muốn xuất gia phải được vợ đồng ý, nhưng không đòi hỏi điều đó ở người phụ nữ có gia đình muốn xuất gia.

Cải thực tế phụ nữ không có hoặc có rất ít quyền hạn là một khiếm khuyết của xã hội thời bấy giờ. Điều hoàn toàn dễ hiểu là Đức Phật đã chẳng thể nào sửa chữa khiếm khuyết đó, vì Ngài chỉ là một nhà tu khổ hạnh sống bên ngoài xã hội. Nhưng làm sao mà Ngài có thể lợi dụng một khiếm khuyết của xã hội cho lợi ích của lý tưởng giải thoát của Ngài? Nói khác đi, phải chăng việc một người như Ngài, được kính ngưỡng là bậc toàn giác có trí tuệ và từ bi vô lượng, lại không lý gì đến nỗi đau khổ của những người vợ miễn cưỡng chấp nhận thực tế có chồng xuất gia vì chẳng thể làm gì được, là một điều thích đáng? Câu trả lời của tôi là, khi Đức Phật không quan tâm đến hoàn cảnh của những người vợ trong trường hợp chồng của họ xuất gia, Ngài không hề làm hại xã hội mà chỉ thành tựu lý tưởng của mình nơi nào và lúc nào Ngài có thể thực hiện được.

Chúng ta hãy xét một trường hợp. Giả sử một người đàn ông đã có vợ mà lòng mong muốn xuất gia của người ấy quá mạnh đến nỗi đã làm cho cha mẹ của người ấy phải ưng thuận rồi xin gia nhập Tăng đoàn. Cũng giả sử rằng vợ và con của người ấy hết sức không đồng ý với quyết định của anh ta mà không thể nào cản trở được ý muốn của anh ta, và việc xuất gia của anh ta sẽ đưa gia đình của anh ta đến chỗ thiếu thốn và đói khổ vì trước khi xuất gia thì anh ta là người lao động chính nuôi cả gia đình.

Trong trường hợp này, việc tìm kiếm sự giải thoát bằng cách xuất gia và hiến cả cuộc đời cho việc theo đuổi con đường Thánh là một tác ý tốt về phần người chồng trẻ. Vì Đức Phật xác định rằng nghiệp chính là tác ý, một tác ý tốt sẽ dẫn đến một nghiệp tốt, đó chính là chánh nghiệp theo lý thuyết về nghiệp trong Phật giáo. Và chánh nghiệp của người thanh niên xuất gia sẽ không thay đổi cho dù hậu quả của hành động ấy là sự đau khổ của gia đình mình; vì ngay cả một hành động có thiện ý mang lại những hậu quả xấu trong thực tiễn thì cũng là một bước tích cực tiến tới sự giải thoát.

Nếu vậy, Đức Phật và các trưởng lão, tức là những người có trách nhiệm trong việc mang người thanh niên ra khỏi gia đình của anh ta, cũng chẳng có gì đáng trách về mặt đạo đức. Quả thật, chính hành động của Đức Phật hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc ấy khi Ngài đã quyết định lúc còn là một vị thái tử, rời bỏ hoàng thành để đi tìm chân lý, hoàn toàn ngược lại với kế hoạch của vua cha; và rồi, sau khi đạt tới Chánh Đẳng Giác, Ngài bắt đầu cho phép mọi người tham gia giáo đoàn mà không hề quan tâm đến gia đình của họ

cũng như xã hội họ đang sống, và Ngài đã tiếp tục thực hành chính sách ấy bao lâu Ngài còn có thể thực hành được. Và nếu chúng ta dùng phép ngoại suy từ những hành động ấy dựa trên cùng nguyên lý, chúng ta có thể kết luận rằng nếu có thể, Đức Phật sẽ muốn chẳng phải quan tâm đến những điều kiện bên ngoài, kể cả việc có sự ưng thuận của cha mẹ, trong trường hợp bất kỳ một ứng viên nào thực sự cầu tìm sự giải thoát.

Mặt khác, nếu sau đó, Đức Phật đã có những quy định dựa trên những điều kiện ngoại tại, những giới hạn đó chỉ là những sự nhượng bộ mà Ngài buộc phải thực hiện để tránh sự cọ xát với xã hội hay với những người trong giới cầm quyền của xã hội. Yêu cầu có sự ưng thuận của cha mẹ cho mọi ứng viên xuất gia và sự ưng thuận của người chồng với ứng viên Tỳ-kheo-ni chỉ là một trong những sự nhượng bộ mà Đức Phật buộc phải áp dụng đối với xã hội. Chúng ta có thể tìm thấy những sự nhân nhượng tương tự trong những quy định khác như việc không chấp nhận vào giáo đoàn những người bị bệnh nặng, những nhân viên của hoàng gia, những tướng cướp và những kẻ ăn trộm nổi danh, những kẻ là tù vượt ngục, những người trộm cắp đang bị truy nã, những kẻ đang có nợ, những người nô lệ... Sau cùng, là người lãnh đạo một cộng đồng tồn tại nhờ sự trợ giúp của xã hội thế tục, Đức Phật chắc chắn không thể chịu đựng sự va chạm với xã hội. Cho nên, hoàn toàn không hợp lý khi nghĩ rằng Đức Phật đã lợi dụng những khiếm khuyết của xã hội đương thời chỉ vì Ngài phủ nhận yêu cầu của phụ nữ về việc chồng của họ xuất gia; Ngài chỉ bác bỏ việc nhân nhượng đối với phụ nữ trong thời của Ngài, là những người quá yếu về mặt quyền hạn để có thể đưa ra đòi hỏi. ■

Chú thích của người dịch:

1. Richard Francis Gombrich, sinh năm 1937, nhà Ấn Độ học người Anh, chuyên nghiên cứu về Pali, Sanskrit và Phật học, nguyên giáo sư Oxford, nguyên Chủ tịch Pali Text Society, hiện là Chủ tịch sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học, Viện Đại học Oxford. Quan điểm trong bài viết được trích từ *What the Buddha thought*, NXB Equinox, London, 2009.

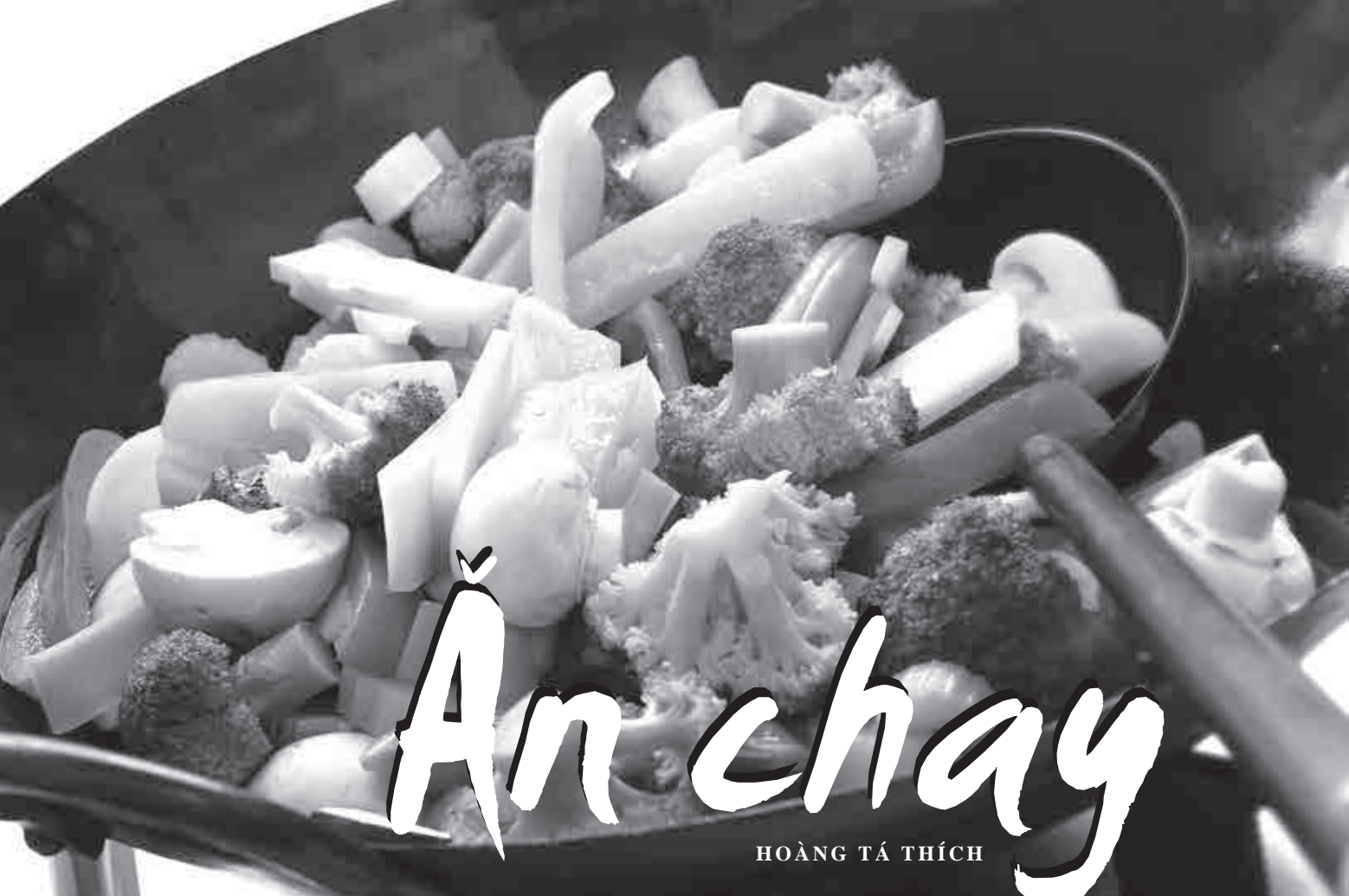
2. Tên cũ của Rajagaha.

3. Trích từ Luật tạng, bản dịch tiếng Anh của Horner, *The Book of the Discipline (Vinaya Pitaka)*, quyển 4, trang 56

4. Trích từ Luật tạng, bản dịch tiếng Anh của Horner, *The Book of the Discipline (Vinaya Pitaka)*, quyển 4, trang 92

Nguồn: Did the Buddha Correct Himself? Pandita (Burma), Journal of Buddhist Ethics, Volume 19, 2012.

Pandita là một tu sĩ người Myanmar, hiện giảng dạy tại Viện Nghiên cứu về Phật học và Pali, chương trình Sau đại học, thuộc Viện Đại học Kelaniya, Sri Lanka, cộng tác viên thường xuyên của *Journal of Buddhist Ethics*, một chuyên san nghiên cứu về đạo đức Phật giáo xuất bản hàng năm bắt đầu từ năm 1994.



Ăn chay

HOÀNG TÁ THÍCH

Có một hôm nhân đến chùa để dự lễ cầu siêu cho vợ một người bạn, chúng tôi được mời ở lại dùng cơm chay. Cơm chay ở chùa thường do những Phật tử ở ngoài vào làm công đức. Bữa ăn hôm đó khá thịnh soạn vì rất nhiều món. Có thể là không chỉ một mà có nhiều nhóm Phật tử cùng đến làm công quả cúng dường, vì hôm đó chùa làm lễ cho hai ba gia đình cùng một lúc, nên khá đông đảo khách đến dự lễ. Người bạn giới thiệu cho chúng tôi một món “thịt gà nướng,” và cho biết là được thực hiện do một người có kỹ thuật nấu ăn rất cao. Nhìn bên ngoài quả thực không khác gì miếng gà nướng, cũng da bên ngoài màu nâu như da gà được nướng trên lửa, bên trong màu sắc chẳng khác gì thịt gà. Ăn vào miệng, cũng giòn, cũng dai và vị rất... gà, có lẽ do ảnh hưởng tâm lý vì hai chữ “gà nướng” của người bạn giới thiệu. Tóm lại, có thể nói, không khác gì một miếng thịt gà. Người bạn chờ tôi nếm xong và đưa mắt như muốn hỏi thế nào. Tôi gật đầu: “Quả là kỹ thuật cao.” Tuy nhiên trong lòng thấy không thoải mái chút nào. Đến chùa ăn chay, nhưng nhờ kỹ thuật cao của người nấu, món ăn chay không những chẳng khác gì một món mặn mà còn được gọi tên bằng thịt này thịt nọ, ăn vào không thể nào phân biệt được chay hay mặn, còn được gọi tên bằng một món mặn, thì gọi là ăn chay làm gì? Giá như anh bạn tôi đừng giới thiệu đấy là món gà nướng, mà chỉ giới thiệu là “tàu hũ ky”

chiên chẳng hạn, thì có thể tôi sẽ thấy ngon mà chẳng nghĩ đến hai chữ thịt gà, thì cũng chẳng có vấn đề gì.

Bây giờ có những loại thực phẩm gọi là chay phần lớn được nhập từ Đài Loan, nấu ra chẳng khác gì món mặn về hình thức. Nào là tôm, cá, mực, gà trông như thật. Những loại thực phẩm này thường được phục vụ trong một số nhà hàng chay, với thực đơn nào là gà nướng, vịt quay, lẩu dê... hoặc đôi khi cũng được dùng trong những buổi lễ ở một vài ngôi chùa có đông đúc Phật tử tham dự. Ấy không phải lỗi ở chùa, mà do những Phật tử làm công quả không ý thức được tường tận ý nghĩa của việc ăn chay mà chỉ thấy tiện lợi cho việc trình bày, biến chế trong việc nấu nướng mà thôi. Có rất nhiều người ăn chay không phải vì họ là một Phật tử, mà chỉ vì vấn đề sức khỏe. Ăn rau cải nhiều có thể tốt hơn là thịt cá. Tuy nhiên nếu ăn những thức ăn mà họ quan niệm là làm từ rau củ, hoa quả đó, lại có thể tai hại hơn là thịt cá vì những hóa chất được dùng để bảo quản.

Thực ra, ăn chay trước tiên chỉ là một ý niệm. Một tháng, ăn chay vài ngày chỉ để tự nhắc nhở mình là một Phật tử. Ý nghĩa của việc ăn chay là tránh ý niệm sát sanh. Nếu ăn một con tôm, miếng thịt giả, trông bên ngoài như một con tôm, miếng thịt thật, thì dù không phải là vị thịt cá, thì có khác gì ăn mặn đâu.

Có những người quan niệm ăn chay để tránh sát sanh, cũng đúng và cũng chẳng đúng chút nào, vì

mình không ăn mặn thì vẫn có cả hàng triệu hàng tỷ con vật bị làm thịt. Ở Tây Tạng, trên một độ cao năm sáu ngàn thước, việc ăn chay thuần túy rau cải khá khó khăn, nên người ta vẫn ăn thịt mới đủ sức khỏe, và một con trâu (yack) có thể cho thịt hàng trăm người ăn. Ở trong những điều kiện địa lý như vậy, phải ăn chút thịt mới đủ chất để giữ gìn sức khỏe.

Ngày xưa, lúc còn tại thế, Đức Phật thường cùng các đệ tử đi khất thực, nhận bất cứ thực phẩm gì của Phật tử cúng dường.

Đức Phật vốn là hoàng tử, thuộc dòng dõi quý phái, mà nếu Ngài không xuất gia thì người ở giai cấp thấp kém không thể đến gần Ngài được. Đức Phật đi khất thực chỉ là để xóa bỏ giai cấp, để cho bất cứ hạng người nào cũng có thể cúng dường, gần gũi với Ngài, bởi vậy, trừ những kẻ ngoại đạo thì hầu hết những người cúng dường thực phẩm cho Ngài cũng chỉ dâng hiến những thức ăn chay mà thôi. Tuy nhiên, với những đệ tử của Ngài, thì nếu dân chúng không có thức ăn chay, họ cũng có thể cúng dường những món mặn. Bởi vậy, Đức Phật có dạy, nếu phải dùng thức ăn mặn thì có thể dùng những thứ không phải vì mình mà con vật đó bị giết. Có thể ăn mặn nếu không thấy con vật bị giết, không nghe tiếng kêu của chúng. Có người vào trong nhà hàng, thấy những con cá chêm, cá điêu hồng lững lờ trong những hồ nước trong vắt. Gọi món cá hấp, người ta sẽ bắt những con cá đó làm thịt cho mình ngay. Và có nhiều người đã không muốn ăn những con cá như thế, ngay cả những người không phải là Phật tử. Thế có nghĩa là đã tránh được ý niệm sát sanh trong lúc phải ăn thịt cá. Và nếu tránh được ăn mặn thì dĩ nhiên là càng tốt hơn.

Thú vật ăn thịt thường dữ tợn và khát máu như cọp beo, sư tử. Trái lại, những con thú ăn cây cỏ thì bản chất hiền lành như trâu bò ngựa nai... Những con vật ăn thịt thiếu thức ăn thì phải săn mồi, ra tay giết những con vật yếu hơn để làm thức ăn. Trái lại, loài vật ăn cây cỏ thì không cần phải làm như thế. Người tu hành ăn chay trường cũng tựa như vậy, cũng có mục đích giảm bớt sát nghiệp, chưa kể ăn chay cũng là giới luật. Tuy vậy, có nhiều môn phái Phật giáo, đi tu vẫn ăn mặn. Ở Việt Nam và Thái Lan, rất nhiều tu sĩ không ăn chay.

Nếu người Phật tử bình thường ăn chay mà nhận thức được rõ ràng và đúng đắn việc ăn chay, thì họ sẽ không bị cứng nhắc trong việc ăn chay. Chẳng hạn đến một bữa tiệc không có thức ăn chay cho riêng mình, họ sẽ không câu nệ chỉ ăn rau cải trong đĩa thịt để khỏi phải làm phiền lòng gia chủ. Bởi khi họ làm

cái việc tránh phần thịt cá trong đĩa rau cải, thì chính là họ đang ý thức về ý niệm sát sanh, mặc dù đang đối diện với một món ăn mặn.

Người Âu Mỹ nhìn một người Á Đông nói chung chọc tiết một con heo hay vật lông một con gà, thì họ cho là người Á Đông độc ác. Và khi dọn đĩa thức ăn lên, cái hình ảnh vừa thấy làm cho họ mất cả khẩu vị, không muốn đụng đũa đến. Đó cũng là từ tâm, mặc dù họ không bao giờ biết ăn chay. Có thể là họ chưa bao giờ chứng kiến trong những xưởng chế biến thức ăn, với máy móc công nghiệp hiện đại, người ta giết gà mổ heo như thế nào. Chỉ trong nháy mắt, hàng trăm con heo đang ụt ịt trong chuồng đã trở thành những thớt thịt sẵn sàng đem đi phân phối khắp nơi. Nhìn những dụng cụ bằng máy cạo lông một con heo trong nháy mắt, xé đôi thân con vật, cắt đứt cái đầu một cách gọn gàng nhanh chóng mà phát ớn. Có thể là họ chưa bao giờ thấy một con bò được đưa vào vị trí, chảy nước mắt, đứng chờ để người ta cho một phát súng bằng mũi kim vào sau ót trước khi qua nhiều công đoạn khác tiếp theo để trở thành những miếng thịt tươi rói, đỏ hồng sẵn sàng phục vụ cho khách hàng. Nhiều người Việt Nam, dù quen với cảnh cắt tiết gà vịt hay chọc tiết một con lợn, cũng thấy con người dã man khi làm thịt một con chó, nhất là cách hạ thủ có phần khác với con gà, con lợn, chỉ vì con chó gần gũi với con người nhiều hơn. Tuy nhiên, nếu có thấy dã man khi làm thịt một con chó hơn là cắt tiết một con gà, thì chúng tỏ người đó cũng đã có từ tâm trong lòng. Mỗi từ tâm lớn hơn nếu người đó thấy con gà, con chó hay bất cứ con vật nào cũng đều là sinh vật không nên giết hại, thì đó chính là cái ý niệm về ăn chay vậy. Tâm Phật là cái tâm nhìn thấy bất cứ một sinh vật nào cũng là một sinh vật, dù đó là con sâu, cái kiến. Ý niệm ăn chay, không phải chỉ không ăn thịt, ăn cá, mà từ ăn chay sinh ra khởi niệm không sát sanh do trong tâm mà ra.

Rất khó tránh khỏi ăn thịt ăn cá, nhưng ăn thịt, ăn cá mà không khởi niệm sát sanh thì cũng không phải là có tội.

Phật tử đến chùa với tâm thành để cầu an lạc. Tụng kinh niệm Phật để tu tập thân tâm.

Đi chùa, tụng kinh, niệm Phật sẽ được thân tâm an lạc nếu có lòng tin vào sự giúp đỡ của đấng Thế Tôn để vượt qua được khó khăn cho mình hoặc cho người.

Nhưng tụng kinh niệm Phật chỉ để cầu xin lợi lộc vật chất thì cũng chẳng khác gì ăn chay bằng con tôm, miếng thịt giả cố tình làm cho giống như thật vậy. ■





Sự lựa chọn của lão nông

PHẠM XUÂN PHỤNG

Xưa có một người nông dân chất phác cần cù, nhà ở gần bìa rừng, làm lụng đầu tắt mặt tối bao năm mới dựng được ngôi nhà tranh ba gian hai chái. Trước nhà có cái sân rộng dùng để phơi lạc, loại nông sản chuyên canh của dân trong vùng. Hai vợ chồng có mỗi mụn con trai nên thường chăm bẵm, những mong sau này có được dâu hiền, phúc nhà đến độ, may chăng cháu chắt đầy nhà là mãn nguyện. Cơ duyên tiền định, người con trai nhỏ một hôm đang buổi ôn bài, tha

thần dạo chơi nơi rừng vắng, bỗng gặp một nhà sư đi ngang qua. Hai bên chuyện trò, đạo căn của người trẻ tuổi được tưới, bỗng chốc nảy ý tu hành. Bèn trở về xin với cha mẹ cho theo thầy học đạo. Từ đó, mái nhà tranh trở nên quá rộng rãi, mà cái chí làm giàu của người cha từ đó cũng nhạt nhòa, chỉ làm ăn siêng năng theo bản tính. Nhà cứ thế nghèo.

Dù nghèo nhưng tính ông bà rất hòa mục và hào sảng, luôn lấy cái tâm trong sáng đãi người.

Một hôm, có một kẻ ăn mày đói rét lạc bước tới nhà.

Ông bảo vợ lấy cơm cho ăn, lấy áo cho mặc. Chùng hết đói, đỡ rét, kẻ ăn mày cám ơn lạy tạ ra đi. Thấy anh ta là một người khoẻ mạnh, căn cốt không phải kẻ hèn, không biết cơ phận thế nào mà phải làm kiếp ăn mày, ông động lòng thương. Bèn gọi lại bảo ở cùng ông bà, giúp việc nhà, đói no cùng chịu, thoát kiếp ăn xin hèn kém.

Thấm thoát đã mấy mùa mưa nắng, kẻ ăn mày năm xưa giờ trở thành một anh nông dân vạm vỡ, giỏi giang, cáng đáng tất cả việc đồng áng cho hai ông bà già. Ông bà đứng ra lo cưới vợ cho anh ta, lại thấy con dâu chăm chỉ hiền lành, càng thương hơn. Bèn xẻ nửa vườn nhà cấp cho hai vợ chồng trẻ để ra riêng. Gọi là riêng nhưng chỉ riêng nhà, vẫn chung một khu vườn cũ và cái sân dùng để phơi lạc.

Cái lá có hai mặt, con người dễ có hai lòng. Kẻ ăn mày năm xưa, nay nhờ sức khỏe, vợ chồng cùng chí thú làm ăn nên của cải gia tăng, trong nhà có lắm người làm công; lòng tham cũng từ đó dần dần tăng trưởng, lấn át nghĩa tình. Hai vợ chồng vẫn chưa thỏa lòng tham đã sở hữu mấy mảnh đất rộng qua nhiều lần mua đi bán lại, cứ chăm chăm lập mưu chiếm cái sân phơi bé tẹo của ân nhân ngày cũ. Đầu tiên là việc xin vạch vôi phân định chỗ phơi để khỏi nhầm khi xúc lạc mang đi bán hoặc cất vào kho. Đưa ra ý kiến, ân nhân vui lòng gạt đầu vì thấy cũng chẳng hại gì. Cho nó cả nửa mảnh vườn còn chẳng tiếc, tiếc gì một góc sân phơi! Được thể, anh ta lén lút, lại dùng tiền mua chuộc lý trưởng, hương chức, quan lại từ huyện đến phủ để dựng kế dài lâu. Ân nhân ngày mỗi già, chí gan đua với đời ngày mỗi giảm, chỉ ưa vui thú trong lòng.

Đến một hôm, anh ta lấy cố lạc nhiều lạc ít, sân rộng sân hẹp để chửi bới ân nhân, lại còn đe bóng đe gió về sức mạnh thế lực nhờ đồng tiền mà có của anh ta. Người giúp kẻ khó năm xưa biết lòng kẻ chịu ơn đã đổi, chỉ tặc lưỡi đọc nhẩm câu ca:

“Cứu vật, vật trả ơn. Cứu nhơn, nhơn trả oán”.

Chuyện nhùng nhằng được ít lâu, hai ông bà già đành chọn chước mắt lấp tai ngơ cho qua ngày tháng vì nghĩ rồi ai cũng đến lúc xuống mồ. Kẻ đắc thời đắc lộc lại lấy thể làm điều hay, cứ khoai bở đào mãi. Cho đến một hôm, khi thấy thể mình đã vững, sau lưng có quan lại chở che, hẳn bèn kiện lên quan, đòi chuyện ngược đạo đời, muốn cướp trắng cái sân của ân nhân ngày cũ, nay đã thành cái gai chấn bước anh ta.

Quan từ lâu đã giao du với hẳn, lại có đôi phen hú hí với vợ của hẳn ta, nên bày ra một cách xử lạ đời. Cho cả hai tùy ý chọn một trong hai điều: hoặc cái sân hoặc đồng lạc đang phơi trên đó. Hẳn thì muốn cả hai, ngặt nỗi phải nghe lời quan trên sắp xếp. Do dự mãi, hẳn bèn xin rút thăm, tiếng là may nhờ rủi chịu, nhưng lẽ nào quan để hẳn chịu thiệt bao giờ. Được hay mất cũng do bàn tay sắp ngửa trắng đen của quan mà ra cả. Xưa thế, nay càng thế, lại càng tinh vi, trắng trợn, bỉ ổi, ghê tởm và tàn nhẫn hơn xưa nhiều. Hẳn vẫn nhớ lời dạy của

ân nhân ngày cũ: “Con ơi nhớ lấy câu này: *Cướp đêm là giặc, cướp cả đêm ngày là quan*”. Hẳn cứ tưởng ông già chấp thuận chuyện rủi may để họa chẳng còn đất.

Ai ngờ, ông già nông dân chất phác lại quá đổi ngu đần, theo như hẳn và các quan suy nghĩ, nhất định không chịu bốc thăm, thản nhiên xin chọn lạc, nhường cái sân cả đời khai phá gìn giữ cho kẻ ăn mày được mình cứu sống. Cả quan lại lẫn kẻ đi kiện đều nở ruột nở gan vì chuyện khó coi bỗng trở nên dễ đến không ngờ. Tối đó, hẳn cùng quan lại huyện nhà và hương lý trong làng vui trong men rượu, bắt cần biết quan huyện bỏ đi đâu. Quan đã đi riêng cùng vợ hẳn, tìm chỗ để thỏa lòng tham hưởng thụ cái thơm ngầy ngậy của mùi da thịt gái ruộng đồng đang độ hồi xuân. Hẳn được mảnh đất lớn thì mảnh đất nhỏ với dùm cỏ mắt đi cũng chẳng tiếc gì!

Xong vụ kiện ít lâu, người con trai cùng sư thầy ghé ngang nhà. Biết chuyện, người con trai hỏi:

- Thưa cha! Vì sao cha chọn lạc mà chẳng chọn cái sân? Sân là vật do chính công mẹ cha khai phá, lại không bị hao hụt thất thu vì thời tiết, đã có thì khó mất, vì vậy nó có tính vững bền. Lạc là thứ có tính thời vụ, khi được khi mất không bền. Vì sao cha bỏ dài chọn ngắn, lấy tạm bợ, bỏ vững bền, thưa cha?

Người cha già cười nhẹ, trả lời con:

- Sân đất mà con nhìn thấy là cái có tính giới hạn, đã có rộng ắt có hẹp. Ai dám bảo là nó không thể đổi dời? Nó trước đây vốn là đất rừng, sau thành mảnh vườn nhờ công cha mẹ khai phá, chăm lo. Biết đâu sau này, nó lại chẳng hóa thành rừng cũ hoặc trở nên một vũng lầy? Đã có được thì có mất. Trời chẳng cho ai được hẳn, chẳng buộc ai mất hẳn. Vì thế, cái sân mà con nhìn thấy chỉ có tính tạm bợ. Lạc là thứ do ta làm ra, mầm lạc do ta ươm trồng, quả lạc tất nhiên ta thụ hưởng và cho người khác hưởng cùng, không lúc này thì có lúc khác, vì vậy nó có tính dài lâu, lại không thay đổi về chất. Bỏ cái tạm bợ trước mắt, chọn cái dài lâu là ý muốn của cha mẹ đó, con ạ! Con tu học đã bao năm, hẳn là hiểu ý của cha muốn nói?

Người con nhíu mày suy nghĩ hồi lâu. Chợt ngừng đầu lên tươi cười hơn hở:

- Thưa cha! Con đã hiểu. Sân là cái khó bỏ, nó làm lòng ta trĩu nặng, mắt ta dễ mờ. Lạc là cái đem lại cho ta niềm vui, lòng yên, óc nhẹ chẳng ưu phiền. Con từ lâu bỏ sân tìm lạc mà không biết. Giờ được cha chỉ rõ ngọn ngành, thật là đại hạnh!

Nhà sư đi cùng nãy giờ nghe hai cha con đối đáp, bấy giờ mới cất tiếng cười vang:

- Ha ha! Hay thật, hay thật! Thiện tai, thiện tai! *Bỏ sân tìm lạc*. Lão nông thực quả đạt đạo rồi!

Nói đoạn, quay qua học trò, cười bảo: Người còn theo ta làm gì! Cha người chính thực là thầy của người đó!

Nói xong, thoát cái biến mất. Người con từ đó ở nhà làm lung, phụng dưỡng mẹ cha, trở nên cư sĩ thuần thành. ■



Vài câu chuyện ở An Phú Đông

THỊ GIỚI

Chiếc phà máy nhỏ đưa chúng tôi qua con sông đục và nhiều lục bình. Bên đó là phường An Phú Đông của quận 12. Chạy xe trên con đường nhỏ, tôi có cảm giác như đi vào một thế giới khác, với nhiều cây xanh, quê mùa và yên tĩnh. Nghe nói bến phà này trong tương lai sẽ được thay thế bằng một chiếc cầu. Tôi chạnh nghĩ đến thành phố Victortia, thủ phủ của tỉnh British Columbia nước Canada. Tuy là thủ phủ của tỉnh nhưng Victoria với tòa nhà Quốc hội tỉnh bang và nhiều cơ quan đầu não của tỉnh lại nằm trên một hòn đảo, từ đất liền muốn đến phải mất gần hai tiếng đồng hồ đi phà và qua lại đều phải mua vé. Vậy mà khi chính phủ trưng cầu ý kiến về việc làm một chiếc cầu nối liền hai bên thì dân chúng Victoria phản đối, sợ làm mất tính cách của thành phố thủ phủ.

Thường quyết định của người Tây phương rất thực tiễn. Do được rèn luyện trong một nền giáo dục tự do suy nghĩ và phát biểu từ nhỏ, người Tây phương rất bén nặng với suy nghĩ và cảm nhận của mình. "How do you

feel, what do you need" là một trong những bài học của họ. Họ biết nhu cầu thực sự của mình, hướng về tương lai nhưng không cắt đứt quá khứ, nhìn ra ngoài nhưng không quên con tim, xông xáo nhưng luôn nhớ về một góc yên tĩnh, nhu cầu thực sự ngàn đời của con người, Đông phương cũng như Tây phương.

Và hình như càng văn minh, phát triển thì con người lại càng nghĩ đến một "cõi riêng", cách biệt, yên tĩnh. Ở Bắc Mỹ luôn luôn khu nhà ở cách biệt với khu mua sắm, nhà máy, nơi làm việc. Và trong những cuộc nghỉ hè xả hơi hằng năm, đi đến những nơi có hồ, biển, núi, rừng là những yêu thích đặc trưng của họ.

Đĩ nhiên đất nước cần một Sài Gòn hiện đại và vươn lớn. Và tôi thì càng cần một nơi như An Phú Đông. Nhưng tương lai sẽ ra sao còn tùy thuộc vào cái tâm, cái nhìn và cách sống của quần chúng để tạo nên một cộng nghiệp. Với tính chất đa diện và nhanh chóng của xã hội ngày nay, "con người mới" phải tự quyết định và có trách nhiệm với bản thân và xã hội nhiều hơn nhiều so với những thế hệ cha ông ngày trước. "Con người mới" cần



một cái đầu quán xuyến và con tim bén nhạy để hiểu rõ mình và hiểu rõ hoàn cảnh, sự việc. Có lẽ vì vậy mà Thiền được ưa chuộng và phổ biến trong những xã hội Tây phương ngày nay.

Xa hơn việc làm cho đầu óc tươi tắn, bén nhạy, và làm cho con tim trở nên bình an và đập đúng nhịp là mục tiêu trước mắt của người Tây phương, Thiền còn có thể giúp người thực hành đặt được bước chân vào chỗ nền tảng của đời sống. Từ nền tảng đó, con người sẽ có một đời sống trọn vẹn hơn, có nghĩa là hạnh phúc cho bản thân và thành tựu cho xã hội. Sống với nền tảng đó, con người sẽ bớt dần sự mê mờ thiên lệch trong hành động, bớt dần sự mê mờ thiên lệch trong việc quán sát những sự việc xảy ra trong đời sống, bớt dần sự mê mờ thiên lệch trong sự phân biệt tốt xấu, hơn thua đưa đến ganh ghét hận thù, và cuối cùng là luôn sống được trong thế giới rộng mở của trí và của tâm. Nền tảng đó người xưa chỉ bày bằng cách dạy nghe cái nghe, thấy cái thấy, nghe bằng mắt, thấy bằng tai v.v. hoặc bằng nhiều phương tiện khác. Phật giáo Tây Tạng thực hành Từ Bi hay Từ để đi vào nền tảng đó là cái thấy bình đẳng. Và ngày nay tôi nghĩ chúng ta cũng có thể đặt chân vào chỗ đó bằng những phương tiện mới khác. Đạo Phật

không tách rời đời sống nên luôn khám phá và mở ra những con đường mới.

Có thể nói Thiền là thực hành lý tưởng cho “con người hiện đại” để biết sống hiện đại và xây dựng xã hội hiện đại. Khi đến phi trường Thượng Hải, tôi hiểu rõ hơn về từ “hiện đại”. Hiện đại không có nghĩa là hoành tráng, lớn lao, nhưng theo tôi thì hiện đại có nghĩa đáp ứng được nhu cầu lớn của xã hội hiện tại về cả hai mặt kỹ thuật và nhân văn, cả về lượng cũng như phẩm (phẩm chất sống). Là bộ mặt để thế giới nhìn vào, phi trường Thượng Hải quả thật hoành tráng. Nhưng có lẽ ban thiết kế nghĩ nhiều về hình thức mà ít nghĩ đến con người. Và chúng ta sẽ nghĩ gì về một Sài Gòn, Hà Nội, Đà Nẵng đang mở rộng của chúng ta?

Một tính chất đáng lưu ý của các nước văn minh Tây phương là sự cố gắng dung hòa giữa mới và cũ, cấp tiến với bảo thủ, hiện đại với truyền thống. Ở Anh, hai khuynh hướng cấp tiến và bảo thủ đều rất mạnh đã xây dựng một nước Anh phát triển mạnh và vững chãi về cả kỹ thuật và văn hóa qua nhiều thế kỷ. Canada, một trong vài nước có kỹ thuật không gian hàng đầu thế giới, nhất là trong lãnh vực khai thác mặt trăng, còn giữ hình ảnh Nữ hoàng để kết nối với quá khứ và lịch



sử, giữ truyền thống trên con đường hướng về tương lai với nền kỹ thuật cao cấp đứng hàng nhất, nhì thế giới. Hai đảng lớn của Mỹ luôn luôn đối đầu nhau nhưng chấp nhận nhau và luôn luôn hợp tác để xây dựng đất nước. Và qua các cuộc bầu cử, chúng ta thấy đa số người Mỹ rất bén nhạy và sắc sảo với tình hình đất nước, và bản lĩnh trong quyết định. Những người này là những người biết dung hòa, không kỳ thị, không phân biệt, và nhất là biết mình đang cần gì. Đó cũng là lý do Phật giáo dễ xâm nhập vào đời sống của họ, nhiều người coi Phật giáo một triết lý sống. Và ngược lại, tôi cũng nghĩ rằng Phật giáo có thể giúp cho con người và xã hội biết mình đang cần gì và thực hiện điều đang cần đó một cách không nghiêng lệch.

Trở lại với An Phú Đông. Đường từ bến phà về ngôi chùa thân quen của tôi ở An Phú Đông cũng đã được tráng nhựa nhưng một cách không hoàn chỉnh. Hình như An Phú Đông chỉ có chừng đó nhu cầu. Với tôi, về đến An Phú Đông, mọi nhu cầu trở thành đơn giản. Đơn giản và trọn vẹn với buổi sáng, buổi trưa và buổi tối. Mọi sự dừng lại. Đời sống trở thành quán trọ. Nghĩ về gia đình và công việc như sự dính líu thoáng qua. Người bạn đời trở thành một người tình xa xôi. Cảm ơn người

bạn đời đã tạo những trợ duyên cho tôi có được những phút giây riêng tư an lạc trong cuộc sống bẽ bộn này.

Khung cảnh ở đây như hiện diện một cái gì vĩnh hằng, thanh tịnh qua sự đứng sững lặng yên của cây lá trong vườn, dù khi có gió thổi và chim kêu, qua một thứ ánh sáng nhìn thấy trong màn đêm. Đặc biệt trong vườn chùa trồng nhiều cau. Những cây cau này không phải được trồng để ăn trầu hay bán trái vì tôi thấy trái già rụng trong vườn. Có lẽ những cây cau này được trồng vì hình ảnh vươn thẳng lên không trung, và những ngày và đêm trời thanh, tàng của chúng in lên nền trời rất tuyệt. Nhất là ban đêm, nhìn những cây cối trong vườn như bóng như thật cho tôi sự liên tưởng đến câu thơ của Thiền sư Từ Đạo Hạnh thời Lý "Ai hay không có, có không là gì?"

Vị thầy trụ trì ngôi chùa này sau bữa ăn tối, khoảng bảy giờ, thì vào ngôi thiền khoảng một tiếng trước khi ngủ. Không người nói chuyện, khách ngồi nhìn và chìm vào khu vườn đêm yên bình. Nơi xưa kia là chiến trường chết chóc, giờ trở thành một nơi chốn thanh bình hơn nơi chốn nào khác. Đúng là đời sống vô thường và đạo Phật đã đem niềm thanh bình và sự sống vào vùng đất ảm đạm ngày xưa này. Có cảm giác như chư thiên, thiện thần cũng về ngụ nơi đây.

Rồi vào phòng đọc sách và ngủ sớm để ba giờ sáng được nghe tiếng chuông đều đặn và như có hơi ấm vang xa trong đêm khuya tĩnh mịch. Thầy trụ trì thường thức dậy lúc nửa đêm ngồi thiền trước khi lễ Phật và thỉnh chuông. Tiếng chuông đều đặn, từ hòa như chuyên chở tình thương và hơi ấm xuyên qua màn đêm đến tận những địa ngục u ám xa xôi...

Tại ngôi chùa ở An Phú Đông này, tôi cũng đã có duyên gặp gỡ những cư sĩ đồng điệu, một số người tôi mới chỉ gặp lần đầu tiên. Đồng điệu ở đây có nghĩa là đều ở trên cuộc hành trình tìm kiếm ý nghĩa đời sống để sống an lạc và phong phú hơn. Một số chúng tôi cũng là những người muốn trải lòng mình qua việc viết lách.

Vào một ngày cuối năm 2012, trong một dịp tình cờ mà tôi gặp được cùng một lúc nhiều người đồng điệu. Qua lời giới thiệu đơn sơ của thầy trụ trì, chúng tôi nhanh chóng hòa nhập vào một cuộc trò chuyện thân mật. Hóa ra trong số những người có mặt lại có cả những người có đóng góp bài vở cho tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, và tất cả đều là độc giả thường xuyên của tờ tạp chí này. Hôm đó chúng tôi nói nhiều chuyện. Chuyện sách vở, chuyện viết lách, chuyện trần gian, chuyện niết-bàn, chuyện cực lạc, chuyện trái mít, chuyện hành hương, chuyện dịch sách, chuyện từ Hán Việt, chuyện đạo, chuyện đời... trong không khí cởi mở, đạo tình và tự nhiên. Thấy câu chuyện sôi nổi, thầy trụ trì đề nghị chúng tôi ở lại dùng bữa trưa thanh đạm với nhà chùa. Thì ra, thầy đã kín đáo chuẩn bị một bữa ăn nhẹ nhàng nhưng đầy đủ. Chúng tôi ăn gói mít và nói về trái mít. Có lẽ trái mít đã từ Ấn Độ theo những chiếc tàu buôn đến Việt Nam cùng các

thương gia và tu sĩ, đi vào đời sống của người Việt trong những cuộc giao lưu kinh tế, văn hóa và tôn giáo. Hầu như ở vùng quê Việt Nam nhà nào cũng có trồng cây mít. Và cũng có thể ngoài mít còn có những thứ khác nữa, cũng theo con đường đó đi vào đời sống của người Việt; vật chất và tinh thần thường đi đôi hỗ trợ cho nhau. Tên Ấn Độ của mít là paramita, đến Việt Nam được nói gọn là “mít”. Một vị cư sĩ trong nhóm giải thích và phân tích cho chúng tôi từ paramita và ba-la-mật.

Trong không khí chan hòa vị đạo an lành và thoải mái, chúng tôi nói về cây, về lá, về ánh nắng trong vườn, về tiếng chim kêu... của An Phú Đông.

Nhớ lại lời Thầy ngày xưa: “Người thấy Tánh thì nhìn một chiếc lá rơi cũng thấy vui tràn bờ”. Thật ra đó chỉ là cách nói của Thầy với đám đệ tử ngu ngơ chúng tôi. Đối với chư Tổ cũng như với Thầy, lá rụng hay không rụng, hoa tươi hay hoa héo, được mùa hay mất mùa đều vui. Toàn thân Thầy lúc nào cũng rạng rỡ và hân hoan. Lúc ngồi một mình, lúc trên con đường từ chùa đến rẫy hay từ rẫy trở về, lúc kêu riêng từng đệ tử bước theo Thầy lững thững trong vườn, trên đồi chùa. Có người bạn nhận xét rằng mỗi người đến một tuổi nào đó đều hình thành một khuôn mẫu, một định hình cho mình, nhưng Thầy thì không. Và dưới bóng mát những tàng cây của ngôi chùa nhỏ ở An Phú Đông này, chúng tôi đã được sống trong một đạo Phật không hình thức.

Tôi có đọc một bài báo nói rằng đạo Phật Nhật Bản coi như bị mai một. Tôi thì nghĩ ngược lại. Dưới mắt tôi, đạo Phật của Nhật rất gần gũi với “chất Phật”. Không nói đến những sơn môn Tào Động và Lâm Tế hiện nay rất vắng bóng ở những nơi thị thành nhưng đã sản sinh những vị Thầy kỳ đặc cho đạo Phật phương Tây cho cả đến bây giờ, đạo Phật đại chúng của người Nhật ngày nay là Nhật Liên tông. Đạo Phật này không thờ hình tượng, chỉ tôn thờ kinh *Pháp Hoa* được cho là gói trọn giáo pháp của Đức Phật. Những Phật tử này thực hành và sống trên nền tảng Phật tánh của kinh *Pháp Hoa*, một Phật tánh không hình tướng nhưng chứa đủ mọi đức và hạnh của một con người toàn diện, một vị Bồ-tát. Và qua những thiên tai, nguy biến mà người Nhật trải qua, chúng ta thấy được tinh thần Đại thừa nguyên chất của họ.

Trong những lần trao đổi Phật pháp, vị thầy trụ trì thường nói với tôi là hãy đứng trong “nền tảng” để tu tập cũng như để sống. Người Phật tử Nhật Bản sống và thờ Phật trên nền tảng Phật tánh. Và “nền tảng” phải chăng là khi nghe tiếng chim bông khởi lên niềm vui, nhìn ánh nắng lung linh qua lá bông phát hiện một không gian rạng rỡ, và từ cái ngọn vô thường đó quay ngược tìm về với cái gốc thường còn. Và phải chăng lúc đó sẽ tràn đầy vô úy và niềm vui!

Nghĩ đến việc đem đạo đức và niềm vui Phật giáo vào đời sống, chúng tôi cũng có lúc đề cập đến báo *Văn Hóa Phật Giáo*. Chúng tôi đều có nhận xét rằng nội dung

tờ báo ngày càng phong phú và có thêm nhiều người cộng tác. Thế nhưng có một vị thông thạo tình hình của báo cho biết sức bán lại giảm đi. Có lẽ do tình hình kinh tế chung và cũng do bài vở trên mạng ngày càng nhiều. Con đường Việt Nam còn dài, con đường Phật giáo Việt Nam còn dài, nếu Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* chết giữa chừng trên con đường dài đó sẽ là một mất mát lớn lao. Có lẽ còn một con đường để *Văn Hóa Phật Giáo* hoàn thành sứ mạng của mình là những ai quan tâm đến văn hóa đạo Phật cũng như văn hóa và xã hội Việt Nam hãy cố gắng hỗ trợ, tinh thần cũng như vật chất.

Nói đến “niềm vui Phật giáo” tôi lại nghĩ đến cụm từ “niềm vui chuông mõ” mà một người bạn nêu ra trong một cuộc tọa đàm Phật pháp ở ngôi chùa tại An Phú Đông này. Tôi cũng đã có cơ hội được tham dự hai buổi tọa đàm Phật pháp hằng tháng ở đây. Những buổi tọa đàm này được bắt đầu sau một bữa trưa ngon và một khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn. Chúng tôi ngồi theo vòng tròn trên nền nhà khách, người hướng dẫn chương trình được thay phiên và đưa ra một vấn đề để mỗi người trình bày cái biết, cái thấy của mình về chủ đề đó. Thường chủ đề xoay quanh việc nhận ra và làm sáng tỏ hơn, vững chãi hơn cái “nền tảng” sống và tu tập. Nói chính xác hơn thì đó là những buổi tu tập, soi rọi bản thân, thay vì là những buổi thảo luận suông.

Tôi nhớ những cuộc tọa đàm này đã được thực hiện khoảng 30 năm về trước và được Thầy cho phép. Khi đó tôi còn ở trong nước. Mỗi lần họp, chúng tôi đưa ra một đề tài rồi đến kỳ họp sau mỗi người đọc lên hoặc nói ra kinh nghiệm sống, suy nghĩ và hiểu biết của mình. Những bài đó được gom lại thành những tập *Tin Phật*. Nghe nói những cuộc tọa đàm sau đó tập trung vào bộ *Kinh Lăng Nghiêm Tông Thông* do Sư ông dịch và các đệ tử đời thứ ba viết lại theo thể văn hiện đại.

Lật lại những tập *Tin Phật*, tôi thấy có những đề tài thú vị như: Bốn Tướng; Tổ Sư Thiên và Bồ Tát Hạnh; Tu Để Làm, Làm Để Tu; Tại Sao Tôi Tu Theo Đạo Phật; Phước Đức và Công Đức; Tin Nhân Quả; Sống Chân Thường; Đạo Phật có đóng góp thiết thực vào đời sống của chúng ta hay không?; Tu có chuyển nghiệp không?; Suy nghĩ về cuộc đời của chính mình và Bi Trí Dũng của Đạo Phật; Công phu là gì? Tại sao ta phải công phu?; Thọ trì là gì? Tại sao phải thọ trì? v.v.

Trên đây là một vài câu chuyện về An Phú Đông.

Và giờ đây, ngồi bên Đức Phật, lắng nghe hơi thở, lắng nghe sự lặng yên an tĩnh của đời sống, một sự mâu thuẫn nào đó dường như khởi lên trong tâm. Nguyện những người đọc bài này quên đi những điều đã đọc. Nguyện những người đến ngôi chùa nhỏ ở An Phú Đông tìm thấy được “nền tảng” cho cuộc hành trình trăm năm cũng như cuộc hành trình vĩnh cửu của mình. Rồi một ngày kia, có thể An Phú Đông sẽ không còn như An Phú Đông ngày nay, nhưng nguyện rằng ngày đó An Phú Đông đã ở trong tâm của mỗi người. ■

Lu nước trước nhà

Nét đẹp tình người ở Nam Bộ

TRẦN PHỒNG ĐIỀU

Ngày nay, khi đi về các miền quê Nam Bộ, người ta vẫn dễ dàng bắt gặp dưới mái hiên nhà của những người nông dân chân lấm tay bùn có một hoặc vài cái lu chứa nước. Đây là dấu ấn còn sót lại của thời khẩn hoang mở cõi. Nó thể hiện một nét đẹp trong tính cách người Nam Bộ về sự thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau.

Vùng đất được gọi là Nam Bộ ngày nay, cách đây hơn ba thế kỷ vẫn còn là một vùng đầm lầy hoang hóa, thú dữ hoành hành. Để mảnh đất này trở nên trù phú như ngày nay, cha ông ta đã phải đánh đổi bằng máu và nước mắt. Ngoài nỗi lo sợ về một vùng đất vẫn ở tình trạng thiên nhiên hoang dã với biết bao nguy hiểm rình rập, các bậc tiền nhân còn phải đối diện với thời tiết và khí hậu vô cùng khắc nghiệt. Trong đó, nước là một nỗi lo thường trực của các lưu dân thời khẩn hoang. Người ta có thể nhịn ăn chứ không thể nhịn uống, mà vào lúc bấy giờ để có nước ngọt uống không phải là chuyện đơn giản. Bởi đồng chua nước mặn, nước thì mênh mông nhưng không uống được. Cho nên, mùa mưa đến không chỉ là sự giải khát cho đồng ruộng, hoa màu mà còn giải khát cho con người nữa.

Thế là vào mùa mưa, người ta chuẩn bị thau chậu, lu, kiệu để chứa nước. Thông thường những trận mưa đầu người ta không trữ nước vì mưa lúc này thường rất dơ. Sau nhiều tháng nắng, mái nhà tích tụ rất nhiều bụi nên người ta để những trận mưa đầu mùa rửa sạch hết lớp bụi này. Vả lại, những cơn mưa đầu mùa thường không lớn, trữ lượng nước không nhiều. Phải đợi vào mùa mưa thật sự lượng nước mới sạch và nhiều. Ở nông thôn, người ta chuẩn bị sẵn cả dây lu hoặc kiệu chứa nước. Có những gia đình khá giả người ta xây hẳn một bồn chứa nước trong hoặc sau nhà, đợi mưa đến cứ việc hứng nước cho vào dự trữ. Tùy vào lượng nước mưa dự trữ mà gia đình sử dụng được lâu hay mau. Có những gia đình khá giả, có nhiều phương tiện chứa nước mưa nên có thể có nước mưa để dùng quanh năm. Nhưng cũng có những gia đình khác, phương tiện eo hẹp hơn, chỉ có thể trữ được nước mưa để dùng trong vài tháng là hết. Khi thiếu nước mưa dự trữ, người ta phải dùng nước sông, được lấy từ những dòng chảy phía trước hay sau nhà. Nước sông thường đục, phải lóng phèn cho cạn rồi xuống đáy lu để nước trở nên trong mới có thể dùng được. Thông thường, nước mưa được dùng để uống, còn nước sông sau khi lóng phèn được dùng trong việc nấu ăn hoặc những công dụng khác.

Nhưng dù gia đình khá giả hay nghèo khó, dưới hàng ba mỗi nhà đều có vài cái lu hoặc kiệu chứa nước mưa để đó. Trên lu hoặc kiệu nước này lúc nào cũng có sẵn một cái ca múc nước. Lu nước mưa này chỉ sử dụng để uống chứ không sử dụng cho mục đích nào khác nên rất sạch sẽ và đảm bảo vệ sinh. Ngoài việc sử dụng cho gia đình, hàng lu nước mưa này còn dùng cho khách lỡ đường và những người qua lại.

Dưới cái nắng cháy da, cổ họng khô rát được một ca nước mưa quả là lý tưởng. Cứ thế từ năm này qua tháng nọ lu nước mưa dưới mái hiên nhà phục vụ cho biết bao khách lỡ đường và biết bao người qua kẻ lại. Có khi là một vị khách phương xa đi tìm người quen, giữa đường khát nước tạt vào uống; có lúc là một cụ ông mài dao mài kéo đi ngang qua uống một ngụm; lại có người từ ruộng đồng đi ra đang khát nước cũng ghé vào uống... Có điều, những vị khách lỡ đường này khi ghé vào uống nước nếu gặp chủ nhà thì lịch sự xin một tiếng, còn nếu không thấy chủ nhà thì cũng cứ tự nhiên uống, không sao cả. Có khi gặp chủ nhà còn được chủ nhà mời nghỉ chân ở cái chõng tre phía trước, bảo là trời nắng gắt mà vội đi đâu, nghỉ chân một chút đợi trời mát hẳn đi. Nếu khách ghé uống nước nhằm lúc chủ nhà đang nấu đồ ăn trưa thì thế nào cũng được chủ nhà mời ăn một chén chè, hay một chén chuối hầm dừa...

Thế đó, chỉ là cái lu nước đơn sơ dưới mái hiên nhà mà nó chất chứa biết bao ký ức thời khẩn hoang, nó thể hiện một cách sâu sắc trong nét đẹp về tình người của người dân Nam Bộ - họ là những người lam lũ, vất vả đủ điều nhưng cái tình thì rất sâu đậm.

Ngày nay, ở các miền quê Nam Bộ, lu nước dạng này vẫn còn nhưng hầu như không vị khách lỡ đường nào vào uống, vì hiện nay quán xá mọc đầy. Những chiếc lu này như là những chứng nhân lịch sử, là nét đẹp tình người của vùng đất phương Nam trường tồn với thời gian. Những thùng trà đá miễn phí ở Sài Gòn vào những mùa khô nắng cháy hiển nhiên là một biến thể của dạng lu nước này và cũng là một minh chứng nữa về tính nhân văn của người dân Nam Bộ. ■



Bốn mùa hoa súng

HOÀNG XUÂN VINH

Giữa mùa đông, Huế vẫn còn cú mưa dầm và hiem hoi những ngày nắng đẹp. Nhưng càng về cuối năm, mưa càng thưa thớt, nhưng thay vào đó lại là mưa phùn gió bắc, rồi cả những ngày nắng vàng hanh hao ngắn ngủi, trong cái se lạnh của đông tàn... Buổi mai thức dậy trong cái rét ngọt ngào, tôi nhìn lên bầu trời đầy hơi sương, nhìn ra hồ Tịnh Tâm trước nhà từng lớp sương mù la đà trên mặt nước. Hồ Tịnh Tâm vào đông còn lại gì cho người hoài cổ? Không còn sen hồng, sen trắng nở kín mặt hồ vì sen đã úa tàn vào những ngày tháng Tám cuối hạ đầu thu, khi chớm gió heo may về gọi mùa mưa lũ đến. Không còn những bè rau muống giăng hàng vì mùa cũng đã sang, rau cũng trở nên già nua và lụi tàn theo dòng nước lũ từ muôn ngả đổ về hồ. Cũng không còn cả lũ bè dầm quên đi thân phận “bèo dạt mây trôi”, mà ào ào xô đẩy nhau khiến mặt hồ trở nên chật hẹp. Sang đông, lũ bè tự nhiên trở lại thân phận “bọt bè”. Mưa nhiều, nắng ít khiến lũ bè đáng thương kia tự dưng co rúm, trở nên bé nhỏ lại một cách vừa đáng thương vừa đáng yêu. Chúng chỉ còn khiêm tốn trôi dạt, nũng nịu nép vào những bụi lau lách cỏ dại ven hồ. Nổi bật trên mặt hồ phẳng lặng lấp lánh như gương là những cụm hoa súng tím, đỏ, hồng, trắng... khi xúm xít, khi tản mác như trang điểm mặt hồ.

Nhắc đến loài hoa vừa dân dã, vừa thanh cao này, tôi lại nhớ đến bài giảng văn của một thời lớp bảy ngày xưa. Ngày ấy, trong chương trình môn Văn chúng tôi được học bài *Hoa súng* của tác giả Đinh Gia Trinh. Nhờ cô giáo bắt học thuộc lòng cả bài văn nên bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi đoạn văn dài, hay và đẹp ấy, mà ở đây chỉ là một đoạn:

“Đọc đường đất quanh co, hai bên dầm rộng ngòi dài, cuối thu sen đã tàn chỉ còn những chiếc lá nhăn nheo như buồn một nỗi buồn ly biệt. Nước phẳng lặng, đông ruộng phẳng lặng, ngọn cỏ xanh xao. Trên suốt một dãy dầm sen chỉ có lá cây súng tròn như cái bánh đa nổi lên trên mặt nước,

duyên keo kết với nước... xô đẩy lên trên mặt nước một tâm hồn, phò cả bộ mặt với trời xanh như tận hưởng tình của trời đất”. Và tác giả đã nói rằng nếu người đời gọi hoa sen là “hoa quân tử” thì ông muốn gọi hoa súng là “hoa tiên tử”. Cái tên hoa Tiên Tử ám ảnh tôi từ đó!

Tôi trân trọng cất giữ bài văn vào tiềm thức, vào ký ức như một kỷ niệm thơ ấu của đời người. Cũng từ sau khi được học bài văn đẹp về hoa súng, con bé tôi mười ba tuổi bấy giờ bắt đầu nhận ra hoa súng giữa ngàn hoa của đất trời.

Khác với hoa sen ngắn ngủi kiếp phù dung, hoa súng mạnh mẽ sống, mạnh mẽ sinh sôi, mạnh mẽ nở hoa cho đời. Hoa lớn, hoa bé, hoa cao, hoa thấp, hoa nụ, hoa tàn suốt cả bốn mùa thu đông xuân hạ. Nếu được sống trên ao hồ hay trong bể cạn đầy nắng, một bông hoa súng có thể nở được vài ngày. Hoa nở từ tinh mơ rồi lại khép mi vào trưa, chiều, tối để sớm mai lại như tái sinh cho cuộc đời này. Nhưng nếu ta nhẫn tâm cắt hoa rời mặt nước để đem vào cắm trong bình thì hoa nhanh chóng ú rũ, héo tàn sau vài giờ gương cười trong nắng. Tôi thường mua hoa súng của những người bán rau ven hồ và tôi học ở họ cách để



giữ hoa tươi được lâu hơn. Đó là bí quyết dùng để hoa thiếu nước. Hãy dùng bình cổ cao bằng cả cọng hoa, đổ nước ngập vào tận miệng bình ngang với đài hoa, hoa sẽ không rũ. Buổi chiều tối, đem cả bình hoa ra phơi sương đêm, sáng mai hoa sẽ cố gắng nở lại như đang ở trong hồ. Bằng cách này, tôi chỉ giữ hoa nở được hai đến ba lần là đã mãn nguyện rồi. Tôi thật lòng không muốn những người bán rau hái cả hoa súng để bán vì thấy quá tội nghiệp cho hoa, nhưng không dám nói vì e ngại họ không hiểu lòng mình...

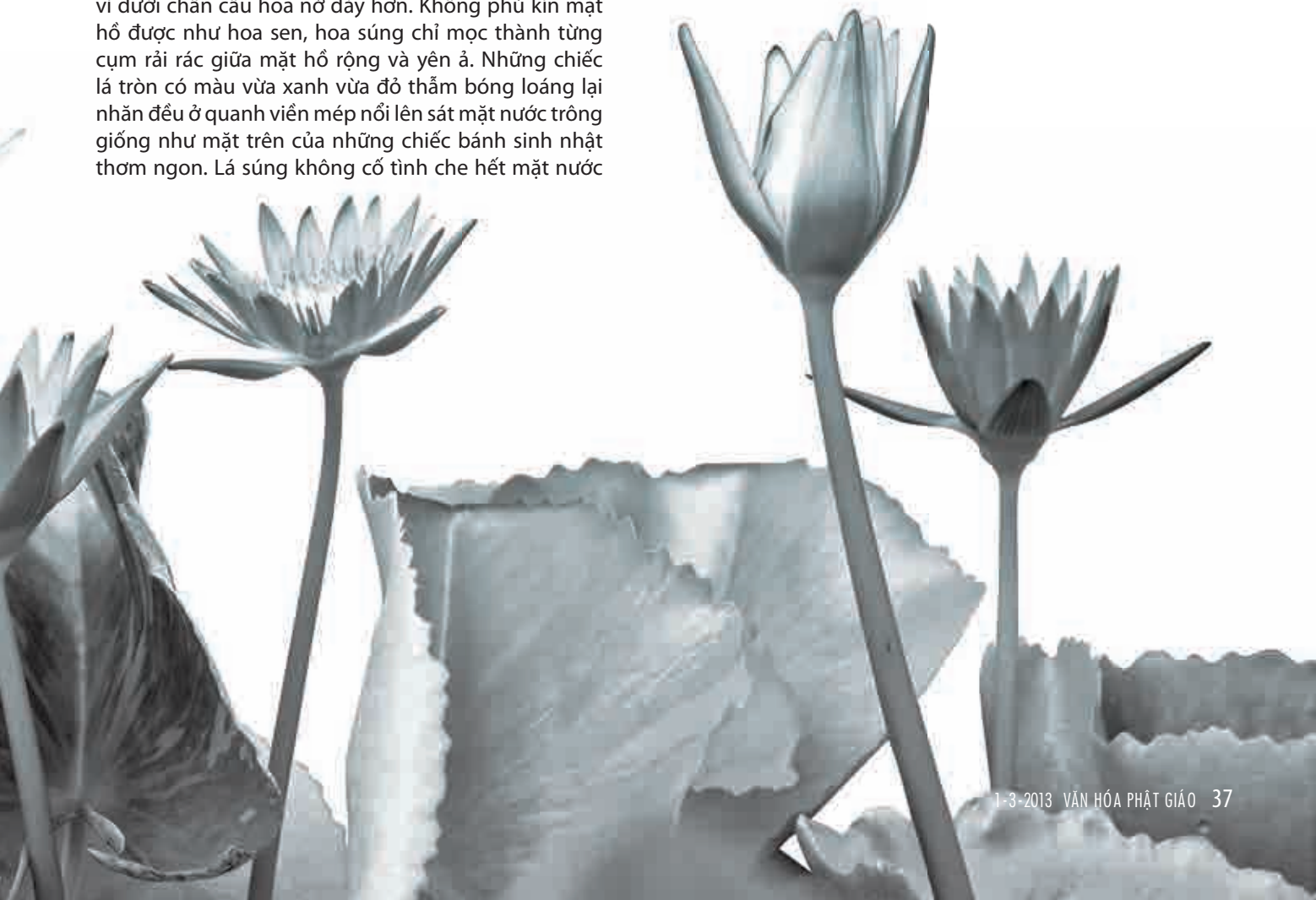
May mà người Huế quê tôi chỉ ngắt hoa chứ không đem hoa súng ra làm thức ăn. Tôi vào các tỉnh phía Nam được mời ăn món lẩu, món cháo thấy người ta cho cả hoa súng, cọng súng vào nồi, cứ thương thương... Thương cả người và thương cả hoa! Thương cha ông xưa vào Nam khai hoang mở mang bờ cõi, có gì ăn được mà không chết thì bỏ hết vào nồi. Thương hoa giữa chốn bùn lầy, biết thương người lam lũ nên nở hoa cho người ngắt, vào nồi cho người được bữa no.

Hồ Tịnh Tâm mùa hạ đẹp nhờ hoa sen, và suốt bốn mùa đẹp thêm nhờ hoa súng. Hoa súng đẹp nhất là những ngày cuối đông đầu xuân, những ngày nắng trong veo hay những ngày mưa buồn, những ngày mù sương. Nhưng trong mắt tôi, dù thời tiết thế nào hoa vẫn cứ đẹp và tràn đầy sức sống. Trên hồ Tịnh Tâm có một cây cầu nhỏ nhỏ dẫn từ đê Kim Oanh ra đảo Bồng Lai là nơi du khách thường dừng chân để thưởng hoa vì dưới chân cầu hoa nở dày hơn. Không phủ kín mặt hồ được như hoa sen, hoa súng chỉ mọc thành từng cụm rải rác giữa mặt hồ rộng và yên ả. Những chiếc lá tròn có màu vừa xanh vừa đỏ thẫm bóng loáng lại nhẵn đều ở quanh viền mép nổi lên sát mặt nước trông giống như mặt trên của những chiếc bánh sinh nhật thơm ngon. Lá súng không cố tình che hết mặt nước

để ta vẫn thấy được lòng hồ trong vắt. Dù chỉ thích ngày nắng, nhưng súng cũng không phụ lòng người khi đi qua những ngày mưa, vẫn nở hoa cả những ngày giông bão. Nếu sen tàn rồi mà không có súng nở thay sen thì mặt hồ sẽ hiu quạnh biết bao! Và lòng người sẽ trống vắng làm sao!

Tôi sống ven hồ Tịnh Tâm nên thiên vị hoa sen, hoa súng hồ Tịnh, có lẽ cũng là tâm lý người ta thường tình. Thật ra ở Huế, cũng như sen, súng cũng mọc khắp các hồ trong thành, cả dưới sông Ngự Hà chảy chậm chạp dưới lòng các cầu, cống dẫn vào các cổng thành và các hào sâu xung quanh Đại Nội. Mỗi khi đi ngang các cổng thành gần nhà như cửa Thượng Tứ, cửa Quảng Đức, cửa Đông Ba... nhìn thấy du khách người Tây, người Việt đứng lại ngắm nhìn và chụp ảnh hoa sen, hoa súng ven thành quách cổ xưa, lòng tôi vừa hạnh phúc, vừa bàng khuâng lạ. Hoa súng còn được trồng rất nhiều trong các nhà chùa, nhà vườn xứ Huế. Hoa được trồng trong các ao, hồ, bể cạn, thậm chí cả trong những cái chậu nhỏ bé giữa bạt ngàn cây cảnh xum xuê.

Thường hay mơ thấy mình lạc giữa đầm hoa sen hoa súng bạt ngàn, muốn ngắt hoa này, muốn hái hoa kia, rồi lại ngập ngừng không nở... thức dậy, tôi ngồi một mình dưới ánh đèn khuya viết những dòng chữ này để trả nợ tình hoa. Hình như ngoài kia, trong sương đêm một ngày đông tàn, xuân sớm, trên mặt hồ phẳng lặng, hoa súng đang khẽ trở mình... ■





Primum non nocere

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Lần đầu tiên đọc câu “Primum non nocere” và hiểu nghĩa của nó, tôi thấy mừng tượng mình thấm ý câu này từ lâu rồi. Lúc đó, tôi đã liên tưởng đến giới đầu tiên trong Ngũ giới của nhà Phật. Đó là giới “Không sát sinh” mà tôi biết từ thời học trung học đệ nhất cấp ở trường Bồ Đề. “Primum non nocere” là câu tiếng la-tinh, có nghĩa “Trước hết, đừng gây hại”. Đây là câu xuất hiện từ lâu trong lịch sử y học thế giới, được cho là của Hippocrates, ông tổ ngành y, sống vào những năm 460 trước Tây lịch. Người ta không tìm thấy câu nói này trong lời thề Hippocrates nhưng đọc kỹ lời thề, ta thấy nội dung toát lên ý mà câu nói nhắm đến. Đặc biệt, đoạn 4 trong lời thề có nội dung: “*Tôi sẽ làm theo khả năng và phán đoán của tôi áp dụng phương pháp điều trị mà tôi cho là có lợi cho người bệnh, tránh những gì có hại và nguy hiểm cho họ*”, được ghi nhận là cụ thể hóa một chuẩn mực y đức của lời thề Hippocrates, đó là “*Trước hết, đừng gây hại*”. Đừng gây hại ở đây là đừng gây tổn hại đến sức khỏe, thậm chí đừng gây hại đến mức cao nhất là làm mất đi mạng sống của người bệnh. Nghề y là nghề quá ư là đặc biệt vì chỉ cần sơ suất nhỏ là gây hại như đã kể. Và người hành nghề y là người thầy thuốc phải luôn luôn soi rọi lại bản thân. Có thể nói, tất cả mọi người trên trái đất này luôn kỳ vọng vào cái tâm và cái tầm của người thầy thuốc. Trong mọi thời đại, trong mọi đất nước, hình ảnh người thầy thuốc là người cứu độ luôn hiện diện trong trái tim nhân loại. Cuộc sống con người thường xuyên bị đe dọa bởi những sự rình rập của những ốm đau, bệnh tật, tai nạn làm cho con người cảm thấy cô đơn, mẫn yếu và luôn mong có người thầy thuốc làm điểm tựa khi gặp phải hoạn nạn. Chính vì thế mà người thầy thuốc phải soi rọi lại mình xem đã làm gì tốt và cả những gì chưa tốt. Để soi rọi lại mình, người thầy thuốc có thể dựa vào các câu phát biểu được xem là lời dạy của người xưa nói về y thuật, y đức. Trong đó có câu “*Primum non nocere*”. Để “*Trước hết, đừng gây hại*” người thầy thuốc phải làm gì? Xin có đôi điều bàn về khó khăn trăm bề mà người thầy thuốc gặp phải khi muốn thực hiện ý nguyện tưởng chừng đơn giản này.

Điều tối kỵ trong hành nghề y dược là để *tai biến y khoa* (medical harm) xảy ra. Người ta ghi nhận, để dẫn đến tai biến y khoa luôn có cái gọi là *nguy cơ* (risk) gây ra tai biến. Tùy vào điều kiện hoạt động của các thầy thuốc mà một nguy cơ có thể biến thành tai biến y khoa. Điều kiện ấy chính là “*sai sót y khoa*”.

Sai sót y khoa (medical errors) xảy ra khi người làm công tác y tế làm sai công việc được hoạch định như là một phần của quy trình chăm sóc sức khỏe bệnh nhân hoặc làm đúng nhưng công việc đó lại không phù hợp đưa đến tai biến y khoa mà nặng nhất là tử vong. Như ở ta, có bác sĩ đã chẩn đoán nhầm để bệnh nhân sản khoa tử vong do thuyên tắc ối. Hoặc một bác sĩ khác phẫu thuật không phù hợp đã cắt cả bàng quang khi mổ thoát vị bẹn cho một bệnh nhi. Ngoài sai sót trong chẩn đoán, sai lầm trong phẫu thuật, bỏ sót trong điều trị, sai sót phổ biến nhất là *sai sót dùng thuốc* (medication errors).

Sai sót dùng thuốc xảy ra khi có sự sai lầm trong quy trình sử dụng thuốc từ lúc bác sĩ ra y lệnh kê đơn, dược sĩ cấp phát thuốc cho đến điều dưỡng cho bệnh nhân dùng thuốc hoặc người bệnh tự sử dụng. Nguyên nhân dẫn đến sai sót dùng thuốc thường là do:

- *Bác sĩ ra y lệnh, kê toa đơn thuốc sai*: có sai sót do bác sĩ viết chữ không đọc được, tính liều sai, cho thời gian dùng, đường dùng, dạng uống sai...

- *Dược sĩ cấp phát thuốc sai*: do đọc, diễn giải, và tính toán sai từ đơn thuốc...

- *Điều dưỡng sao chép y lệnh, cho bệnh nhân dùng thuốc sai*: không thực hiện năm đúng khi cho người bệnh dùng thuốc (đúng bệnh nhân, đúng thuốc, đúng liều và hàm lượng, đúng đường dùng, đúng thời gian dùng).

Trong một khảo sát sai sót tại hai khoa Hồi sức ngoại và Hồi sức tích cực ở Bệnh viện Nhân Dân Gia Định TP.HCM mới được báo cáo, trên 2.200 liều thuốc đã được sử dụng đã có tỷ lệ sai sót ở khoa hồi sức ngoại hơn 72%, còn ở khoa hồi sức tích cực cũng gần 60%. Trong một nghiên cứu ở Mỹ, người ta nhận thấy sai sót dùng thuốc là loại sai sót y khoa xảy ra nhiều nhất, hằng năm làm tổn

hại sức khỏe cho khoảng 1.500.000 người Mỹ.

Câu *"Sai lầm là con người"* (To err is human) thường được giới y khoa nước ngoài trích dẫn khi đề cập đến sai sót y khoa. Câu này ý nói sai sót y khoa là khó tránh khỏi, điều quan trọng là ý thức đầy đủ về nó để xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe ngày càng an toàn hơn. Đặc biệt cần phải xem *"sai sót y khoa không chỉ là chuyện con người yếu kém hoạt động trong hệ thống hoàn chỉnh mà còn là những con người tốt đang làm việc trong hệ thống yếu kém cần được hoàn thiện hơn"*. Ở ta đang có tình trạng chạy theo phong trào thi đua nên người ta thường giấu nhẹm các sai sót y khoa, trong đó có sai sót dùng thuốc, hoặc có tình trạng lấy cá nhân người gây sai sót y khoa ra làm "chốt thí", đổ hết trách nhiệm lên người này để trấn an dư luận mà không xem xét các yếu tố liên quan và tìm ra nguyên nhân thật sự gây ra sai sót. Ở các nước tiên tiến, người ta thường công khai minh bạch xem xét sai sót y khoa với cái nhìn toàn cục và có tính hệ thống, thay vì xem xét dưới góc độ cá nhân. Chính như thế mới giúp kiểm soát và phòng tránh sai sót y khoa trong tương lai.

Để làm điều lợi tránh điều hại cho người bệnh, người thầy thuốc phải làm gì? Người thầy thuốc bắt buộc phải toàn tâm toàn ý trong công việc chuyên môn, tu dưỡng, rèn luyện liên tục kiến thức và kỹ năng của mình. Rõ ràng, những sai sót y khoa dẫn đến tai biến làm tổn hại sức khỏe, thậm chí tính mạng của người bệnh trong thời gian qua ở nước ta là do trình độ yếu kém về chuyên môn của người thầy thuốc. Phải cập nhật thông tin kiến thức y dược mới cũng như sẵn sàng chân thành trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và thông tin, hỗ trợ chuyên môn với các đồng nghiệp.

Đối với người bệnh, người thầy thuốc cần xem người bệnh cũng chính là *một thành viên tích cực trong đội ngũ chăm sóc sức khỏe*. Họ cần được người thầy thuốc thông tin đầy đủ, dễ hiểu về việc chăm sóc sức khỏe của họ. Người bệnh cần được đối xử như "một cá nhân được tôn trọng" và người thầy thuốc có nhiệm vụ làm hài lòng họ bằng tình cảm chân thành. Nếu người thầy thuốc có mối quan hệ tốt với bệnh nhân, cung cách khám chữa bệnh đúng mực, nói năng nhẹ nhàng, thân tình, giải thích rõ ràng cặn kẽ, sẽ giúp việc điều trị bằng thuốc hoặc bằng phương thức trị liệu nào đó đạt kết quả nhanh và tốt hơn. Người thầy thuốc luôn ghi nhớ *"Trước hết, không làm hại bằng lời nói của mình"* vì lời nói của người thầy thuốc với người bệnh cũng giống như thuốc là con dao hai lưỡi. Cách nói nào đó của người thầy thuốc giống như tác dụng điều trị của thuốc có thể làm cho người bệnh hài lòng và bệnh thuyên giảm đi rõ rệt. Nhưng

cách nói nào khác lại giống như tác dụng phụ có hại của thuốc làm cho người bệnh lo âu và bệnh nặng lên, làm khổ người bệnh và khổ cho cả người thầy thuốc vì vẫn phải chữa khỏi bệnh.

Đừng tưởng "Trước hết, không gây hại" là việc đơn giản, dễ dàng. Có một chuyện vui nên kể để thấy "Trước hết, không gây hại" không dễ. Một bác sĩ khuyên người bệnh: "Không nên ăn mặn vì ăn mặn làm tăng huyết áp là bệnh đã có sẵn và đang chữa trị". Bệnh nhân mừng rơn vì mình là người ăn chay từ trước đến nay, cứ tiếp tục thì khỏi lo huyết áp tăng bất thường. Thời gian sau, huyết áp người bệnh vẫn bất ổn. Bác sĩ hỏi về chế độ ăn thì bệnh nhân bảo bác sĩ đừng lo vì tui ăn chay mà! Khổ nỗi, bệnh nhân ăn chay nhưng vẫn thoải mái nêm rất nhiều muối và nước tương. Đáng lẽ bác sĩ nói như vậy thì hay biết mấy: "Không nên ăn mặn tức phải ăn thật ít mắm, thật ít muối (nếu ăn chay phải thật ít nước tương) vì ăn mặn như thế làm tăng huyết áp là bệnh đã có sẵn và đang chữa trị". Rõ ràng là bác sĩ rất muốn không gây hại cho bệnh nhân nhưng không khéo tư vấn để bệnh kéo dài là đúng gây hại rồi. Biết là việc khó nhưng người thầy thuốc vẫn luôn tâm niệm và làm theo "Trước hết, không gây hại" mà người xưa đã dạy.

Rất mong mọi người thấy cái khó trăm bề của người thầy thuốc mà thông cảm và chia sẻ khi có điều bất như ý xảy ra. Rất nhiều thầy thuốc vẫn luôn tâm niệm "Trước hết, đừng gây hại" đúng như tính chất Bất hại (Ahimsa) của Phật giáo đó thôi. ■





HỒ ANH TÚ

Sáng nay trên chuyến xe buýt đưa tôi đến trường, có một người hát rong len lỏi giữa những hàng ghế. Ông ấy có tật ở mắt, mang một cây đàn ghi-ta, tự đệm nhạc cho tiếng hát của mình. Ông ấy vừa đàn vừa hát vừa len lỏi giữa những hàng ghế và chìa ra một chiếc nón để xin những đồng tiền lẻ của khách đi đường.

Có lẽ với nhiều người thì ông ấy chỉ là một kẻ ăn xin, một gã ăn mày đang tìm miếng cơm từ lòng tốt của mọi người. Nhưng tôi nghĩ rằng ăn xin là ăn xin, mà người hát rong là người hát rong. Người hát rong không phải là người ăn xin; họ đâu có ngồi không mà lấy tiền, họ là những nghệ sĩ và họ đang lao động nghệ thuật để kiếm sống. Cũng giống như những người nghệ sĩ trên sân khấu thời, có chăng chỉ khác là họ kém may mắn hơn thôi; họ không có cơ hội tiếp cận trường âm nhạc này, lớp diễn xuất nọ; họ không được biết đến những công nghệ lằng xê kiểu này kiểu kia. Nhưng cái họ có là một tâm hồn nghệ sĩ, thực tế hơn là dám sống bằng nghệ thuật. Mà thật, cũng chẳng biết tại sao giọng hát của người hát rong trên chuyến xe buýt sáng nay lại gây cho tôi nhiều cảm xúc đến thế, một điều hiếm khi tôi cảm nhận được khi nghe nhạc. Ông ta làm tôi nhớ tới hình ảnh nhân vật Vitali trong truyện *Không gia đình* của Hector Malot mà tôi đã được đọc hồi còn học trung học cơ sở. Ông ấy hát đi hát lại bài *Mưa rừng*, một nhạc phẩm nổi tiếng trước đây của nhạc sĩ Huỳnh Anh, diễn tả nỗi cô đơn của một người có lẽ có duyên tình lận đận.

Hình ảnh của người hát rong sáng nay làm tôi suy

nghĩ lan man tới thân phận của những người có hoàn cảnh không may buộc phải ăn xin.

Hồi nhỏ, ăn xin trong mắt tôi đơn giản chỉ là những người quá nghèo khổ mà lại không có khả năng kiếm sống. Thật đơn giản, cứ ai gặp bước đường cùng là có thể đi ăn xin. Mà ăn xin trong ký ức của tôi cũng lạ, những người ăn xin không ngồi một chỗ ở chốn đông người, mà đi đến từng nhà để xin. Và hồi ấy ai cho cái gì người ta cũng lấy, thường là tiền, gạo, có khi là bát cơm. Thật đơn sơ! Thế là hễ có người ăn xin đến nhà, tôi lại lon ton chạy xuống bếp múc lưng chén gạo mang ra cho họ. Khi tôi lớn hơn một chút, tôi thấy hình như người ăn xin cũng thực dụng hơn; đến xin mà người ta cho gạo là họ chẳng thèm lấy đâu, cứ đòi tiền cơ. Nhưng ngày ấy tôi làm gì có tiền để mà cho; tôi cũng chỉ có thể lấy gạo của nhà đem ra với tinh thần chia sẻ với họ một chút khó khăn. Thế là dần dần, cái thói quen lon ton xuống bếp của tôi cũng bị mai một. Tôi chỉ có thể giúp đỡ người ăn xin nếu họ may mắn đến vào lúc tôi có sẵn ít tiền trong túi. Thế là số lần giúp người ăn xin theo đó cũng giảm sút.

Nói chung, hồi còn nhỏ, tôi thấy những người đến nhà tôi ăn xin thường là những người già yếu, hoặc có khi tàn tật, tóm lại phần lớn là những người không còn khả năng làm việc để kiếm sống. Nhưng khi đã lớn lên một chút, tôi lại thấy nhiều người đến nhà ăn xin trông rất khỏe mạnh, có chăng chỉ là bộ dạng rách rưới. Bỗng dưng tôi cảm thấy mình bị lừa hay sao ấy! Thế là từ đó tôi bắt đầu nhìn người mà giúp đỡ chứ không phải gặp người ăn xin nào cũng cho. Thế là số lần giúp người ăn xin lại tiếp tục suy giảm.

Sau này tiếp cận với thông tin báo đài nhiều hơn thì mới biết là có hẳn một nghề ăn xin chuyên nghiệp, có hẳn một làng ăn xin. Đã lên chuyên nghiệp thì cũng xuất hiện hàng loạt chiêu thức. Có lần nghe ông anh kể lại rằng trong những lần dự lễ hội ở đình chùa, anh ấy từng chứng kiến mỗi khi công an đi dẹp loạn ăn xin thì lại có nhiều người vừa thấy què đậy, nhưng ngay khi công an vừa xuất hiện đã chẳng biết ở đâu thò ra đôi chân lạch lạch chạy thoăn thoắt. Cũng có lần, chính mắt tôi trông thấy rõ một cảnh khiến tôi phải giật mình: một người phụ nữ đang ngồi phờn ăn trái cây, bên cạnh là một đứa bé lem luốc ngồi nhìn với vẻ mặt thèm thuồng. Nhưng người phụ nữ kia đã không cho ăn mà còn phán: "Cả ngày không đi xin được đồng nào về đây mà còn đòi ăn cái gì". Nghe mà bỗng thấy chột dạ, lòng cay cay. Kiểu này chắc chỉ có thể là kẻ chặn dắt ăn xin thôi. Thật dã man. Thế nên mỗi lần định làm phước cho người ăn xin lại có cảm giác như bị lợi dụng. Và cứ thế mà số lần làm phước cũng giảm theo. Cũng từ đó, hầu như rất hiếm khi tôi cho tiền người ăn xin. Bây giờ những người gây cho tôi thiện cảm để tôi sẵn sàng giúp đỡ là một bộ phận nghèo khổ khác. Họ cũng nghèo, cũng già, cũng tàn tật, tưởng như không có khả năng lao động nhưng họ lại không sử dụng cái chiêu thức là ngồi chìa tay, khóc lóc van xin người ta bố thí cho ít tiền lẻ; mà họ vẫn biết lao động. Công việc lao động của họ có thể rất nhỏ bé như bán vé số, bán mấy thứ đồ lặt vặt, hay như đi hát rong... Khi đó, tôi sẵn sàng cho hơn giá trị mà mình

nhận được từ họ chỉ vì họ vẫn biết cố gắng vươn lên. Hình như những cái gì của ngày xưa, cái gì của thửa ban sơ nó cũng giản dị nhưng đẹp và trong sáng! Chợt giật mình nghĩ lại, hình như số lần làm phước của mình càng ngày càng giảm. Không biết rằng đó là do những người ăn xin không còn đơn sơ như ăn xin của ngày xưa hay là chính con người mình đang mất đi cái sự vô tư ngày xưa, cái thửa cho đi mà không suy nghĩ. Cũng chẳng biết nữa... ■



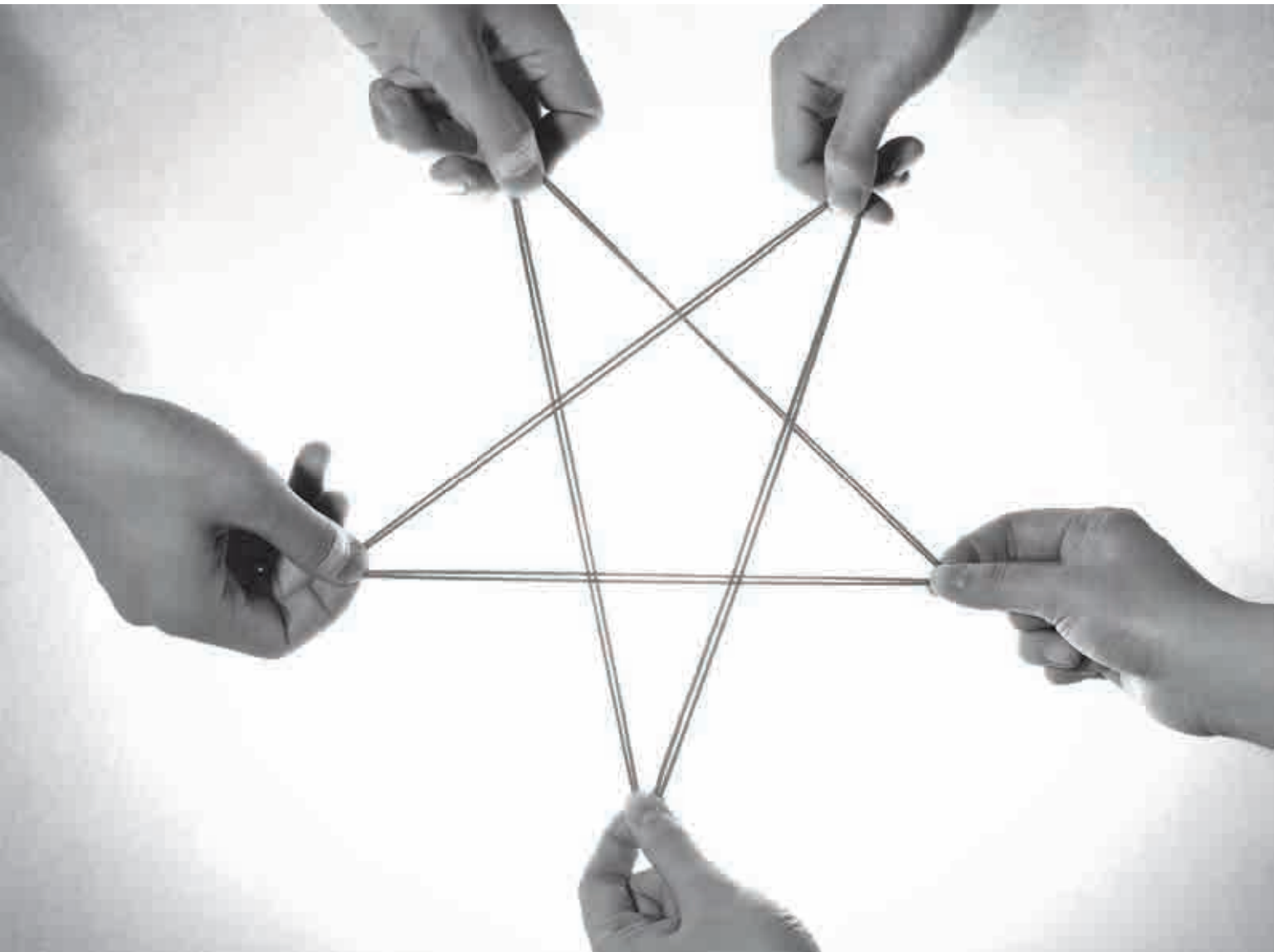
CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2013

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo An : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngoc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thành hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCF. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakin.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên,
 CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ

CT TNHH SXTM
Nền Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiên Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuan
 (namgiaio1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số bảo tặng kỳ này: 427 cuốn
 Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Ban Biên tập



Đời sống giản dị

VICKI COVINGTON
HỒ LIỄU dịch

Một hôm, người láng giềng JoAnne trao cho tôi một cuốn sách có nhan đề *Một nơi được gọi là giản dị* (*A Place Called Simplicity*).

Tôi giữ cuốn sách bên cạnh giường. Tôi không muốn đọc nó. Tôi không muốn bị nhắc nhở rằng có những người có thể tìm thấy một cách để sống giản dị.

Cuối cùng, vào một đêm tôi mở cuốn sách ra. Tác giả đã hỏi "Những kí ức của bạn về sự giản dị là gì?"

Tôi không thể nhớ điều gì cả.

Vài ngày sau, tôi nói với JoAnne rằng tôi cần một bộ bàn ăn mới. Chị hỏi tại sao. Tôi trả lời rằng "vì những cái ghế được bọc vải đã bẩn cả rồi, và chẳng cách nào làm chúng sạch được." Chị nói, "Sao em không thử bọc lại những chiếc ghế nhỉ?"

Tôi nói với chị rằng tôi không biết cách. Chị gợi ý là tôi nên tới hàng vải Hancock ở đại lộ số Ba phía Nam và mua ít vải nhựa.

Hàng vải Hancock! Tôi không hề quay lại đó hơn hai

mười lăm năm nay, nhưng chắc chắn tôi biết nó ở đâu. Mẹ tôi và tôi thực sự đã sống ở cửa hàng vải này khi tôi đang trong tuổi trưởng thành. Tất cả quần áo của tôi là do mẹ tôi may.

Tôi lái xe tới.

Tôi ngoặt xe vào bãi đậu nằm trong một cái ổ kén của sự hoài niệm rồi đi vào trong. Chỗ này có một cái mùi khiến tôi liên tưởng tới xà bông giặt tẩy và những miếng giẻ lau bụi. Đi ngang qua quầy trưng bày những chiếc khóa kéo, tôi nhớ đến những ngón tay của mẹ mình khi bà đặt chúng lên mặt vải của chiếc áo đang may, khéo léo tránh né cây kim máy may. Tôi mân mê những ống chỉ, những điểm trang trí, viền ren, và khuy nút.

Khi lướt qua chiếc kệ đặt những tập danh mục quảng cáo, tôi chết sững giữa lối đi, nhớ lại câu hỏi mà cuốn sách đã nêu ra. *Những kí ức của bạn về sự giản dị là gì?*

Simplicity¹ (Giản dị)! Tôi đột nhiên hồi tưởng; đó là tên của những kiểu thức mà mẹ tôi quen dùng khi bà may quần áo cho tôi. Nó là *cái* thương hiệu khắc sâu trong tâm trí mẹ tôi. Chúng tôi sử dụng những mẫu thức của Simplicity theo cùng cái cách mà chúng tôi tin tưởng vào nước sốt Kraft², kem Barbers³ và bột yến mạch Jim Dandy⁴.

Rõ ràng là mẹ tôi không thích những kiểu mẫu của McCall's⁵ và Butterick⁵. Mẫu của Simplicity thì giản dị hơn. Những chỉ dẫn được trình bày sáng sủa hơn. Và vì đã được mẹ tôi chọn, tôi cho rằng đó là mẫu thích hợp – trong cái kiểu mà chúng tôi khi đang trưởng thành luôn nghĩ rằng những gì mà gia đình mình ưa thích thì đều là những thứ thích hợp.

Tôi đứng đó trong cửa hàng vải, cảm thấy được khuấy khỏa vì đã tìm thấy được trong ký ức của mình nhãn hiệu Simplicity, như thể đó là một thứ hữu hình chẳng khác một mẫu quần áo vậy. Tôi đi tiếp về phía quầy trưng bày vật liệu bọc nệm, lướt những ngón tay trên mặt vải trơn, có sọc và có hoa văn mà tôi biết hẳn là mẹ tôi sẽ thích. Tôi nghe có tiếng mẹ tôi đang nói, “mình đừng mơ tưởng tới những thứ có quá nhiều chi tiết”, khi bà bác bỏ những thiết kế cầu kì.

Tôi không thích bất cứ loại vải nhựa nào mà tôi nhìn thấy vào buổi chiều hôm ấy. Như mẹ tôi thường nói, chúng có quá nhiều chi tiết. Cuối cùng, tôi cũng mua hai thước vải nhựa trơn màu xanh trời.

Tối hôm ấy, chúng tôi đã mời mấy người láng giềng dùng một bữa ăn nhẹ. Dennis, ông xã tôi, hăng tiết lên đã sơn lại những đồ gỗ trong bếp. Chúng tôi đã có một sàn nhà mới. Chúng tôi đang chải chuốt lại nhà bếp. Tôi vẫn mơ tưởng việc bọc lại đám ghế lem nhem trước khi láng giềng đến.

Bữa tiệc dự định bắt đầu lúc 6 giờ 30. Vào lúc 6 giờ 15, tôi từ bỏ hy vọng bọc lại ghế. Thật quá vô lý khi nghĩ rằng tôi có thể hoàn thành việc này. Tôi còn chưa biết cách làm như thế nào.

Mãi đến khi Rusty và Al – những người láng giềng – gõ cửa, có mang theo một cái máy nén bắn đinh ghim. Tôi chẳng ngờ là họ còn biết cả việc tôi muốn bọc lại mấy chiếc ghế nữa kia. Họ mau mắn cắt tấm vải nhựa, và đúng 6 giờ 30, cả bốn chiếc ghế đã được bọc lại, trông như mới. JoAnne nói đúng. Tôi chẳng việc gì phải cần tới một bộ bàn ăn mới. Tôi chỉ cần bọc lại những chiếc ghế. Tôi chỉ phải tiêu tốn chín đô, chứ không phải là cả bốn trăm đô.

Có lần Dennis đã viết một câu đại ý là đạt tới cái thời điểm giữa lúc đang tìm kiếm một cái gì mà mình lại quên phứt cái mà mình đã đánh mất.

Khi tôi đứng trong căn bếp thoảng mùi sơn mới vào ngày chủ nhật trước Ngày Tưởng niệm Chiến sĩ trận vong⁶, xắt dầu để làm bánh cám giòn, như ngoại và bà cô thường làm, với những người láng giềng gần gũi đang bọc lại những chiếc ghế và những đứa trẻ bên phòng khách nhảy nhót theo điệu nhạc của bài hát “*Time after time*”⁷ it nhất tôi cũng đã nhớ ra điều mình đã từng đánh mất.

Đó không phải là thời gian hay tuổi trẻ hay sự trong trắng. Đó là đời sống giản dị.

Và một khi tôi cảm thấy tác động trọn vẹn của sự hỗn độn mà tôi tự áp đặt lên mình, một khi tôi đối mặt với thủ phạm của sự leo thang xã hội, tôi cảm thấy một hạt giống hi vọng – rằng tôi có thể có khả năng để quản lý đời mình.

Điều tôi cần trong đời sống là ít hơn, chứ không phải nhiều hơn. Vì điều trái ngược của sự giản dị không phải là sự phức tạp. Mà đó là lối sống thiên trọng vật chất. ■

Chú thích:

1. Simplicity Pattern Company là một hãng sản xuất thời trang và sản phẩm may mặc nổi tiếng về sự sáng tạo những kiểu mẫu giản dị, thành lập năm 1927, có trụ sở chính ở New York, Hoa Kỳ.

2. Kraft Mayo là nhãn hiệu của một loại nước sốt sản xuất ở Hoa Kỳ bởi Kraft Foods, một tập đoàn chuyên sản xuất và buôn bán tạp phẩm có lịch sử lâu đời.

3. Barbers là tên một hãng sản xuất sữa và các chế phẩm từ sữa ở Alabama, Hoa Kỳ.

4. Jim Dandy Grits là nhãn hiệu của một loại bột yến mạch thô đóng gói, sản xuất bởi J.M. Smucker Company, một công ty thực phẩm có trụ sở ở Ohio, Hoa Kỳ.

5. McCalls là một công ty thiết kế thời trang có những thương hiệu thời trang như Mc Calls, Butterick, Vogue, nổi tiếng thế giới về mẫu mã cách tân.

6. Ở Hoa Kỳ, người ta thường tổ chức lễ kỷ niệm Chiến sĩ trận vong vào ngày thứ Hai cuối cùng của tháng Năm.

7. Tên một bài hát của ca sĩ kiêm nhạc sĩ Cyndi Lauper sáng tác, được giải thưởng Grammy 1985, tạm dịch “*Lần này lần nữa*”.

Trích trong “*Women in a Man's World, Crying*” Vicky Covington, University of Alabama Press; 2002.

Nguồn: <http://libgen.info/view.php?id=495650>

Thử nghĩ mấy điều cần thiết về văn hóa đọc

MANG VIÊN LONG

Một tác phẩm văn học, dù là thơ hay văn, sau khi đã được giới thiệu là đã “giao trọn quyền” cho người đọc! Ai muốn khen hay chê hoặc thích hay không thích thì cũng chỉ tùy thuộc vào cảm quan của mỗi người mà thôi, không ai có quyền “chen vào” việc rất riêng tư này của họ cả. Ở đây chỉ xin nói đến những bạn đọc bình thường và những nhà thơ nhà văn ưa đọc sách, chứ không nói đến quý nhà nghiên cứu phê bình chính thống. Tuy vậy, trong phạm vi của bài ghi nhận ngắn này, tôi muốn “thử nghĩ về mấy điều

cần thiết” để cho việc đọc và việc cảm nhận tác phẩm văn học được trong sáng, thấu đáo và chính xác, như một sự chia sẻ trong sinh hoạt văn học...

Sau rất nhiều phen được “chứng kiến” và nghe kể lại về sự “bất đồng ý kiến” giữa những người đọc với nhau hoặc có khi là giữa người đọc với tác giả làm mất hòa khí cần thiết cho một sự “*thường ngoạn văn học*” đúng nghĩa, nhiều lúc còn xảy ra sự “*thù oán*” và “*trả đũa*” lẫn nhau, tôi đã suy nghĩ về “*mấy điều cần thiết*” này khá lâu, nhưng chỉ để cho riêng mình biết và gìn giữ mà thôi.

Gần đây, trong một buổi “*trà dư tửu hậu*” với vài người bạn văn, qua những trao đổi chân tình, tôi nhận thấy cũng nên chính thức góp ý về vấn đề nhỏ này, với hy vọng sẽ góp phần tạo được một chút gì ấm áp, trong lành cho sinh hoạt văn hóa đọc cả ngày nay và mai sau...

Vài điều cần thiết ấy là:

1 không Nên Có Định Kiến: Định kiến là ý kiến, suy nghĩ đã có sẵn trong đầu từ lúc nào rồi – nó thật mơ hồ, khiếm khuyết và rất chủ quan! Chưa hề mở trang sách ra đọc hoặc mới chỉ đọc lướt qua, đã vội nói ngay ra cái định kiến cũ mèm và đầy chủ quan về một tác phẩm nào đó rồi! Tất nhiên đó là những định kiến thiếu vô tư và không chính xác. Cái định kiến nguy hại ấy, kéo theo sự cố chấp và bảo thủ của người có định kiến, sẽ khiến người có định kiến không muốn bất kỳ ai góp ý với mình, nhất là khi những điều góp ý lại không đồng tình với họ, không ủng hộ họ. Cái “*tật*” này tuy nhỏ, nhưng sẽ làm hỏng nhiều việc lớn!

Tiểu thuyết, phần nhiều những định kiến lại chỉ bám rễ vào những việc nằm ngoài tác phẩm và ngoài phạm vi văn học như bè nhóm, nghề nghiệp, sinh hoạt tình cảm riêng tư, vấn đề vật chất... do những lời thị phi đầy ác ý, do sự đổ kỵ cá nhân, hay dựa vào những nhận định riêng tư nông cạn không có cơ sở luận chứng, không thật, của chính mình mang lại. Tôi đã có lần tình cờ đọc được một “*tờ rơi*” có lời rằng: “... Ông ấy làm nghề sửa ổ khóa làm chìa đã gần 30 năm nay ai cũng biết, mà cũng gọi là nhà văn, cũng được mời làm biên tập, được... thật buồn cười!”. Và, cũng nghe một người bạn mới tập tễnh viết văn làm thơ, nhưng lại muốn làm “*xếp sòng*”, lên tiếng “*phản*” về một tác giả khác như sau: “... làm nghề



dạy học mà sao lại viết về những người đàn bà hư hỏng, về cái xấu ác quá vậy... thật không có tư cách, đạo đức gì hết trơn...!/. Thực ra, định kiến không giúp được gì cho ý định tìm hiểu văn chương văn học của bất kỳ ai; vì không ai có thể giải thích cho một người có định kiến về việc giá trị của một tác phẩm văn học không phụ thuộc vào hoàn cảnh hay cách mưu sinh của tác giả; cũng như không phải cứ viết về cái hư hỏng, cái xấu ác là thiếu tư cách đạo đức, vì còn phải tìm hiểu xem tác giả nói với dụng ý gì.

2 không Nên Có Tâm Kiêu Mạn: Sự tự cao - tự cho mình là giỏi hơn thiên hạ - luôn nghĩ những gì mình nói mình làm đều đúng, đều là chân lý chẳng hạn, là rất nguy hại! Người nghệ sĩ thường bị xã hội gán cho thuộc tính “*cái rốn của vũ trụ*” hay “*nhìn đời bằng nửa con mắt*” cũng chẳng phải là không có lý do, mặc dù điều đó chỉ phù hợp với một thiểu số rất nhỏ! Người có tâm kiêu mạn trước hết là làm thiệt hại cho bản thân mình! Với người có tâm kiêu mạn thì sẽ chẳng có sự tiến bộ, và thường là cũng chẳng có khả năng sáng tạo nào ra trò! Không có lợi cho chính bản thân mình đã đành, nhưng người có tâm kiêu mạn sẽ còn quấy nhiễu người khác bởi sự thô thiển và kiêu ngạo của mình!

Tôi được nghe kể, một nhà văn trẻ (nhưng cũng đã trên 50) khi được bạn bè hỏi “*Trong giới viết văn ở Việt Nam, ông thích tác giả nào nhất?*” đã trả lời rằng không có ai cả. Với câu hỏi “*Còn những nhà văn nước ngoài thì sao?*” người ấy cười cười: “*Chỉ đọc được vài người thôi!*”. Và, người kể lại cũng cho biết thêm, chưa hề nghe nhà văn ấy mở miệng khen ai nếu không ở vào vùng ảnh hưởng của ông ta! Lại được nghe chính nhà thơ nọ tự hào khoe rằng mỗi ngày đã “*sáng tác*” được từ năm đến mười bài thơ và hiện có trên ngàn bài thơ được đăng rải rác trên các trang blogs, web, và các báo chuyên ngành có trang Văn nghệ nên thu nhập khá cao! Nhà thơ nói: “*Tôi gửi thơ đi khắp nơi có thể như người ta sẽ lóa vậy!*”. Thật đáng nể!

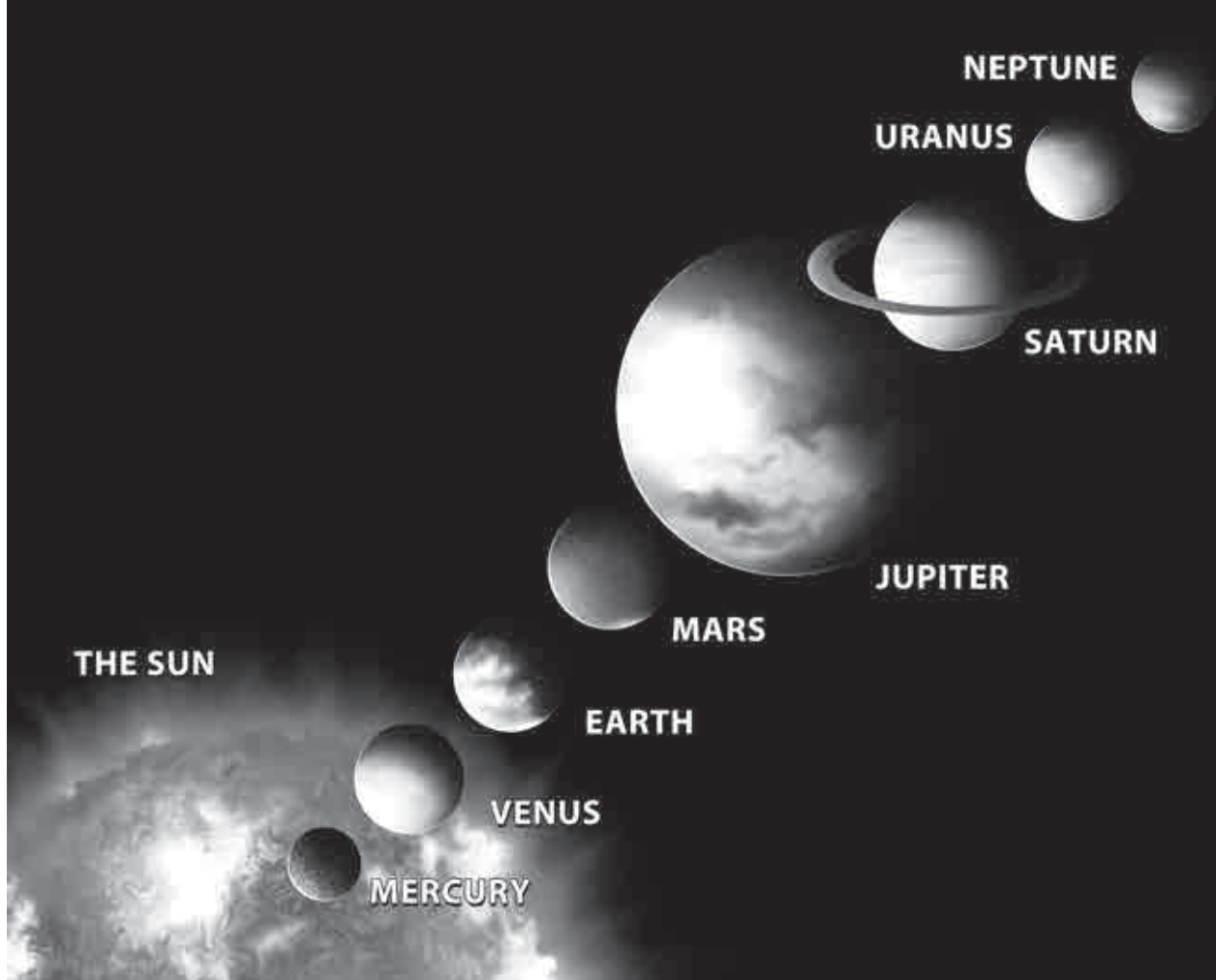
3 Phải Có Trí Tuệ và Trái Tim Đam Mê: Sự hiểu biết tường tận về điều mình đọc hay viết luôn là kim chỉ nam cho những cảm nhận giá trị sau này về một tác phẩm nào đó. Trí tuệ, gồm cả kiến thức và những kinh nghiệm, không phải là điều kiện duy nhất, nhưng sẽ giúp người đọc nhận ra một cách vô tư và đúng đắn về chân giá trị của một tác phẩm, và cũng là cho chính tác phẩm của mình nếu có. Nên tỉnh giác với mở kiến thức tự mình tôn vinh cho mình để thật sự có một trí tuệ sáng suốt dựa trên những điều được số đông nhìn nhận và đã thể hiện là có giá trị nhân văn lâu dài. Nếu chưa đủ điều kiện để tiếp thu tác phẩm một cách rất ráo toản vẹn, thì cũng nên dừng vội “*phán xét*”, mà tốt hơn là nên yên lặng đọc và học...



Chúng ta chưa đủ tài năng để “*làm việc lớn*” thì hãy nên “*làm việc nhỏ*” (mà có thể mang lại lợi lạc cho số đông!). Trình độ một học sinh tiểu học chưa thể “*phán xét*” thơ Bùi Giáng hay Thanh Tâm Tuyền một cách chuẩn mực được. Cũng như học chưa qua cấp hai mà đọc “*Buông Xả Và Thanh Thân*” của Martin Heidegger (Hoài Khanh dịch) thì làm sao hiểu hết những cuộc “*đối thoại triết học*” của ba vị khoa học gia, học giả và giáo sư? Nói một cách bình thường, nôm na là “*trình độ nào, nhận xét ấy*” cho nên việc không để cho lòng đố kỵ, thái độ cố chấp, phe nhóm tinh thần hẹp hòi chen vào các sinh hoạt văn học là rất cần thiết! Có như vậy mới hy vọng có một sinh hoạt văn học đúng nghĩa và mang lại lợi ích cho nhiều người! Ngoài tri thức căn bản cần thiết, không chỉ người viết mà ngay cả người đọc cũng cần có Trái Tim yêu thương đời sống, đam mê với văn học nữa! Hình như đây là chất... gien bẩm sinh mà người ta gọi là “*thiên phú*”?

4 Hãy Nuôi Dưỡng Tâm Tùy Hỷ: Điều sau cùng tôi nghĩ đến là “*Tâm Tùy Hỷ*” của người đọc (cũng như của người viết). Tâm tùy hỷ vốn là cái Tâm vô cùng cần thiết trong đời sống thường nhật; nó giúp con người sẵn sàng chia sẻ niềm vui với người khác và chia sẻ với niềm vui của người khác. Chính trong sự chia sẻ đó mà niềm vui chung của nhau được nhân lên rất nhiều. Cái tâm ấy xét ra cũng rất cần trong sinh hoạt văn học nghệ thuật. Do vậy rất cần nên “*lắng nghe, cảm thông và chia sẻ*” khi đọc. Cần chia vui và chúc mừng khi đọc được một bài thơ hay, một đoạn văn có tính nhân văn cao quý, có sự chia sẻ chân tình qua tác phẩm của người viết! Ta chưa đủ điều kiện để viết (hay để sống, và làm) được như họ thì cũng nên xem sự “*thành công*” của họ như của chính chúng ta vậy! Sự “*tùy hỷ*” này chắc chắn sẽ mang lại nhiều lợi ích cho chúng ta và cho mọi người!

Vài điều chân thật xin được giải bày – rất mong được chia sẻ! ■



Từ bói toán đến dự đoán

Từ ngàn xưa, con người ở thời nào cũng vậy, dường như luôn có nhu cầu muốn biết trước về tương lai, số phận của mình. Môn chiêm tinh học (astrologie) thông dụng ở phương Tây và môn bói phe ở phương Đông vì vậy lúc nào cũng thu hút được đông đảo mọi người, kể cả thành phần trí thức. Nếu cực đoan thì người ta sẽ vội cho rằng việc bói toán dù thực hiện dưới hình thức nào cũng chỉ là chuyện vu vơ của những kẻ yếu bóng vía đầy tính chất mê muội, mê tín dị đoan mà không có căn cứ khoa học chính xác, không khéo chỉ dẫn con người ta đi sâu vào con đường lầm lạc nguy hiểm. Song nghĩ kỹ, các môn bói toán nếu hoàn toàn không có một giá trị nào cả thì chắc chắn chúng đã bị mai một và thất truyền từ lâu, giống như trường hợp một tác phẩm nào đó viết quá dở và không phục vụ gì được cho ai thì chắc chắn sẽ không bao giờ được tái bản dù chỉ một lần. Xem xét vấn đề này một cách cởi mở hơn hẳn chúng ta sẽ có thể thừa nhận các môn bói toán cũng tương tự một loại khoa học xã hội thời cổ, tức là cách con người dùng để giải quyết những vấn đề của mình trong điều kiện các khoa học tự nhiên phát triển còn nhiều hạn chế.

Ở phương Đông, *kinh Dịch* của Trung Hoa có từ hơn

2.500 năm về trước ban đầu chỉ là một quyển sách bói, đến cuối thời Chu mới trở thành một sách triết lý tổng hợp chứa đựng những tư tưởng về vũ trụ quan, nhân sinh quan rất thâm trầm của dân tộc Trung Hoa. Dần dần, *kinh Dịch* được truyền rộng ra khắp thế giới, được cả phương Đông lẫn phương Tây công nhận giá trị và đào sâu nghiên cứu, như từ thế kỷ 17 đã được nhà triết học kiêm toán học Đức Leibnitz (1646-1716) biết tới, đem so sánh những vạch âm dương trong 64 quẻ của *kinh Dịch* với phép nhị phân thể hiện bằng hai con số 1 và 0 của ông; một triết gia khác cũng là nhà tâm phân học Carl Jung (gốc Thụy Sĩ, sinh 1875, học trò của S. Freud) đã từng áp dụng *kinh Dịch* để phân tích tiềm thức con người, coi đó là một phương pháp của phân tâm học.

Ngày nay, hầu như không còn mấy người coi *kinh Dịch* và sự áp dụng *kinh Dịch* vào đời sống thực tế là điều mê tín dị đoan nữa. Nó đã trở thành vừa là một ngành học lớn vừa là một truyền thống sinh hoạt mà người ta gọi là Dịch học và Dịch lý, vì từ lâu, người ta thấy rất rõ người Trung Hoa chỉ nhờ có nguyên lý Âm Dương chứa đựng trong quyển sách đó mà đã phát hiện được biết bao điều bí ẩn về vũ trụ và con người, nhờ đó mà biết cách trị bệnh hiệu quả, biết được sự



TRẦN VĂN CHÁNH

khoa học cho tương lai

vận hành của các thiên thể, đoán đúng được ngày nhật thực, nguyệt thực... trong khi gần như họ không có một dụng cụ y khoa hay thiên văn nào đáng kể; quả là một kiểu "bất hành nhi chí", không đi mà coi như đã tới được tận nơi, điều mà đối với một đầu óc phân tích khoa học theo kiểu phương Tây có vẻ khó hiểu.

Nếu coi các ngành bói toán như một khoa học cổ điển, thì tất nhiên cũng phải thừa nhận luôn những mặt hạn chế của nó, với hàm ý rằng rốt cuộc dù cho nhờ nó mà người ta đoán đúng được tương lai, biết trước số phận, thì người ta cũng không thể nhờ nó mà cải tạo được số phận theo ý mình, khiến cho người nghèo có thể trở thành giàu có, tránh được những tai nạn rủi ro, bệnh tật và cái chết... Điều này đã thật quá rõ, vì dù tin hay không vào các khoa bói toán, đời sống của con người từ muôn thuở vẫn không vượt khỏi vòng cương tỏa của những quy luật vận hành phổ quát của vũ trụ nhân sinh khắc nghiệt, nghĩa là con người vẫn phải tiếp tục đối đầu mãi mãi với những khó khăn, bệnh tật, sự may rủi không kiểm soát được, cùng với những giới hạn tất yếu khác của mình. Như vậy không phải do các khoa bói toán đều dở và trật, vì nếu hiểu nó như một loại khoa học cổ điển, thì nó cũng phải trúng trật tùy người áp dụng; những giới hạn của nó trong khả

năng giải quyết những vấn đề của con người cũng gần giống như những giới hạn của các ngành khoa học xã hội. Bởi vì thật ra các ngành khoa học hiện đại cũng không thể giải quyết được một cách rất ráo mọi vấn đề rắc rối của con người cho dù đã đạt được những thành tích rất đáng kể về độ chính xác. Không còn giữ tính cách bí truyền, nhờ tính phổ biến của nền giáo dục thế giới mà nhân loại ngày nay được tiếp thu tất cả các khoa học hiện đại, như khoa kinh tế học chẳng hạn, nhưng khi đem ra áp dụng thì có nước tiến nhanh lên được, có nước cứ lậm lụi mãi trong vòng chậm tiến; công ty nào cũng cố tìm cho mình những nhà quản lý và những giám đốc tiếp thị thật giỏi được trang bị kiến thức khoa học đầy đủ, thế mà vẫn có công ty thành công, công ty phá sản... Sở dĩ như thế là vì trong việc áp dụng các khoa học, con người còn bị ảnh hưởng bởi những yếu tố khách quan khác như về hoàn cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa xã hội xung quanh, và có thể còn biết bao yếu tố ẩn giấu khác vượt ngoài tầm kiểm soát của mình nữa, chẳng hạn như thiên tai hoặc một tác động từ xa xói mòn đậm ảnh hưởng đến những công việc mình đang dự tính.

Nếu giá trị của ngành y khoa mà vô giới hạn thì chắc những người có bệnh nan y cũng không sợ chết

khi họ có đủ điều kiện để chữa trị. Cũng vậy, nếu các khoa bói toán như bốc phệ, tử vi, tướng học, coi chỉ tay, xem phong thủy, đoán điểm giải mộng... đều giúp cho một số người thông thiên đạt địa nào đó biết trước việc cát hung để theo hay tránh thì những người này sẽ không có lý do gì để thất bại trên đường đời, và các vua chúa thời xưa cũng sẽ không bao giờ mất cả thiên hạ vì xung quanh đã có biết bao bậc quân sư tài giỏi để tham vấn. Nhìn chung, các khoa học tự nhiên và nhân văn hiện đại tuy có thể giúp cải thiện khá nhiều cho đời sống con người bằng cách tạo được một số tiện nghi và phương pháp làm ăn sản xuất nhưng chúng không giải quyết được những vấn đề có tính cách thuần túy thuộc về vận mệnh cá nhân, gia tộc hoặc luân lý, cũng như những chuyện rủi ro bất ngờ, sự đau khổ tinh thần, những vấn đề thuộc về ý chí, tham vọng... Để sống được tương đối bình yên và hạnh phúc, giải quyết được nhiều nỗi lo âu khắc khoải ngoài khả năng giải thích và kiểm soát, con người còn cần đến triết học và tôn giáo, cùng nhiều thứ khác nữa, kể cả những thứ không chính thống khác mà người ta gọi là "bàng môn, tả đạo" như phù chú, đồng cốt, sự cầu cúng đối với các thể lực thần quyền để chỉ mong lấy một niềm hy vọng. Theo quan điểm này mà xét cho đến cùng thì những người am tường các khoa bói toán cũng có phần vụ của họ trong việc giải đáp cho con người khi họ cần tìm đến để giải tỏa những lo âu thắc mắc, nhất là khi gặp chuyện bối rối lâm vào những tình thế tiến thoái lưỡng nan, vượt ngoài khả năng chủ động của cả tri thức lẫn tình cảm.

Thật vậy, các khoa học chính xác dù tinh vi đến đâu cũng không đoán trước được tai nạn xảy ra để mà tránh. Về mặt lý thuyết, các khoa bói toán tuy có thể làm được việc này song cũng chưa chắc giúp người ta tránh được rủi ro cho dù biết trước, vì căn bản của loại khoa học này là dựa trên sự tất định về số phận của những sinh linh trong vũ trụ, cho rằng số phận đó vốn đã được an bài. Hơn thế nữa, trên thực tế, không ai lại có thể cứ nhất cử nhất động đều phải bấm độn gieo quẻ hoặc coi ngày giờ, chỉ vì lý do đơn giản là con người có ý chí, tham vọng và những tình cảm bất chợt, và không phải lúc nào họ cũng nhớ hoặc có hoàn cảnh thích hợp để hỏi ý kiến người khác hoặc tự bấm độn gieo quẻ...

Vì một ý chí đặc biệt, con người thường chỉ nửa tin nửa ngờ đối với tất cả mọi thứ ấy cho dù đã được mách nước, hướng dẫn và thường khi họ có khuynh hướng lựa chọn hành động theo ý chí tình cảm và những tham vọng riêng của họ mà thôi, giống như không ít người vẫn hút thuốc, uống rượu dù có đủ kiến thức để biết những thứ này chắc chắn có hại cho sức khỏe.

Việc áp dụng các khoa bói toán vào đời sống hàng ngày cũng là một hiện tượng dễ hiểu, phản ánh một bối cảnh văn hóa và văn minh nhất định trong điều

kiện nhất định của các ngành khoa học trong quá khứ, khi chưa có đủ những thứ khác tốt hơn để dùng. Trong bốn môn nho, y, lý, số mà các nhà trí thức thời xưa ở Trung Quốc và Việt Nam được trang bị, ta có thể xem nho là triết học và luân lý, y là khoa học tự nhiên còn lý số là khoa học xã hội; khi gặp chuyện gì rắc rối thì đem thứ khoa học xã hội này ra để tìm hướng giải quyết. Nhưng ngay cả nhà Nho cũng coi lý số chỉ là tương đối. Họ vẫn còn tin vào bản thân cùng những khả năng hoán cải hoàn cảnh và quyền lựa chọn chủ động của con người, nên đưa ra những luận đề để hạn chế tính tất yếu của lý số như nói, "đức năng thắng số" (đức có thể thắng được số), hoặc "xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều" là có ý muốn cải lại một phần số trời chứ không chịu thua hẳn, bởi vì theo họ phải có "tận nhân lực mới tri thiên mệnh" chứ không phải chỉ biết có một đường xuôi theo là "thuận thiên an mệnh" một cách vô điều kiện.

Có lẽ vì nghĩ như thế nên các nhà Nho đi làm cách mệnh để cứu dân cứu nước của ta thời xưa người nào cũng rành về Dịch lý, cũng biết coi bói; nhưng hễ làm là làm chứ không phải lúc nào cũng coi theo quẻ Dịch. Cụ Phan Bội Châu là một trường hợp độc đáo. Cụ chẳng những tinh thông Dịch lý mà còn là tác giả của một công trình nghiên cứu có giá trị nhất Việt Nam về Dịch học với quyển *Chu Dịch đồ sộ*, thế mà cuộc đời hoạt động cách mạng của cụ thất bại là phần lớn, trừ những giá trị tinh thần mà cụ đem lại được cho các phong trào yêu nước. Một đồng chí rất gần gũi với cụ là cụ Đỗ Chân Thiết, rất có công trong việc sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thực. Sau khi Nghĩa Thực bị đóng cửa (1908), lực lượng cách mạng bị tan rã gần hết, đến năm 1911, khi hay tin Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thành công, cụ Đỗ Chân Thiết quyết đi sang đó một chuyến để tìm đường cứu viện. Trước khi đi, cụ rủ một người bạn cùng đi đến Bạch Mã ở phố Hàng Buồm để xin một quẻ xăm nhưng lại gặp quẻ quá xấu. Người bạn can nên hoãn chuyến đi lại ít tháng nhưng cụ vò nát lá xăm liệng xuống đất rồi nói, "*Quý thần an năng tri thử sự? [Quý thần sao biết được việc này?] Không, tôi cứ đi. Đãi Hà chi thanh, nhân thọ kỷ hà? [Đợi nước sông Hoàng Hà trong lại biết chừng nào, đời người còn sống được là bao?]*". Qua tới Trung Quốc, cụ Đỗ Chân Thiết liên lạc được với cụ Phan Bội Châu, chờ tạc đạn về nước định gây một vụ bạo động chống Pháp thì bị Pháp bắt và xử tử vào năm 1913.

Nhắc đến câu nói của cụ Chân Thiết, người ta nhớ đến câu nói gốc trong bài "Bốc cử" tương truyền là của Khuất Nguyên (khoảng 340-277 trước t.l) mà cụ đã mượn dùng. "Bốc cử" có nghĩa là bói đường cư xử, nội dung thể hiện được tinh thần phóng khoáng trong cách hiểu Dịch lý của người xưa. Hồi đó Khuất Nguyên là vị trung thần đang bị gièm đũa, lòng phiến ý loạn không biết hành xử ra sao, mới lại thăm và hỏi ý kiến

quan thái bốc chuyên về coi bói thời đó là Trịnh Thiễm Doãn: *"Tôi nên thành khẩn chất phác mà hết lòng trung thành, hay nên đưa đón theo thời để khỏi khốn cùng? Nên ra sức cày ruộng kiếm ăn, hay nên giao du với kẻ vinh hiển để cầu danh? Nên nói thẳng chẳng kiêng dè gì để nguy đến thân, hay nên theo thói tục cầu giàu sang để sống cầu thả?..."* Ông còn hỏi thêm gần chục câu nữa, nhưng khi nghe xong thì Thiễm Doãn tiên sinh liền đặt cỗ thi xuống mà nói, *"Thước có khi ngắn mà tắc có khi dài; vật có chỗ không đủ mà trí có chỗ không sáng; số có chỗ đoán không tới mà thân có chỗ không thông. Ông cứ theo lòng ông mà làm đúng ý ông. Mai rùa và cỗ thi thật không biết được việc này"*.

Như trên đã nói, việc bói toán thường chỉ có ý nghĩa trợ giúp tinh thần hoặc đem lại một nguồn động viên an ủi chứ ít khi có tác dụng thực tế. Mặc dù vậy, khi gặp một tình huống bối rối trừu trừ bất quyết thì người ta thường cần tới nó. Một người bản lĩnh như Nguyễn Thái Học mà có lúc cũng phải giở quyển *Truyện Kiều* ra bói. Lúc đó là một đêm mừng hai Tết Canh Ngọ, sau cuộc khởi nghĩa thất bại tại Yên Bái (ngày 9 và 10 tháng Hai năm 1930), khi ông cùng với Cô Giang, Ký Con, Lương Ngọc Tấn... trốn về xã Hùng Thắng (huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương) ẩn mặt trong nhà một đồng chí tá điền. Sau khi đọc xong lời khẩn, ông mở quyển *Kiều* ra, được bốn câu:

*Thân ta, ta phải lo âu
Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này
Liệu đường cao chạy xa bay
Ái ân ta có ngắn này mà thôi.*

Quẻ bói này là một điềm dữ. Quả nhiên sau đó lực lượng tan rã rồi bị bắt. Tháng 6 năm 1930, Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí bị đưa lên đoạn đầu đài ở Yên Bái. [Dẫn theo tạp chí *Phổ Thông* số 152, ngày 1-3-1961] Việc này có thể do quẻ bói đúng, cũng có thể do sự ngẫu nhiên trùng hợp, nhưng trong cả hai trường hợp, xét theo tình hình thực tế lúc đó thì Nguyễn Thái Học cũng khó có thể tránh khỏi thất bại như bao phong trào yêu nước khác, cho dù tối mừng hai Tết năm đó ông có giở quyển *Kiều* ra để bói thử hay không.

Nếu các khoa bói toán có một giá trị nhất định như đã nhận định ở trên kia thì việc ứng dụng các phương pháp bói có cho ra những kết quả đúng hay không lại là một chuyện khác, vì phương pháp có rồi nhưng việc thực hiện lại còn tùy thuộc nhiều yếu tố có thể chưa được nắm vững và cũng tùy vào kỹ năng ứng dụng của người thực hiện, khác nào một viên quản lý tuy được trang bị đủ nghề nhưng vẫn có thể quản lý thất bại một xí nghiệp.

Theo nhà văn và học giả quá cố Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) nói trong quyển *Luyện lý trí* dựa theo kinh nghiệm từng trải khi nghiên cứu Bốc phê, Tử vi và Tử bình, thì những môn này đôi khi đưa ra những kết quả

thần sâu làm ta kinh ngạc, nhưng cũng có khi trật lất, thành thử cũng khó nói.

Liên quan đến vận mệnh của cả loài người, hoặc của một xã hội, một dân tộc, người ta còn biết đến những lời tiên tri trong các sách thánh hoặc sấm ký. Các sách Thánh Mathieu, Thánh Marc, Thánh Luc trong *Tân ước* đều báo trước sẽ có lúc tận thế nhưng không chỉ rõ sẽ xảy ra vào lúc nào, có lúc người ta tưởng là năm 1000 hoặc năm 2000... Nhưng trước đây trên 40 năm, do nhu cầu hoạch định các kế hoạch phát triển, các nhà khoa học đã tạm bỏ qua những sự kiện bí ẩn, họ cũng đã tìm cách tiên tri tương lai xã hội loài người căn cứ vào các dữ kiện kinh tế xã hội đã có, hình thành một môn học mới khá hấp dẫn gọi là Tương lai học (Futurologie). Hiện nay ngành Tương lai học đã phát triển rất cao, nhưng cách đây gần nửa thế kỷ, công trình tập thể của các nhà bác học Mỹ có tính chất tập trung tiêu biểu nhất là quyển *Năm 2000 (The Year 2000)* do Viện Hudson xuất bản năm 1967 với bản dịch tiếng Pháp nhan đề là *L'An 2000* xuất bản ở Paris năm 1968. Trong Lời giới thiệu, Nhà Xuất bản Robert Laffont của bản dịch tiếng Pháp đã hớn hờ viết, *"Lần này là lần đầu trong lịch sử, nhân loại có thể thẩm định được những động lực điều khiển vận mạng mình, liệt kê những động lực ấy, để duy trì chúng hoặc đổi hướng của chúng. Do đó cuốn Năm 2000 phải là Thánh kinh của tất cả những người muốn có thể suy nghĩ về tương lai trong 10, 15, 30 năm nữa. Đây là cuốn sách đầu tiên khiến sự dự đoán tương lai bước từ kỷ nguyên của thầy bói qua kỷ nguyên của các nhà bác học..."*

Đoạn văn trên được trích lại theo bản dịch của cụ Nguyễn Hiến Lê trong quyển *Những vấn đề của thời đại* (NXB Mặt Đất, 1974), trong đó, cụ bỏ công tóm tắt phần lớn những ý chính của quyển sách *Năm 2000*. Những điều cụ ghi lại trong quyển sách nay đọc lại vẫn thấy thú vị. Nhìn chung, các dự đoán về phát triển khoa học-kỹ thuật phần nhiều đều đúng, nhất là trong việc hình dung một xã hội hậu công nghiệp (post-industriel), xu hướng toàn cầu hóa, những khả năng và ảnh hưởng thần kỳ của máy tính, việc tạo và nuôi thai trong phòng thí nghiệm... Tuy nhiên, cũng có những dự đoán đi quá đà hoặc chỉ gần đúng với sự thật. Riêng trong lãnh vực chính trị toàn cầu, nhiều dự đoán đưa ra đã không đúng với thực tế và điều này cũng dễ hiểu, vì về chính trị, điều gì cũng có thể xảy ra được, như vụ khủng bố kỳ lạ ngày 11-9 vừa qua ở Mỹ là một thí dụ, không ai tiên đoán nổi! Đủ biết phương pháp dự đoán nào cũng có mặt tích cực và giới hạn của nó trước sự bí ẩn vô tận của thế giới loài người. Câu nói của Lão Tử trong trường hợp này có thể là một ý tưởng suy gẫm để giúp con người bớt phải bối rối, *"Cuộc sống của con người thì có bờ bến mà cái biết thì không bờ bến, lấy cái có bờ bến để theo cái không bờ bến thì nguy lắm vậy"* (*Nhân chi sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai, dĩ hữu nhai tùy vô nhai, dĩ hĩ*). ■



Hái lộc

LÊ QUANG TRẠNG

Đầu xuân hái lộc của mùa
Tiếng chuông nhẹ khúc bên chùa ngân vang
Ta đi trong tiếng rộn ràng
Tiếng lòng trong vắt hừng màn sương sa.

Mây mùa mưa nắng đã pha
Lỡ quên ta một quê nhà con sông
Xuân về gọi khúc mênh mông
Ta về thấp lại tiếng lòng êm nghe!

Gió lùa vút qua đợt tre
Mùa nhang gọi những giọt về tuổi thơ...

Mùa xuân buông xả

TÔN NỮ NAM GIAO

Xuân đến rồi sắc màu rộn rã
Hoa khoe màu tím đỏ thiết tha
Lòng người buồn - cảm thương đơn độc
Thương cuộc đời phù phiếm, xa hoa.

Nếu không có mùa xuân buông xả
Chồi non đâu đứng đợi đông qua
Nếu lá vàng không rơi trước ngõ
Ai chờ lá xanh về tái hiện “sát na”.
Cuộc sống của ta:
Hạ vàng - thu sang,
Đông tàn - Xuân đến.
Mùa xuân! Mùa buông xả rộn ràng
Mùa tái sinh vô lượng
Mùa đậm ấm yêu thương
Cho nên Lỗi của Người - Hãy buông xả để tình yêu này nở
Lỗi của ta - Hãy buông xả để lòng ta nhẹ nhàng
Tâm hồn cởi mở với lòng tin bất tận
Un đúc tình người “tha thứ, khoan dung”
Hỡi mùa xuân yêu thương!
Mùa buông xả băng khuâng!
Băng khuâng, ta vẫn mãi băng khuâng!

Tâm sự đầu xuân

DƯƠNG HỘI

Gió hoàng hôn xạc xào
Mùa xuân về theo gió
Đêm nay trời không sao
Linh hồn hoang bỏ ngõ

Ta lật ngược thời gian
Đếm từng trang kỷ niệm
Một năm thành dĩ vãng
Biết bao là nỗi niềm

Những năm dài bệnh hoạn
Con cái khổ trăm chiều
Không say mà chuếnh choáng
Ta một mình đắm chiêu

Miền tuổi thơ xa lắc
Anh em người một phương
Cha mẹ già đã khuất
Hồn còn về cố hương

Bạn bè thời ly loạn
Phiêu bạt cánh chim trời
Nhớ thương về xứ Quảng
Chợt nghe lòng chơi vơi

Học trò bao năm cũ
Ngày Tết tìm đến thăm
Đem niềm vui quá khứ
Sưởi ấm chỗ ta nằm

Hạnh phúc dường thoáng qua
Rồi tất cả phôi pha
Để nỗi buồn ở lại
Trên gác vắng cùng ta

Mùa đông chưa qua hết
Sao xuân vội phai màu
Giao thừa không thấy Tết
Biết lấy gì cho nhau?

Xuân ần cư

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

Xuân chẳng thường đào, chẳng ngắm mai!
 Ần cư hang núi, chột sương cài
 Cảm thương nghiệp nước, mây dùn khói
 Đau xót tình người, đá sồn gai
 Phước mỏng, đâu kham đời dịch hoạ?
 Thân gầy, nào chịu cảnh thiên tai?
 Tiếc tâm, không đủ nhân lành, tốt!?
 Tủi đức, chưa dung chuyện xấu, sai!?
 Cửa hẹp, vắng tanh, trắng ngủ mệt
 Phòng đơn, lạnh lẽo, dế rên dài
 Dòng vắng, ngơ gác, hoa trơ đóm!
 Câu chữ, thẹn thùng, một nghiêng tai!
 Điền đảo nhân sinh, điền đảo mãi
 Ngửa nghiêng thế đạo, ngửa nghiêng hoài
 Bị từ Đức Phật, nguồn vô lượng
 Nhen lửa trái tim, ấm một vài!

Bóng hoàng hôn

TRẦN VĂN ĐƯỜNG

Ngồi buồn chợt nghĩ cái thân tôi
 Lũ chuột thời gian gặm hết rồi
 Manh áo miếng cơm thân phận lạc
 Chuyện nhà tình chợ tháng ngày trôi
 Giờ chông sách cũ nghe hờ hững
 Nhật cánh hương thừa thấy lẻ loi
 Đảo mắt nhìn qua gương đối ảnh
 Bên kia triền ấy bóng chiều rơi

Bên kia triền ấy bóng chiều rơi
 Lỡ chuyến đò ngang vẫn lỡ thôi
 Còn cát lao xao con sóng vỗ
 Chân người lặng lẽ bóng trắng soi
 Mênh mông sương mỏng chuông chùa gọi
 Thấp thoáng sao xa bóng nguyệt mời
 Nước chảy mây bay con gió thoảng
 Há đành lặn đạn với đây vui.

Nợ

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Nợ quê những hạt thóc vàng
 Nợ mẹ câu hát khê khàng đầu nô
 Nợ cha những giọt mồ hôi
 Nợ em lời hứa thành đôi: cau – trâu!

Đêm tịch liêu

KIM HOA

Áo sương...
 Trái lồi cỏ mềm
 Gió ru tóc rối – trăng thiêm thiếp buồn
 Bóng đêm...
 Giấu nửa môi hôn
 Nửa tôi...
 Còn lại héo hon...! Tuổi đời
 Đắng lòng
 Uống giọt sầu rơi
 Theo đông
 Lạnh ngấm giữa trời...! Tịch liêu.

Mưa bên chùa

LÊ NGHỊ

Hạt mưa trong
 trong suốt màu thời gian thướt trước
 In bóng mái chùa vút cong
 hện ước
 vẫn tập ba ngàn hội bụi vàng
 Đường vào hạt mưa thành thang
 Sư Ông thiên định
 Vẳng tiếng chim cu núi
 thanh tịnh mùa Biển Dâu

Tiếng phía chuông ngân

LÊ ĐÀN

Thánh thốt lời con chim lạ
 Hót chiều buốt giá hư không
 Cảnh trơ còn đau chiếc lá
 Vói tay rụng trái sầu đông

Hạ cánh chim trời đã mỏi
 Nghe kinh quỳ gối quỳ hàng
 Dừng chân bên cầu biên giới
 Ngoái trông phía tiếng chuông ngân.

Lỗi về rộng mở²

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Trong năm mươi hộ của tổ dân phố do tôi làm tổ trưởng, hộ anh chị khá nổi bật. Anh là giám đốc công ty đang làm ăn phát đạt, chị là giảng viên trường đại học, con gái con trai đều chăm ngoan học giỏi. Tổ ấm có bốn người với nhà cao cửa rộng ấy, cả nhà đều thương nhau. Lời yêu thương cùng những tiếng cười luôn đầy ắp trong gia đình họ.

Hạnh phúc người người của anh chị đang là mơ ước của nhiều người bỗng rạn vỡ khi chị mắc bệnh hiểm nghèo. Căn bệnh ung thư khiến một vùng ngực của chị phải cắt bỏ; chưa hết bàng hoàng, khối u ác đã di căn xuống dưới; lại một phần thân thể riêng có của phụ nữ phải loại đi. Chị xơ xác trong những ngày đối diện với cái chết. Đang đắm thắm với vẻ đẹp của người phụ nữ chưa tới tuổi bốn mươi, chị bỗng xuống sắc thê thảm. Đầu trọc trắng, da bủng beo, nhợt nhạt cả lời nói, mặc cảm lẫn trong ánh nhìn... là chị trong những ngày chống chọi với bệnh nan y. Hơn ba tháng liền chị không ra khỏi nhà, trừ những khi đi viện. Chị qua được cơn hiểm nghèo, một phần nhờ mạnh về tiền. Lúc đi máy bay, khi lái ô tô nhà, anh đưa chị đến những bệnh viện nổi tiếng khắp nước. Những ngày chị ở bệnh viện nhiều hơn ở nhà, anh luôn bên cạnh tiếp thêm sức lực cho chị.

Chị dần bình phục và trở lại bực giảng chưa lâu thì chuyện buồn khác lại đến. Chuyện này chị nén chặt trong lòng nhưng tôi biết. Hai nhà chung tường, lại cùng là phụ nữ nên chị hay san sẻ cùng tôi những riêng tư. Lần này, tôi cảm nhận nỗi đau tinh thần đang dày vò chị khi đêm đêm thấy chị thức canh cửa chờ anh về. Những đêm lê thê, một mình với tĩnh lặng ấy, chị ngồi bất động nơi phòng khách, chốc chốc đi ra cổng đứng chờ. Chờ mãi, chị thất thểu quay vào cùng tiếng thờ dài. Lắm đêm tôi thức giấc giữa khuya, thấy đèn nhà bên vẫn sáng, biết anh chưa về. Mỗi khi anh về, tất nhiên chị không thể im lặng. Dù chị cố nén lòng hạ giọng nhưng

tôi cũng lờ mờ nhận ra lý do đi tối về khuya của người đàn ông cạnh nhà. Thì ra, anh đang đổi lòng với vợ khi lén phét lập *phòng nhì* hay *cơ nới* quan hệ *ngoài luồng* đầu đó. Đối diện với anh trong những đêm trắng, chị luôn kìm nén, dường như sợ hai con hay biết. Lời đau khổ dằm trong nước mắt của người vợ đã không níu được người chồng ở lại với tổ ấm gia đình. Lấy lý do công chuyện, anh vẫn đi tối về khuya thất thường. Cũng với lý do ấy cộng với việc cho chị lắm lời, anh chuyển đến ngủ tại văn phòng công ty. Chị bất lực, giấu nỗi đau trong im lặng. Nhưng về mặt thất thần cùng dáng phờ phạc của mẹ và sự vắng mặt đột ngột của bố khiến hai đứa con thắc mắc. Nghe chúng gặng hỏi, chị giả cười, ngụy tạo lý do để con yên lòng.

Chị co rúm khi nghe con trai bảo, nó thấy bố dẫn gái vào nhà nghỉ. Nỗi lo các con biết quan hệ mờ ám của bố cứ phập phồng trong chị lâu nay, giờ đang vỡ lở. Chị điếng người, mặt thất sắc nhưng vẫn cố che giấu: "Chắc con nhầm". Thằng bé cãi lại, nhầm sao được khi nó nhìn rõ mặt và cả biển số xe của bố nó tại nhà nghỉ gần trung tâm luyện thi đại học. Chị xoa dịu con: "Biết đầu đó là bạn làm ăn của bố". Thằng bé giãy nảy, la lên trong tức giận: "Bố thì có, chứ làm ăn gì giữa đêm khuya như thế!?". Chị đứng sững, nhìn con như người lạ, nước mắt rùng rùng. Dường như không thể dối lòng được nữa, chị ôm chầm lấy con, cả hai cùng òa lên nước mắt. Một lúc sau, chị gạt nước mắt, nói với con bằng những lời năn nỉ: "Dù sao con cũng đừng nghĩ xấu về bố, nhé!". Thằng bé lùi lại, nhìn mẹ không chớp mắt, giọng bực tức lẫn ngạc nhiên: "Bố đã thế, sao mẹ vẫn im lặng?". Chị bối rối, lảng tránh ánh nhìn của con. Đôi mắt trẻ căng tròn ngược lên chờ đợi nhưng vẫn không có lời đáp, nó cúi xuống, thờ dài. Bất ngờ nó vung tay, nói lớn: "Nếu bố bước vào nhà này, con sẽ ra khỏi nhà!". "Đừng, con ơi!". Giọng chị nấc lên như bi thương rồi nghẹn lại trong nước mắt.

Cuối năm, chị sang nhà tôi; sau một lúc bao đồng,

chị dè dặt thăm dò: “Năm nay, liệu nhà em có được công nhận gia đình văn hóa không chị?” Tôi cười: “Chưa họp tổ dân phố để xét nhưng chắc được.” Đây vốn là việc bình thường nhưng nhìn nét mặt có phần lo âu căng thẳng của chị, tôi chợt dạ: “Sao cô hỏi vậy?” Chị xòe ra tờ giấy tự chấm điểm gia đình văn hóa rồi nhìn tôi ngân ngại: “Trong này có tiêu chí gia đình hòa thuận hạnh phúc nhưng vợ chồng em... như chị thấy đấy.” Tôi hiểu và thương điều áy náy chân thành của chị bèn chia sẻ: “Cô nghĩ thế cũng phải nhưng sự việc giữa cô chú chưa đến nỗi nào. Và lại, hộ cô chú luôn đi đầu trong các hoạt động của tổ nên theo tôi xứng đáng là gia đình văn hóa.” Chị cười nhưng giọng buồn buồn: “Cảm ơn chị. Với em, có sao nhận vậy. Nhưng em lo, nếu không được gia đình văn hóa, hai cháu sẽ tổn thương rồi càng hận bố của chúng.” Chị về rồi nhưng tôi vẫn đắm trong ý nghĩ, giả như người chồng nông nổi kia hiểu được nỗi lòng của vợ.

Ăn phở mãi cũng ngán, lang thang hoài cũng mệt, người đàn ông cạnh nhà tôi cũng không là ngoại lệ. Sau hai tháng rời nhà theo đuổi đam mê riêng, anh mon men muốn quay về chốn cũ. Tôi cảm nhận điều ấy khi nhiều bữa thấy anh ngồi trong quán cà-phê đầu đường, mắt nhìn mãi về phía nhà mình. Tiếp đó, bằng những bước chân ngập ngừng, anh về lại ngôi nhà thân thuộc, chỉ trong chốc lát. Lần thứ hai anh về, đúng lúc con trai đang ở nhà, thế là hư sự. Thành bé vừa thấy bóng bố đã ùng ùng nổi giận. Nó vợ vội chiếc áo vắt vai rồi chạy ra sân vọt lên xe, ngoái lại nhìn mẹ với lời chào sắp khóc: “Mẹ ơi, con đi đây!”

Chị gọi giật ngược:

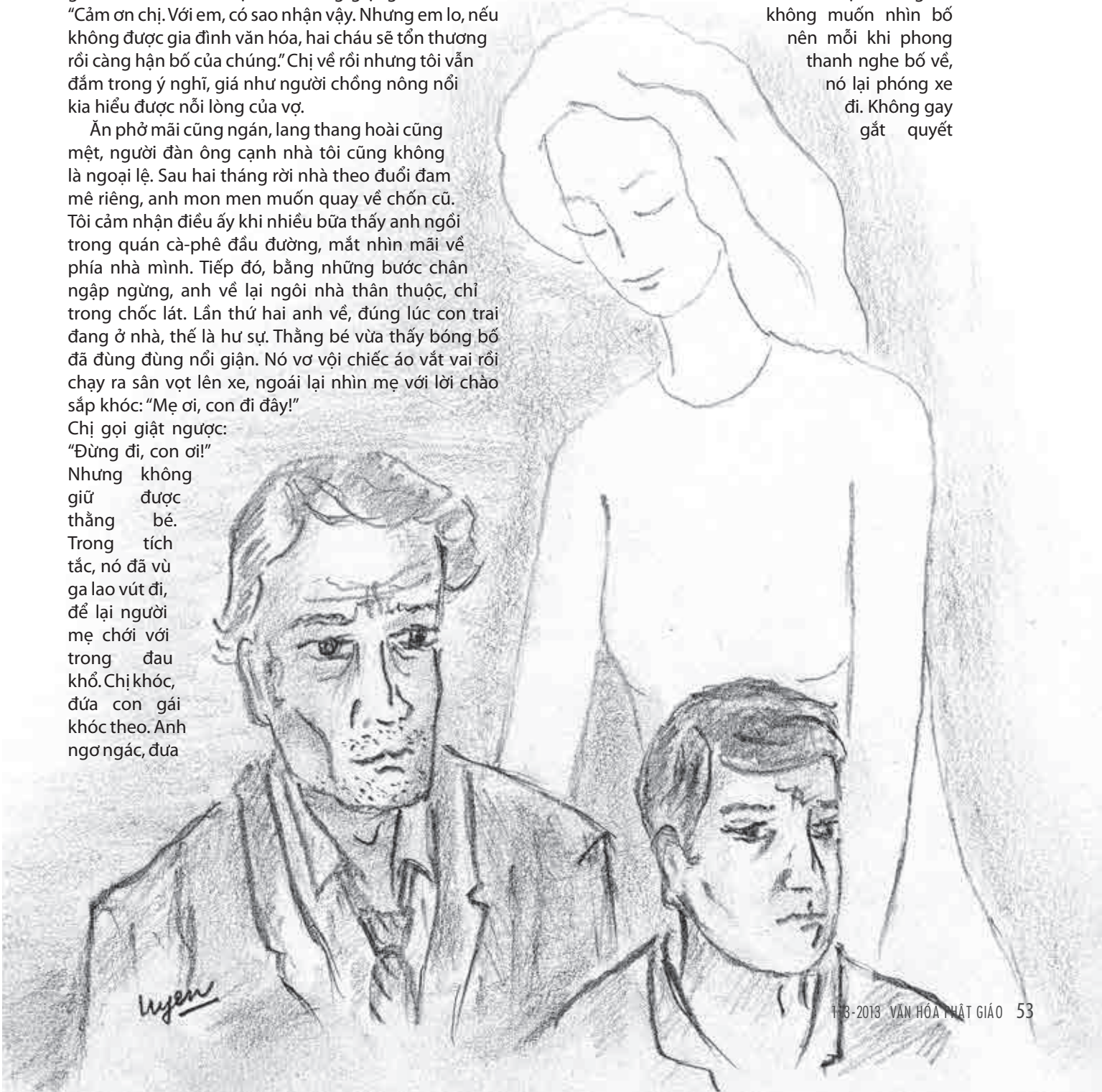
“Đừng đi, con ơi!”

Nhưng không giữ được thằng bé. Trong tích tắc, nó đã vù ga lao vút đi, để lại người mẹ chới với trong đau khổ. Chị khóc, đứa con gái khóc theo. Anh ngỡ ngác, đưa

đôi mắt vô hồn nhìn quanh. Anh sững sờ đứng lặng một lúc rồi ngồi phịch xuống ghế, đưa hai tay ôm đầu. Nỗi lo trong chị dâng đến đỉnh điểm khi con trai ra khỏi nhà là tắt điện thoại rồi biến biệt cả đêm không về. Chị đứng ngồi không yên, liên tục đi ra đi vào, chốc chốc lại ngửa mặt giữa cao xanh, kêu trời. Chỉ đến khi chị thông qua bạn của con bắt tin là bố đi rồi thì thằng bé mới lò dò trở về.

Người đàn ông cạnh nhà tôi với con trai bỗng dung như mặt trăng với mặt trời, như sao mai với sao hôm không cùng ở. Bố về thì con đi, bố đi con lại về. Anh lán h

mặt con trai nên thường về nhà những khi nó đã đi học. Thành bé không muốn nhìn bố nên mỗi khi phong thanh nghe bố về, nó lại phóng xe đi. Không gay gắt quyết



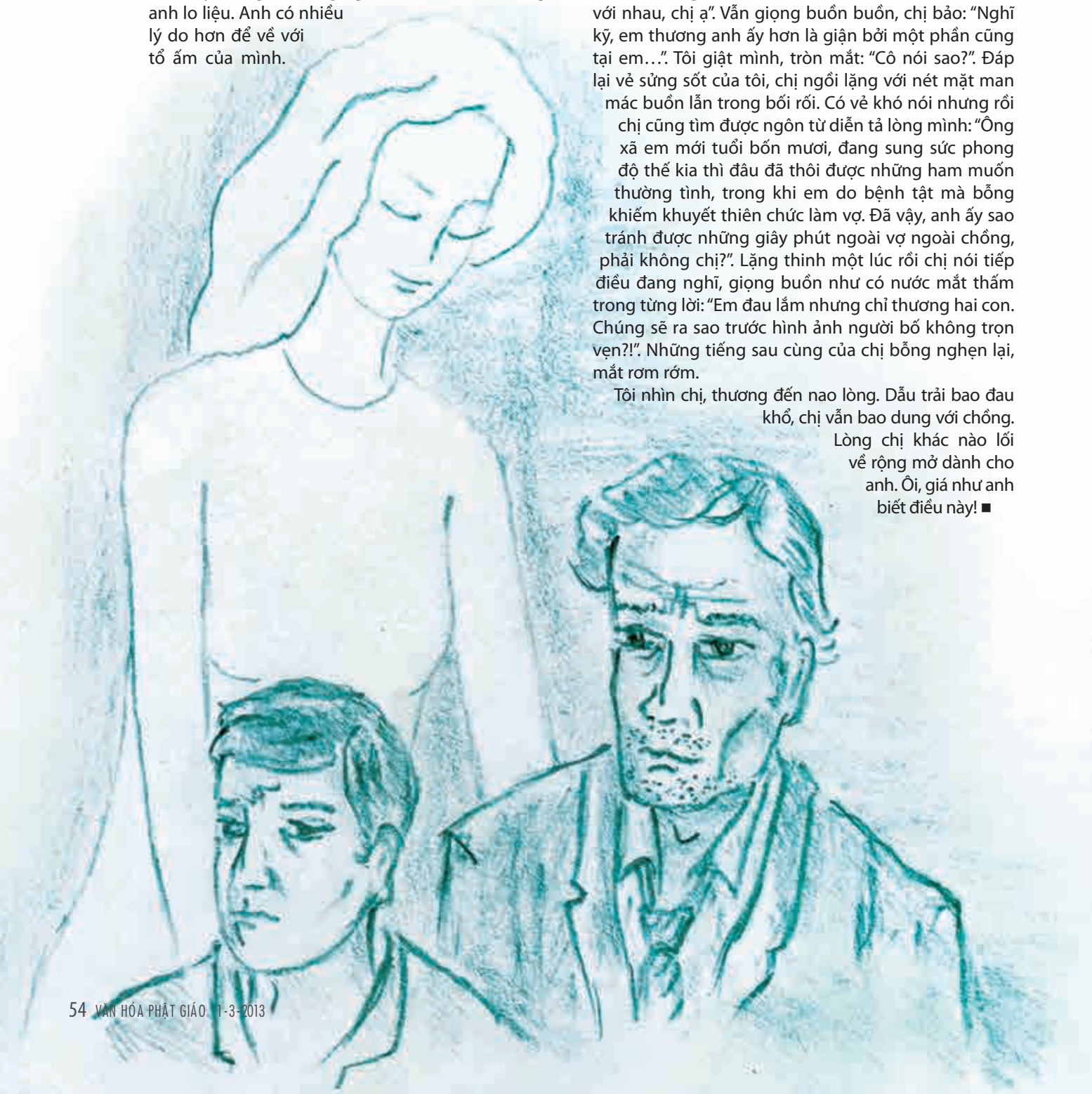
liệt như lần đầu, những lần sau nó loanh quanh đâu đó rồi về. Thăng bé vẫn giữ vẻ lăm li với bố, về nhà là nó vào phòng riêng, chốt cửa lại. Anh buồn, bằng chứng là thời gian anh ở nhà ít hơn ngồi quán nhậu và đi lang thang.

Bảo con không được, nói chồng không nghe, chị đành làm chất xúc tác để bố con xích lại gần nhau. Nghe con hỏi nên đăng ký ngành gì để thi đại học, chị bảo phải xin ý kiến bố. Thấy thằng bé ngần ngại, chị gợi ý con nên nhắn tin. Về quê chạp mả hay giỗ họ, chị đều bảo hai con đi cùng với bố. Từ những việc nhỏ như mua ti vi, thay bóng đèn đến việc lớn như sơn lại nhà, xây tường rào cổng ngõ... chị đều giao anh lo liệu. Anh có nhiều lý do hơn để về với tổ ấm của mình.

Nhưng hình như lời yêu thương cùng những tiếng cười vẫn chưa trở lại trong gia đình ấy. Anh vẫn đi về thất thường, dù không vắng nhà nhiều ngày như trước. Đứa con trai không còn ra mặt giận bố thì chuyển vào *chiến tranh lạnh*. Nó lặng lẽ như cái bóng, về cau có khiến khuôn mặt trẻ già đi. Khoảng cách giữa hai bố con vẫn chưa thể lấp đầy.

Mới đây, cô giáo sang mời tôi dự đám giỗ ông nội sắp nhỏ nhà chị. Mời rồi nhưng chị vẫn nấn ná chưa về, hình như có điều gì muốn nói. Không để tôi chờ lâu, chị trải lòng: "Em định nhân đám giỗ ngày mai, nhờ anh em trong nhà nói vun vào để hai bố con làm lành với nhau, chị ạ". Vẫn giọng buồn buồn, chị bảo: "Nghĩ kỹ, em thương anh ấy hơn là giận bởi một phần cũng tại em...". Tôi giật mình, tròn mắt: "Cô nói sao?". Đáp lại vẻ sững sốt của tôi, chị ngối lặng với nét mặt man mác buồn lẫn trong bối rối. Có vẻ khó nói nhưng rồi chị cũng tìm được ngôn từ diễn tả lòng mình: "Ông xã em mới tuổi bốn mươi, đang sung sức phong độ thể kia thì đầu đã thôi được những ham muốn thường tình, trong khi em do bệnh tật mà bỗng khiếm khuyết thiên chức làm vợ. Đã vậy, anh ấy sao tránh được những giây phút ngoài vợ ngoài chồng, phải không chị?". Lặng thinh một lúc rồi chị nói tiếp điều đang nghĩ, giọng buồn như có nước mắt thấm trong từng lời: "Em đau lắm nhưng chỉ thương hai con. Chúng sẽ ra sao trước hình ảnh người bố không trọn vẹn?!". Những tiếng sau cùng của chị bỗng nghẹn lại, mắt rơm rớm.

Tôi nhìn chị, thương đến nao lòng. Dẫu trải bao đau khổ, chị vẫn bao dung với chồng. Lòng chị khác nào lối về rộng mở dành cho anh. Ôi, giá như anh biết điều này! ■



Đường lên chùa

Bài & ảnh: QUÁCH GIAO

Tại Qui Nhơn chúng tôi lên xe buýt số T7. Cuối lộ trình là ngay dưới chân chùa Ông Núi thuộc xã Cát Tiến huyện Phù Mỹ. Xe dừng tại một trạm ở ngã ba đường. Nơi đây ngày xưa ông Núi đã đặt gánh củi của mình để đổi gạo và muối với dân địa phương. Tập địa chí *Nước non Bình Định* của nhà thơ Quách Tấn viết, *"Truyền rằng Ông Núi dùng vỏ cây làm y phục và ít khi xuống đồng bằng. Thành thạo cần lương thực thì gánh một gánh củi xuống chân núi để nơi ngã ba đường rồi trở lên. Người quanh vùng đem muối gạo đến để đổi rồi gánh củi về dùng. Hôm sau nhà sư đến nhận gạo muối, nhiều ít không biết, mất còn không bận. Những khi trong hạt có bệnh tả bệnh dịch thì tự nhiên nhà sư đem thuốc xuống cứu chữa. Chữa xong đi ngay, một cái vá cũng không nhận"*.

Ngã ba đường giờ đây đã được cán đá rải nhựa. Chung quanh có nhà cửa san sát. Lối đi vào chân núi vẫn là con đường đất thuở xưa, nhưng không còn là lối mòn mà đã thành con đường đất rộng rãi xe bốn bánh có thể di chuyển dễ dàng.

Đi chừng ngoài trăm mét thì đến một khoảng đất trống rộng, lô nhô những gò cỏ xanh và những lùm cây thấp. Chính giữa có hai con đường đất chạy song song vào đến bốn cột ba biểu dựng dưới chân núi.

Một đàn bò đang thảnh thơi ăn cỏ, theo sau là đàn cò trắng, vừa đi vừa mổ mỗi. Ngày xưa, theo sau đàn bò đàn trâu ăn cỏ ngoài đồng hoặc trên gò thì phải là đàn chim sáo sậu. Chúng đi với nhau cả đàn vừa nhảy cò cò theo chân bò hay chân trâu vừa bắt ruồi. Cảnh chim sáo đậu trên lưng trâu đã ăn sâu vào tâm hồn tôi và được coi như là hình ảnh của thôn quê thân thương và an lành. Giờ đây nhìn đàn cò trắng theo sau đàn bò đang ung dung gặm cỏ, tâm hồn tôi bỗng thấy nao nao. Cò chỉ tìm mỗi nơi đồng ruộng có nước, một đôi khi gặp đàn bò đang ăn cỏ trên cánh đồng, chúng chỉ bay là là rồi tản đi nơi khác; vậy mà giờ đây ở chỗ này cò lại từng bầy lò dò theo sau đàn bò trên đám cỏ xanh. Chúng đã thay đàn sáo sậu đi cạnh bò để mổ ruồi!!! Không một con cò nào bay lên đậu trên lưng bò như những con sáo sậu. Thành thạo chúng bay lượn ra xa nhưng rồi lại bay về để đi từng bước theo sau đoàn bò gặm cỏ.

Có hai con đường chạy song song vào chân núi. Một được tạo thành do nước lũ mùa mưa từ chân núi chảy ra, mặt đất cát mịn màng. Con đường thứ hai



bằng phẳng rộng rãi có hàng cây dưới cổ thụ thẳng tắp hai bên đường. Tôi nhận được ngay là con đường ngày xưa. Cách đây hơn nửa thế kỷ, ngày còn là một cậu học sinh trường trung học Nguyễn Huệ Nam tại Hòa Bình (An Nhơn) tôi đã thường cùng chúng bạn lên thăm chùa ông Núi. Từ Hòa Bình lên đến đây phải đi bộ gần nửa ngày. Đi từ sáng sớm lúc bốn giờ, đến nơi gần đúng ngọ. Ăn nhờ cơm chùa, dạo xem phong cảnh rồi ra về, khi trời đã tối mịt mới đến trường.

Nhớ lại con đường ngày xưa dẫn vào chân núi hai bên đường mọc toàn là các bụi duối. Duối là một loại cây mà dân quê thường trồng làm hàng rào. Thân ngoằn ngoèo, gỗ rất cứng. Lá cây nhỏ, màu xanh đậm và rất nhám. Nhờ ở tính chất nhám này mà thuở nhỏ chúng tôi thường hay dùng lá duối để đánh bóng những con vại làm bằng gỗ thị. Lá duối cũng giúp chúng tôi chà láng những chiếc đũa, cán viết làm bằng gỗ chà rang vừa sùn vừa trắng. Trái duối chín mọng màu vàng óng ăn rất ngọt và thanh. Đó là những trái nho bé bỏng của thôn quê Việt Nam.

Trên vùng gò cỏ, vẫn còn đàn dê được nuôi thả rông. Chúng kêu be be suốt buổi và thường thức lá duối sau khi ăn cỏ ngoài bãi trống. Nhìn thấy bụi duối và đàn dê tôi nhớ đến câu chuyện người lớn nói với nhau thường hay dùng câu thành ngữ "ăn lá duối". Thuở nhỏ chúng

tôi chỉ hiểu lơ mơ rằng hễ ai được tặng cho biệt hiệu “ăn lá duối” là có vấn đề thôi. Khi khôn lớn chúng tôi mới hiểu rõ là lá duối có liên hệ với loài dê (vì dê ưa ăn lá duối) và câu “ăn lá duối” là để gắn liền với từ “dê”. Và chàng trai ưa “ăn lá duối” là chàng trai có máu “dê”.

Con đường trồng duối bây giờ khác với con đường xưa vì các bụi duối bây giờ to lớn hơn được chăm sóc kỹ hơn. Dưới gốc, có đôi cây được xây gạch làm chân vững chắc như một chậu hoa nghệ thuật. Các bụi duối đều to cao trên hai thước, cành lá sum suê cách nhau một khoảng năm thước như một hàng trụ cây đứng song song bên đường. Đi dưới hàng cây duối, lòng nhớ đến những kỷ niệm thân thương ngày xưa, cảm nhận được sự an nhiên và thanh thoát của cảnh vật. Thiên nhiên hằng tự tại và như vẫn còn “quanh quất đầu đây thời thơ ấu”.

Đàn dê vẫn còn được người địa phương chăn nuôi. Vẫn những tiếng be be thân thuộc. Những con dê đực to lớn đi ngóng nghênh giữa đàn và những chú dê con chạy tung tăng ngoài vòng kiểm soát của mẹ.

Cảnh tượng ngày xưa như vẫn còn phảng phất đầu đây. Ngọn gió biển hiu hắt, ánh nắng dịu dàng ấm áp và ngọn núi Bà đứng uy nghi trước mặt.

Hàng trụ ba biểu đứng sừng sững dưới chân núi..

Leo lên chừng độ 150 mét hai vợ chồng tôi đã mệt nhoài, chừng như không thể nào tiếp tục lên dốc. Ngồi nơi bậc đá ngắm trời mây. Không gian thoáng mát, bầu trời lồng lộng trên đầu, con đường có nhiều bậc đá như tít mù trên cao. Bỗng nhiên dưới chân dốc có bóng một ni cô đang thoăn thoắt đi lên. Chúng tôi cúi đầu chào nhau và tình thân tự nhiên nảy nở. Ni cô Vạn Như nguyên từ nhỏ đã được sư trụ trì chấp nhận lên chùa tu học. Xong bậc trung học cô tiếp tục lên đại học và khi tốt nghiệp thì được bổ nhiệm trụ trì một ngôi chùa nhỏ tại thị trấn Bình Định. Hôm nay Ni cô lên chùa thăm sư phụ. Nhờ Ni cô, chúng tôi biết rõ được nhiều chi tiết về chùa.

Nghe ý định trở về thăm lại chùa xưa của chúng tôi song đành phải trở lui, Ni cô khuyên chúng tôi cố gắng lên chùa. Trong khi đang lưỡng lự thì có một vị tráng niên xuất hiện, trên vai vác một chiếc rựa. Ni Vạn Như nhờ người tráng niên chặt gậy cho chúng tôi. Chỉ trong chốc lát người “tiểu phu” này len vào khu rừng bên cạnh đường và đem ra cho chúng tôi hai cây gậy: “Gậy thị nên dẻo lắm”.

Lại tiếp tục lên đường. Bước lên các bậc đá, nhờ nương vào gậy mà bước chân được nhẹ nhàng, hơi thở được điều hòa. Vừa đi vừa giảng giải các sự tích từng nơi từng chỗ của con đường, Ni cô đã giúp tôi nhớ lại con đường thời xa xưa. Đến nơi vách đá có viết hai chữ lớn “Hòn Chông”, Ni cô mỉm cười: Có người nói đây là Hòn Chông mà cũng có người nói đây là Hòn Chông. Vì hòn chông mà một bà nọ lên tu trên chùa.

Một khúc quẹo có hòn đá lớn nằm trải dài song song với mặt đường có tên là quẹo Đá Trái. Quanh quẹo Đá Trái trơ trọi không cây cối. Bên dưới đồng ruộng nhà cửa

mênh mông. Chúng tôi dừng chân ngồi nghỉ. Những kỷ niệm lên chùa ngày trước lại trở về trong ký ức. Xưa kia nơi này là nơi chúng tôi dừng chân ngồi nghỉ trước khi lên chùa. Trải qua một đoạn đường dài và khó nhọc, nơi đây chúng tôi nằm dài trên đá dưới bóng một cây thị cao lớn tỏa bóng mát một vùng. Nằm trên đá, ngược mắt nhìn lá thị lao xao trong nắng tôi liên tưởng đến hình ảnh của bà già ngồi dưới gốc thị trong câu chuyện Tấm Cám, nguyện cầu lời ước mơ “Hú thị rớt bị bà già. Bà về bà ngồi chớ bà không ăn”. Tiếng bà già ước mơ như vẫn còn thì thầm trong gió. Lá thị nhỏ mà xanh đậm láng bóng lao xao trong nắng. Chúng tôi nằm yên lặng, mắt nhắm nghiền nghe hương thị phảng phất từ vòm cao xanh lan xuống. Xưa kia nơi đây là nơi đám trẻ chúng tôi ưa thích nhất. Nơi mà thời gian lẫn không gian hòa vào nhau để tuổi trẻ thêm phần yêu mến thiên nhiên. Câu chuyện cổ tích xưa gắn liền với bóng cây thị và không khí êm ả lạ thường trong không gian đầy bóng lá. Con đường lên chùa xưa kia tràn ngập tán cây xanh. Ánh nắng chỉ đủ để rắc những giọt vàng lên con đường giữa lòng đá, lòng đất. Người lên chùa như đi trong rừng giữa tiếng thì thầm của lá, gió. Bước lên từng bậc đá như nương nhẹ gót chân. Lòng thanh thản như dạo chơi giữa vùng yên tĩnh. Con đường dẫn lên chùa tuy khúc khuỷu quanh co song đầy thi vị. Người lên chùa lòng thấm đẫm hương vị thiên tịnh. Mỗi bước đi một gần dần với cảnh tịnh tu. Đường lên chùa có nhiều khúc quẹo. Khúc quẹo nào cũng có tên ẩn chứa một thi vị riêng. Nơi này có thể nhìn thấy biển xanh sóng gợn lăn tăn với rặng phi lao chạy dài từ Cách Thủ đến Gò Bồi. Nơi khác có thể nhìn rõ mặt nước đầm Thị Nại loang loáng dưới ánh mặt trời. Cảnh con đường dốc lên chùa hòa với cảnh thiên nhiên chung quanh núi thành cái thú du lịch khi lên thăm cảnh chùa Ông Núi.

Sau khi nghỉ chân để hồi sức và nhất là để nhớ lại cảnh chùa thuở xưa, được ghi lại trong *Nước non Bình Định*: “Chùa nằm trong rừng cây cổ thụ, tịch tịch thâm u, Nhiều cây sống lâu đời, hình thù cổ quái. Nhiều cây cao vút bóng mây. Lại nhiều cây nằm ngửa nghiêng trong sắc cỏ. Quanh chùa đá mọc ngổn ngang hoặc đứng sừng sững giữa trời hoặc chen chúc cùng cây cối. Nơi chông chắt thành hòn giả sơn, nơi lại dựng đứng như vách, nơi lại nằm rải rác như một bầy voi nằm đầu voi”, chúng tôi lại tiếp tục lên chùa.

Qua khỏi tam quan, một cảnh chùa nguy nga đồ sộ hiện ra trước mắt. Mái chùa đồ ầu, sân chùa rộng rãi, hồ sen lóng lánh dưới chân tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. Cảnh trí đầy uy nghi và gợi lòng tôn kính.

Tôi lại nhớ đến quang cảnh ngôi chùa xưa cách đây hơn 60 năm. Một ngôi chùa đơn sơ nép mình trong rừng cây cổ thụ. Chung quanh chùa có suối chảy bao bọc, giữa lòng chùa, lơ lửng dòng suối quanh co.

Chùa có tên là Linh Phong thiền tự tục gọi là chùa Ông Núi. Chùa có từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Ban đầu chỉ là một am tranh gọi là Dũng Tuyền tự. Đời chúa



Nguyễn Phúc Chu, chùa lợp ngói và đổi tên là Linh Phong thiền tự. Người sáng lập là một nhà sư Trung Hoa, người địa phương gọi là Ông Núi. Thiền sư viên tịch vào thời Tây Sơn.

Thuở xưa chúng tôi thường ngồi ăn cơm trên chiếc bàn gỗ tạp ở nhà bếp chùa, lòng thích thú ngắm nhìn con suối chảy nhẹ nhàng dưới chân bàn. Con suối của thiên nhiên, con suối của tuổi thơ khi lên chùa Ông Núi bây giờ không còn nữa. Dòng suối trong veo dù không có lời dặn bảo phải giữ gìn sự sạch sẽ mà các Phật tử khi vào chùa đã không bao giờ làm vấy bẩn, không bao giờ thả rơi một hạt cơm dù vô ý và sung sướng thay khi dùng cơm xong chúng tôi dùng gáo nhỏ múc nước suối uống một cách say sưa. Nước suối trong veo, mát lạnh. Cái mát của rừng sâu non cao, cái mát của không khí tịnh an giữa đạo thiền.

Con suối đầy an tịnh, tinh khiết của thiên nhiên bây giờ không còn nữa, như đã lặn sâu vào lòng núi, như đã thả hồn mênh mang đi vào vũ trụ.

Hai dòng suối chảy bao quanh chùa bây giờ chỉ còn một, nước chảy qua những bậc đá được tay người xây đắp, luồn dưới một cây cầu xây gạch. Còn dòng suối thứ hai được cải tạo thành một hệ thống ống nước chảy ngầm phục vụ cho nguồn nước trong chùa.

Ngày xưa chùa là một tiêu điểm trong khung cảnh bao la của núi rừng. Lên thăm chùa Ông Núi là lên thăm một di tích, một thắng cảnh có đường lên chùa thăm thẳm ngoằn ngoèo rợp bóng cây lá, thâm u một ngôi chùa đơn sơ nằm lẫn trong những tán cây cổ thụ. Chung quanh chùa có suối chảy vòng bao bọc, phía sau chùa có hang tu tập với câu chuyện đôi cọp đen nằm bảo vệ cho sư trụ trì.

Bây giờ đây chùa nguy nga đồ sộ, sân chùa rộng rãi nhưng vắng đi các cổ thụ ngàn năm tỏa bóng, các con suối thiên nhiên như bạn bè quần quít cùng chùa. Con

đường lên chùa rộng rãi được nâng cấp bằng các phiến đá vững chắc nâng bước chân du khách lên thăm chùa. Khách hành hương ung dung lên thắp hương cúng Phật, sáng cũng như chiều, người xe tấp nập.

Vào các ngày 24, 25 tháng Giêng đầu xuân, người Phật tử đi lễ chùa, khách du quan đi ngắm cảnh, xe cộ rộn ràng người đi chen chúc. Con đường lên chùa tuy rộng song vẫn còn cảnh khách chen chân.

Lên chùa vào giờ đúng Ngọ nên chúng tôi không vào thăm đại điện chỉ đi vòng chung quanh chùa, ghé thăm bếp, dùng chân bên con suối có cầu vồng bắc qua và ngồi dưới bóng các cây thị mới trồng được một vài năm. Kính trọng giờ các sư nghỉ trưa nên chúng tôi yên lặng từ già chùa xuống núi.

Dùng chân nơi cổng tam quan, chúng tôi ngắm cảnh lần cuối, lại nhớ đến bức tranh bằng lời của nhà thơ Quách Tấn:

"Xa tít tận chân trời, đồng lúa bát ngát bao trùm hai mặt Tây và Nam. Lúa non trái sắc xanh mơn mớt, lúa chín trái màu vàng hươm; thoảng ngọn gió đưa, lúa vờn sóng lùa và hết đây lại đó đàn cò điểm những điểm trắng rung rinh. Lẫn trong màu sắc của đồng ruộng mênh mênh, từng chòm từng khoảng nổi lên màu lục đậm của cây, màu xám xám hoặc đo đỏ của chợ quán của nhà cửa, chùa đến... ẩn hiện dưới bóng mây làn khói".

Nhờ cây gậy bằng nhánh thị chúng tôi nhẹ nhàng xuống núi. Dựng hai cây gậy nơi một gốc cây bên lề đường, lòng chỉ mong giúp cho vị khách già nào đó có vật tùy thân để dễ dàng leo dốc thăm chùa.

Dưới hàng cây dưới cổ thụ, ngắm chùa lần cuối lòng bồi hồi nhớ đến những vần thơ xưa về cảnh núi và chùa:

*"Cây che đá chất chập chùng
Biển giăng dưới núi chùa lồng trong mây
Bụi đời không bợn mây may
Chút thân rộng thảng dài ngày thành thơ!" ■*

Lời cảm ơn cuộc sống

Mẹ tôi mất sớm, ba tôi một mình “gà trống nuôi con,” vừa kiếm sống, vừa lo nuôi dạy tám đứa trẻ thơ dại đang ở vào tuổi ăn tuổi học. Ngày ấy, người chị lớn của tôi phải thay mẹ quán xuyến việc nhà và chăm sóc các em. Đứa con út là tôi vì thiếu sữa và hơi ấm của mẹ nên còi cọc chậm lớn. Nhưng cũng may là nhờ có chị. Tối tối, chị đã ru tôi vào giấc ngủ, nhưng không phải bằng những câu hò điệu lý thông thường mà bằng những lời ca thật êm ái nhẹ nhàng mà tôi cứ nhớ hoài nhớ mãi: “Nắng chia nửa bãi chiều rồi, vườn hoang trính nữ xếp đôi lá rêu, sợi buồn con nhện giăng mau, em ơi hãy ngủ anh hầu quạt đây..., ngủ đi em mộng bình thường, ngủ đi em...”. Những lời ca ấy cứ bàng bạc và vang vọng trong những giấc ngủ của tôi và tôi đã lớn lên từng ngày cùng với những lời ca như thế. Sau này khi vào đại học, tôi mới biết bài hát đó có tên là “Ngậm ngùi” do nhạc sĩ Phạm Duy phổ thơ của Huy Cận, kết quả của sự giao duyên tuyệt vời giữa thơ và nhạc, giữa hai tâm hồn nghệ sĩ lớn ở hai miền đất nước trước đây. Năm 2005, nghe tin nhạc sĩ Phạm Duy về Việt Nam và ở trong một khách sạn gần đình Thống Nhất, chúng tôi có ghé đến thăm nhưng không thể gặp được ông. Sau này, vào những đêm nhạc Phạm Duy, tôi mới thật sự thấy được thần tượng của mình bằng xương bằng thịt ở ngoài đời. Lúc đó tôi đã rất ấn tượng với dáng người phương phi, nụ cười hiền hậu, đặc biệt là mái tóc bồng bênh bạc trắng rất lãng tử của ông; thấy ông khỏe mạnh, đi đứng nói năng hoạt bát nên chúng tôi rất mừng. Tháng Mười năm ngoái, vì biết nhạc sĩ cũng đã cao tuổi rồi nên tôi đã quyết tâm “đội mưa” và chạy xe máy vượt gần 30 cây số từ Bình Dương lên thành phố để gặp mặt ông trong đêm nhạc Tạ Ôn Đời do Nhà sách Phương Nam tổ chức ở Gò Vấp. Tôi cũng chưa nghĩ rằng đó là lần cuối cùng mình được gặp ông, người nhạc sĩ mà tôi rất mực yêu quý. Nhạc sĩ Phạm

Duy đến cuối đời vẫn miệt mài làm việc, ông đã sáng tác một lượng ca khúc thật đồ sộ với rất nhiều thể loại khác nhau; nhưng với tôi, những bản tình ca về quê hương đất nước, về tình yêu lứa đôi là những bản nhạc hay nhất. Chính nhờ những ca khúc ấy mà tôi càng yêu quê hương đất nước của mình nhiều hơn. Khi tôi ôm đàn ghê-tô dạo bài “Trả lại em yêu” thì cũng là lúc tôi nhớ da diết Sài Gòn, nhớ những con đường có “cây dài bóng mát” nên thơ và lãng đãng, nhớ những góc phố thân quen, nhớ ngôi trường xưa và những buổi gặp gỡ đông vui với bạn bè. Khi nghe “Nha Trang ngày về” của ông là lòng tôi nao nao nhớ thành phố biển miền Trung xinh đẹp với nắng vàng cát trắng và những hàng dừa muốt xanh. Tôi dự định đi thăm thành phố Plây-cu bởi rất ấn tượng với “phố núi cao phố núi đầy sương” và hình ảnh những cô gái cao nguyên má đỏ môi hồng trong “Còn chút gì để nhớ” mà ông đã phổ vào thơ Vũ Hữu Định. Điều đó tôi chưa thực hiện được thì ông đã ra đi thật xa. Bây giờ, nhạc sĩ Phạm Duy không còn nữa nhưng những ca khúc của ông sẽ vẫn ở lại mãi với mọi người. Trong hơn 1.000 ca khúc của ông, tôi nghĩ rằng sẽ có vô số những cảm xúc, những kỷ niệm vui buồn đi cùng với những ca khúc đó, nhất là những đôi lứa yêu nhau, và tôi tin rằng sẽ còn nhiều người tiếp tục kể lại những câu chuyện gắn liền với những ca khúc ấy giống như tôi. Xin thấp nén nhang và nói một lời cảm ơn ông, người nhạc sĩ tài ba của nền âm nhạc Việt Nam, người đã cho tôi những lời ca thật êm ái ngọt ngào, những “lời ru” sâu lắng và thuở bình minh của cuộc đời tôi.

Hoàng Văn Hào, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

“Trong các thứ ái dục, không gì đáng ngại bằng sắc dục. Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng..”

Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương – Chương 24



Chương trình

Mái Ấm Gia Đình Việt- Xuân Quý Ty

Bài và ảnh: THU SƯƠNG

Trong 3 năm liên tục từ 2010, 2011, 2012, Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen và Công ty Truyền thông đa phương tiện Lasta đồng tổ chức chương trình thường niên “MÁI ẤM GIA ĐÌNH VIỆT”. Năm nay chương trình được thêm sự cộng tác của Báo Công An TP.Hồ Chí Minh nên đã tổ chức chu đáo, chi tiết hơn tại Sân vận động Phan Đình Phùng vào lúc 15h30 ngày 9/2/2013 (29/12 âm lịch Nhâm Thìn).

Có gần 1.500 em nhỏ đến từ các mái ấm, nhà mở, trường giáo dưỡng, con em Hội Người mù và các em sinh viên học sinh không có điều kiện về quê ăn Tết cùng đón giao thừa với nhau trong không khí vui tươi ấm áp, chan chứa tình thân.

Điểm mới của chương trình năm nay là ngoài các hoạt động vui chơi ăn uống và truyền hình trực tiếp trong đêm giao thừa còn có chương trình “Đồng hành cùng Mái Ấm Gia đình Việt - Xuân Quý Ty” với hai hoạt động chính:

1- Ban Tổ chức đã trao tặng 22 suất hỗ trợ học tập cho 22 em có hoàn cảnh khó khăn, năm suất hỗ trợ đặc biệt cho năm gương điển hình vượt khó.

2- Hội diễn thi văn nghệ giữa ba cụm: trường Giáo dưỡng Long An, trường Giáo dưỡng Đồng Nai và Cung Văn hóa Lao động với các tiết mục hát, múa, xiếc, hài kịch....

Phát biểu tại buổi lễ sinh hoạt, ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen đã nêu lên giá trị cốt lõi mà Hoa Sen Group theo đuổi và thực hiện là: “Trung thực - Cộng đồng- Phát triển”, và chương trình MÁI ẤM GIA ĐÌNH VIỆT là một phần của giá trị cốt lõi đó. Đồng thời ông cũng bày tỏ niềm hy vọng chương trình sẽ nhận được sự hưởng ứng, chung tay góp sức ngày



càng nhiều của các công ty, đoàn thể, đơn vị để nhân rộng ra trên nhiều tỉnh thành của cả nước.

Việc làm của Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen là một hành động thiết thực, đầy tính nhân văn đối với các hoàn cảnh cơ nhỡ, khó khăn trong bối cảnh cả nước đang đối mặt với nhiều thách thức về kinh tế, xã hội hiện nay. Đây cũng là một điểm sáng nổi bật của một đơn vị kinh doanh xứng tầm thương hiệu quốc gia. Vì vậy chúng tôi tha thiết mong mỗi quý vị độc giả sẽ ủng hộ cho thương hiệu “Hoa Sen Group” qua các bình chọn, tiêu thụ sản phẩm hoặc chung góp một phần vào các hoạt động xã hội nêu trên đối với Tập đoàn Hoa Sen. ■



Đại lão HT.Thích Tắc Thành (1930 - 2009)

Nhân Lễ húy kỵ lần thứ 2 cố Đại lão HT.Thích Tắc Thành

Mãi mãi sáng ngời đạo hạnh

Bài và ảnh NGUYỄN BÔNG

Mở sáng ngày 23 tháng Chạp Nhâm Thìn (3-2-2013), Phật tử đạo tràng Phước Thành đã tề tựu đông đủ để chuẩn bị Lễ húy kỵ lần thứ 2 của Đại lão HT.Thích Tắc Thành, nguyên Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN, Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Trưởng ban Tăng sự THPG TP.HCM, Viện chủ chùa Đông Phước, quận 8, TP.HCM.

Quang lâm chứng minh Lễ húy kỵ, đạo tràng vui mừng cung đón Đại lão HT.Thích Viên Giác, Ủy viên Thường trực HĐCM GHPGVN; HT.Thích Thiện Lương, Chánh đại diện Q.8, trụ trì chùa Từ Phước; HT.Thích Thiện Thạnh, Chứng minh BDD Q. Tân Phú, viện chủ chùa Từ Huệ và chư Tôn đức Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni chùa Từ Huệ và chùa Long Vân, Q.8.

Trong không khí trang nghiêm, thanh tịnh, Phật tử - Đệ tử Chiêu Quang cùng các Phật tử đạo tràng Phước Thành thành tâm thiết lễ cúng dường Thầy Tổ, nhân ngày Lễ húy kỵ lần thứ 2 Đại lão HT.Thích Tắc Thành và cung kính tưởng niệm công đức cao dày và hạnh nguyện to lớn của Đại lão Hòa thượng:

"... Buổi đầu xuất gia học đạo, suốt bao năm vun bồi tài đức, Hòa thượng đã thường hằng tinh tấn, nỗ lực chuyên cần công phu công quả. Rồi đến độ nhân duyên hội đủ, trường tuyên Phật lần lượt bước vào, giới thân huệ mạng trang nghiêm, sáng soi dòng diệu thể. Kể từ đây ngôi Tam bảo tam tôn kế vị, xứng danh bậc sứ giả Như Lai, thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh, trau dồi trí đức, phước huệ trang nghiêm..."

Với tinh thần vô ngã, vị tha, đạo tâm trác thế, nêu cao truyền thống hòa hợp đoàn kết, quyết tâm xây dựng Đạo pháp và góp phần thống nhất Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng đã cùng Tăng Ni, Phật tử Thiện Thai Giáo Quán Tổng tiếp nối dòng sinh mệnh 2.000 năm lịch sử của Phật giáo Việt Nam, xây dựng thành công ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thành hội PG TP.HCM và Ban Đại diện PG quận 8 ngày càng trang nghiêm vững mạnh trong lòng dân tộc. Để ghi nhận những công đức và đạo hạnh của Hòa thượng đối với Giáo hội, Hòa thượng được Tăng Ni và Phật tử

quận 8 cung thỉnh vào ngôi Chứng minh Ban Đại diện, được Đại hội đại biểu Phật giáo TP.HCM lần thứ V (1997) suy cử vào Ủy viên Ban Tăng sự thành phố, Ủy viên Ban Tăng sự Trung ương, được Đại hội đại biểu PG toàn quốc lần thứ V suy tôn vào ngôi vị Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN cho đến ngày xả báo thân chứng nhập Pháp thân. Quả thật: "Thuyền từ từ buổi độ sanh. Sáu mươi năm ấy công thành vô biên. Nghĩa ân bủa khắp mọi miền. Chuyển thân để tiếp độ duyên sau này".

Với tinh thần giới đức trang nghiêm, thanh tịnh thân giáo, khẩu giáo, ý giáo thâm nghiêm, Hòa thượng là hiện thân của giới luật, là thọ mạng của Phật pháp. Trên cương vị Luật sư, Giới sư của các Giới đàn, Hòa thượng đã khai thông giới thân huệ mạng cho nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử. Qua đó, từng lớp, từng đàn giới tử, giới thể châu viên trang nghiêm dòng diệu thể, trở thành pháp khí Đại thừa truyền kỳ mạng mạch Phật pháp, Trưởng tử của Như Lai, tiến tu giải thoát, lợi lạc hữu tình, tốt đời đẹp đạo, đã không ngừng đóng góp cho ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thành hội TP.HCM ngày càng phát triển vững mạnh, trang nghiêm hưng thịnh, huy hoàng trong lòng dân tộc. Để rồi từ đó, hoa đời hoa đạo đua nhau nở, mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương...

Nào ngờ đâu, vô thường lão bệnh không hẹn cùng ai, vô thường tấn tốc. Hòa thượng đã thuận thể vô thường, thu thân viên tịch trong sự tiếc thương vô hạn của Giáo hội, Thành hội và Tăng Ni Phật tử Việt Nam cùng Pháp phái và môn đồ pháp quyến. Hỡi ôi:

*Người đi để lại nghìn công đức
Kẻ ở trông với vạn nhớ thương..."*

(Trích lời tưởng niệm của HT.Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Trưởng ban TS THPG TP.HCM).

Tiếp theo, đạo tràng Phước Thành thành tâm cung kính cung thỉnh Đại lão HT.Thích Viên Giác, Ủy viên Thường trực HĐCM GHPGVN và Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni chứng minh khai lễ cầu nguyện Tam bảo và cung tiến giác linh Đại lão HT.Thích Tắc Thành. Phật tử - Đệ tử Chiêu Quang, Chúng trưởng, thay mặt đạo tràng dâng hương đánh lễ và dâng cúng phẩm lên giác linh Đại lão Hòa thượng.

Kể đến lễ cúng dường trai tăng với sự chứng minh của Đại lão HT.Thích Viên Giác và Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni.

Lễ húy kỵ của Đại lão Hòa thượng diễn ra thật phần viên mãn, với lòng hiếu kính của hàng Phật tử, đệ tử và qua lời tác bạch thiết tha của Chúng trưởng Chiêu Quang cùng sự nhất tâm của Phật tử đạo tràng Phước Thành trong việc cúng dường Tam bảo và Chư tôn thiên đức Tăng Ni.



Đại lão HT.Thích Viên Giác cùng chư tôn đức chứng minh khai lễ



Phật tử Chiêu Quang cúng dường Đại lão HT.Thích Viên Giác và HT.Thích Thiện Thạnh



Cúng dường trai tăng



Phật tử Chiêu Quang dâng cúng Sư Ông

Cảm niệm Ân Sư

Kính dâng lên Giác linh Sư Ông tôn quý
với lòng thành kính và thương nhớ vô vàn
Đệ tử Chiêu Quang

Hôm nay Lễ Hủy kỵ lần thứ 2 của Đại lão Hòa thượng thượng Tắc hạ Thành, nguyên Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN, Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Trưởng ban Tăng sự THPG TP.HCM, (Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng sự Việt Nam trước năm 1975), Tổng Thư ký Hệ phái Thiên Thai Giáo Quán Tông, Viện chủ chùa Đông Phước, quận 8, TP.HCM. Chúng tôi hữu duyên có cuộc trao đổi với Phật tử Trần Lê Ngân, pháp danh Chiêu Quang về công đức cao dày và hạnh nguyện sáng ngời của Đại lão Hòa thượng (Phật tử thường gọi thân thương là Sư Ông), Ngài đã chân truyền nghề Đông y cho đệ tử mình cứu giúp cho rất nhiều người thoát khỏi bệnh tật, bệnh nan y (Tây y chề) trở lại cuộc sống bình thường.

- PV: Xin đạo hữu cho biết nhân duyên nào đến được với Sư Ông?

- Đạo hữu Chiêu Quang: Sư Ông tôn quý với chí nguyện của người xuất gia, nói gót Tổ tông và kiến thức sẵn có từ khóa học Bác sĩ Đông y hệ 5 năm tại TP.Sài Gòn, được cấp bằng loại giỏi; Sư Ông mở phòng thuốc Đông - Tây y trong chùa để chữa bệnh cho bá tánh bằng các phương pháp cổ truyền, kết hợp Tây y. Với hạnh nguyện cao quý này, Sư Ông đã cứu giúp cho rất nhiều người bị mang chứng bệnh nan y, không có tiền chạy chữa thuốc men. Tiếng lành đồn xa, nên chỉ một lần tiếp xúc với Sư Ông, tôi cảm thấy quyền lý luận thầy trò như từ muôn kiếp trước và tôi sung sướng được Sư Ông cho quy y với pháp danh Chiêu Quang.

- PV: Vui lòng cho biết ấn tượng sâu sắc của đạo hữu khi nghĩ về Sư Ông?

- Đh.CQ: Sư Ông tôn quý rất hiền lành, giản dị và tĩnh lặng. Với đức tính khiêm tốn, khiêm cung, nghiêm nghị đáng kính qua thân-khâu-ý. Những lúc Phật tử đến thăm dù đã qua giờ ăn mà chưa được dùng cơm, đích thân Sư Ông tự mình xuống làm bếp nấu ăn, không muốn làm phiền nhà trụ. Riêng Chiêu Quang lúc nào cũng được Sư Ông cho ăn cơm chung, có một lần tôi làm Phật sự về trễ, mặc dù tôi đã thưa Sư Ông dùng cơm chiều trước. Vậy mà đến khi về chùa đã 20 giờ, Sư Ông vẫn chờ Chiêu Quang cùng ăn tối, lúc đó tôi thưa Sư Ông muốn đứt ruột, nước mắt chực tuôn trào. Và có một buổi trưa, Sư Ông đi Phật sự về mang một bịch ớt, nhìn tôi, Sư Ông cười, trao bịch ớt cho tôi và nói: Biết chú thích ăn ớt nên khi xe đi ngang chợ Thầy nhờ chú Phú vào mua... Nhắc lại tình thương bao la của Sư Ông làm cho lòng tôi bồi hồi, xúc cảm quá! Và tôi cũng không bao giờ quên lời dạy vàng ngọc của Sư Ông: "Các con hành thiện như tặng vật phẩm, khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí, xây nhà tình thương... là đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Như vậy là các con đang trưởng dưỡng hạnh từ bi, tu tâm, dưỡng tánh, cho nên không được tự cao, ngã mạn".

Đối với Sư Ông, tiếp người trí thức, doanh nhân, người bán vé số hay anh đạp xích lô... đến viếng chùa đều như nhau, Sư Ông luôn nở nụ cười đón hậu, chào mời thân ái và ngồi cùng ăn cơm chung. Tôi nhớ có một lần, Phật tử đưa cốt thân phụ về chùa, hẹn 19 giờ mà mãi đến 22 giờ mới đến, Sư Ông vẫn y áo và hoan hỷ đón đợi linh cốt nhập vãng sanh đường.

- PV: Được biết, trước đây đạo hữu đi từ thiện sử dụng chủ yếu Tây y, duyên lành nào đưa đạo hữu hành nghề Đông y?

- Đh.CQ: Sau giải phóng, Sư Ông với nhiều Phật sự đa đoan của Giáo hội nhưng vẫn dành thời gian mở lớp tại chùa để dạy nghề may cho bà con lao động nghèo có được một "cái nghề để sinh sống" cũng như Sư Ông đã chân truyền y thuật cho các đệ tử thân cận trong đó có Chiêu Quang để phụ giúp và mở rộng việc hành thiện.

- PV: Cảm nhận của đạo hữu như thế nào trong quá trình chữa bệnh cho bệnh nhân?

- Đh.CQ: Qua nhân duyên, tôi được Sư Ông tận tình chỉ bảo phương pháp chẩn trị, cấp thuốc... cùng các bài thuốc gia truyền vô cùng quý báu. Từ những bài thuốc này được tôi chế biến và đưa đến tay cho người bệnh trong những chuyến đi từ thiện, giúp cho nhiều bệnh nhân qua cơn nguy kịch. Bước đầu tạo niềm tin và động lực cho tôi tiếp bước trên con đường y đạo. Với thời gian 19 năm y đạo, tuy là một chặng đường không dài nhưng đọng lại trong tôi nhiều dấu ấn, miễn sao cho người bệnh mau hết, chóng khỏi là tôi hạnh phúc lắm rồi. Tôi nghĩ mình sống phải biết yêu thương mọi người, nhất là lúc họ gặp cảnh cơ ngặt, rất cần sự sẻ chia và an ủi. Đây chính là nhân duyên và động lực giúp tôi trau dồi y đức và chữa trị những căn bệnh nan y cho mọi người.

- PV: Xin cho biết trong thời gian qua đạo hữu chữa trị Đông y đạt kết quả như thế nào?

- Đh.CQ: Đa số bệnh nhân được tôi khám chữa trị lúc đi từ thiện đều có kết quả tốt, có người bị bệnh nặng sau đó thân nhân phải đến nhà tôi ở 150/5 đường Nguyễn Trãi, quận 1 nhiều lần để nhận thêm thuốc và gặp lúc bà con không đủ tiền về xe, tôi cũng sẵn lòng giúp đỡ. Còn về bệnh nan y (Tây y chề) nhờ ơn Thầy Tổ, tôi đã chữa trị lành nhiều trường hợp và nhận được nhiều thư cảm ơn. Đặc biệt, nhân ngày Hủy kỵ của Sư Ông lần 2, thân nhân người bệnh làm tập Kỷ yếu Tâm Đức Thiện nói lên lời tri ân Chiêu Quang...

Cuối cùng xin kính báo Lễ Hủy kỵ lần thứ 2 của Sư Ông tôn quý được tổ chức trang trọng ở các nơi: Chùa Đông Phước, quận 8 - Chùa Tổ ở Cần Giuộc, Long An và tại đạo tràng Phước Thành, Đệ tử Chiêu Quang cùng huynh đệ thành tâm thiết lễ cúng dường viên mãn. Và xin hứa nguyện với Sư Ông, chúng con luôn luôn tinh tấn tu học và mở rộng hành thiện vùng sâu vùng xa.



Ngày Xuân bên Ân sư



Phật tử Trần Lê Ngân – Chiêu Quang trao tặng nhà tình thương



Bên những cây dược liệu thuốc



Hạnh phúc dành cho người nghèo

Xin chân thành cảm ơn đạo hữu Trần Lê Ngân – Chiêu Quang và nhân đầu Xuân Quý Tỵ, kính chúc đạo hữu và các Phật tử đạo tràng Phước Thành luôn được thân tâm thường an lạc, tinh thức trong hào quang của Chư Phật.

ĐAN TÂM

Xuân 3
2013
Quý Tỵ
Chúc
mừng
năm
mới

Mây
vân
bay
và
bông
xuân
vân
tỏa

Nước
vân
chảy
để
môi
lớn
mầm
xanh

 **Sân Mây**
CAFE

Sân Mây Café: 224A-B Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3. ĐT: 08.3932 2266
Sân Mây Nhà hàng Chay: 252/43 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10. ĐT: 08.3507 1628



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Gỗ hóa Ngọc (Fossil Wood)
- Ngọc Bích Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới (Nephrite Jade)
- Chuyên:
chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật
chế tác chạm khắc từ đá quý - đá bán quý

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

* Showroom 2: 288 A3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3 (đối diện chùa Vĩnh Nghiêm).
ĐT: 08 62704225

* Showroom 1: Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng số 6
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình. ĐT: 08 22464269

* VP. COASTAL GROUP: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình,
Tel: 08 22450996-62967372. Hotline: 0909 799806 (Mr. Duy Pham)

Website bán hàng online:

www.daphongthuy.com.vn www.coastalgems.com.vn

(Cắt mẫu quảng cáo này đem đến showroom chúng tôi, quý khách sẽ được tặng thẻ VIP
CARD giảm 8% khi mua hàng)



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
THÁI LONG VINA

SEAL

○ **Chuyên sản xuất và kinh doanh:**

- Muối thực phẩm - Muối công nghiệp - Muối Iốt
- Muối (NaCl): Hóa mỹ phẩm - Thủy hải sản
Xử lý nước - Thức ăn chăn nuôi - Thuộc da



NHẬN CUNG CẤP CÁC LOẠI MUỐI NHẬP KHẨU

○ **Để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên hệ:**

Ông Huỳnh Văn Lộc (0903 824 480)

ĐC: 79 Phan Văn Trị, P.14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08 3516 3286 - Fax: 08 6294 2936

Website: www.muoihailong.com.vn

Email: thailongvina@yahoo.com



Vinpearl Luxury
ĐÀ NẴNG

Vietnam's Holiday Paradise



Địa chỉ : Đường Trương Sa, Phường Hòa Hải,
Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng, Việt Nam.
Tel : +84 511 395 8888 * Fax: +84 511 393 8188
Email : info@vinpearl-luxury-danang.com
reservations@vinpearl-luxury-danang.com
Website : www.vinpearl.com

VINPEARL LUXURY ĐÀ NẴNG

Cùng trải nghiệm kỳ nghỉ sang trọng đẳng nhất tại khu nghỉ dưỡng 5+ sao hàng đầu Việt Nam

- 650 phòng nghỉ sang trọng gồm: 39 suite suite và 311 phòng nghỉ với tiện nghi hàng cao nhất và trang thiết bị hiện đại nhất trong 5 sao cùng 5 bể bơi và 6000 mét đất
- Khu SPA thực dưỡng cùng hàng loạt dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhất trong đêm nay không quên nghỉ dưỡng hoàn toàn biệt lập
- Nhà hàng là một tác phẩm nghệ thuật mang vẻ đẹp huyền bí và thơ mộng được lấy cảm hứng từ các tác phẩm nghệ thuật phương cách làm thực tế các món ăn Việt Nam
- KHU VƯỜN SAHARA BỂ BƠI CẢ ĐÊM TRẢI DÀI ĐOÀN BIỂU ĐÀN 30 LUỒNG CHƠI SÂN BÓNG HỒC HỒC HAY HAY 8800 M² TRONG KHU
- Nhà hàng phòng họp với nhiều phòng đa chức năng được thiết kế đẹp mắt mang đến sự thoải mái và tiện nghi nhất để bạn tận hưởng cuộc sống trong



Vinpearl Luxury
NHA TRANG

Reach out and touch your dream

Trải nghiệm cảm xúc tuyệt vời với kỳ nghỉ trên đảo sang trọng, riêng tư tại **Biệt thự nghỉ dưỡng 5+ sao - VINPEARL LUXURY NHA TRANG**

Độc đáo và biệt lập trên đảo với 64 biệt thự có tầm nhìn hướng ra vịnh Nha Trang thơ mộng, bạn sẽ tận hưởng kỳ nghỉ sang trọng và riêng tư với bể bơi & sân vườn riêng, nội thất hiện đại, tiện nghi và dịch vụ đạt tiêu chuẩn 5+ sao trong mỗi biệt thự Vinpearl Luxury Nha Trang.

Tại đây, bạn sẽ thỏa mãn nhu cầu ẩm thực tinh tế với thực đơn phong phú mang hương vị đặc trưng Âu, Á & Việt Nam. Và tuyệt vời hơn khi cảm nhận sự thư giãn giữa sóng, nước và gió biển cùng các bãi Spa độc đáo tại chòi mái-xa ngay trên mặt biển. Bãi biển riêng tư trên đảo và bể bơi lớn rộng 3.000m² là không gian thư giãn, lãng mạn dành cho một kỳ nghỉ đáng nhớ.



VINPEARL LUXURY NHA TRANG

Địa chỉ : Bãi Hòn Tằm, Nha Trang, Việt Nam
Tel : +84 58 3 508 508 * Fax : +84 58 3 528 000
Email : info@vinpearl-luxury-nhatrang.com
reservations@vinpearl-luxury-nhatrang.com
Website : www.vinpearl.com



DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quà lưu niệm, pháp phục tặng ni cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH HƯƠNG TỪ THIỆN

- ❖ **Biển Kampongsom - Núi 5 Thuyền - Bangkok - Siem Reap.**
Chi phí: 4.500.000VND (8 ngày 7 đêm)
- ❖ **Campuchia - Lào - Thái Lan - Myanmar.**
Chi phí: 8.300.000 VND (11 ngày 10 đêm)
- ❖ **Ấn Độ - Nepal.**
Chi phí: 1.150 USD (14 ngày 13 đêm)
- ❖ **Hành hương xứ Phật Sri Lanka.**
Chi phí: 30.500.000 VND (7 ngày 6 đêm)
- ❖ **Hành hương Xuyên Việt.** Chi phí liên hệ... (20 ngày 20 đêm)

Có tổ chức hành hương trong nước

Liên hệ: Sư Tạng Minh: 01647826121 - 01646464103 - 08 62750789

Website: dulichhanhhuongtuthien.com

Địa chỉ: 95-103 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q. Gò Vấp, TP.HCM

Hoạt động tôn giáo bạn

TẶNG QUÀ XUÂN CHO ĐỒNG BÀO NGHÈO

Vào sáng ngày 1-2-2013 (tức là 21 tháng Chạp ẤL) tại Phòng Khám bệnh nhân đạo Nam Thành thánh thất (Chữ Thập Đò, Q.1), tổ chức tặng 400 phần quà xuân Quý Tỵ cho bà con lao động nghèo vui Tết thuộc 12 đơn vị như: Chữ Thập Đò các phường Cầu Kho, Tân Định, Phạm Ngũ Lão thuộc Q.1; P.12 thuộc Q.3, Cơ sở khuyết tật - Công ty An Phúc; Hội Người mù Q.6; xã Bình Khánh H.Cần Giờ; xã Tiến Lợi tỉnh Bình Thuận, v.v.

Bà con nghèo hân hoan đón nhận quà tặng trong niềm xúc cảm...



PHÁP TUỆ

Ông Nguyễn Hữu Nhơn (Chí Đạt) đang trao quà cho bà con.

Đang phát hành

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2012**

từ số 156 đến số 167

giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

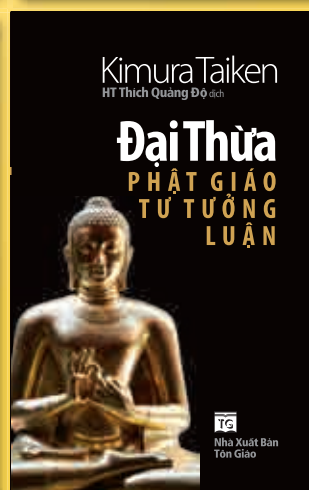
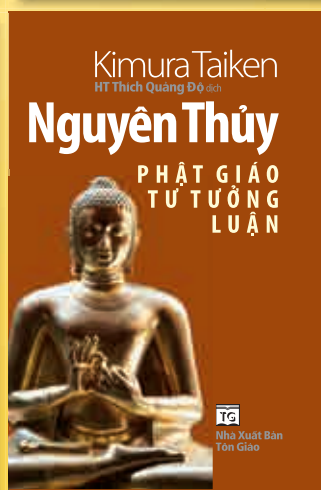
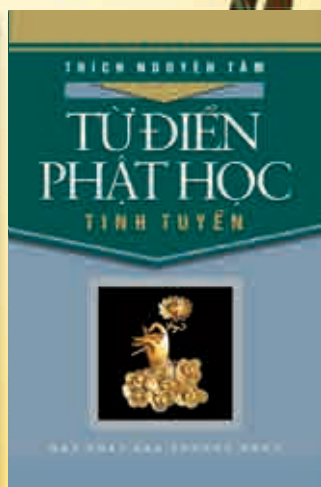
Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P. 8 – Q. 3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Chúc Mừng
Tết đến
trăm
đầu
như ý
Xuân
Sang
Vạn
Sự
Thịnh
Cùng



Quý Tỷ
2013



Vietnam Value

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Hoa Sen Group, Số 9, ĐL Thống Nhất, KCN Sóng Thôn 2, P.Đi An, Tx.Đi An, T.Bình Dương, Việt Nam
www.hoasengroup.vn